Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
DIRECTORATE OF VOCATIONAL EDUCATION AND TRAINING

BÁO CÁO TÌM HIỂU THỰC TẾ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tại 11 trường Cao đẳng đối tác của GIZ

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

Thông tin chung

Tài liệu này được xây với sự hỗ trợ của Chương trình Hợp tác Việt-Đức “Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam”. Chương trình được tài trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ), đồng thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) cùng với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Việt Nam. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng của Giáo dục nghề nghiệp để thích ứng với thế giới việc làm không ngừng thay đổi, ngày càng trở nên xanh và được số hóa hơn.

Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam
Số 1, ngõ 17 Tạ Quang Bửu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
T: +84 24 397 46 571
E: office.tvet@giz.de
W: www.tvet-vietnam.org/ www.giz.de

Đơn vị điều phối:	**Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam** ThS. Phạm Xuân Hoàn Bà Nguyễn Nguyệt Linh
Đơn vị phối hợp:	**Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp** **11 Trường Cao đẳng đối tác của GIZ**
Tổ biên soạn:	**Nhóm tư vấn của GIZ** GS. TS. Hồ Tú Bảo TS. Nguyễn Nhật Quang

Tổ chức Hợp tác Quốc tế, Đức GIZ
Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp
Việt Nam

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
TÌM HIỂU THỰC TẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TẠI 11 TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐỐI TÁC CỦA GIZ

Phiên bản đầu tiên

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

Tài liệu Báo cáo hoạt động Tìm hiểu thực tế Chuyển đổi số tại 11 trường cao đẳng đối tác của GIZ được chính thức xây dựng bởi Nhóm tư vấn và các đối tác hợp tác của Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Viêt Nam.

Tài liệu có thể được sao chép hoặc tải xuống trên www.tvet-vietnam.org miễn phí dành cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu, không gắn với lợi ích thương mại.

Đối với bất kỳ mục đích sử dụng và sao chép nào khác, xin liên hệ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Viêt Nam để biết thêm thông tin và xin phép.

Địa chỉ: số 1, Ngõ 17, Phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

***Tel:** +84 (0) 24 39 74 64 71*

***Website:** www.tvet-vietnam.org*

www.giz.de/vietnam

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT 6
PHỤ LỤC HÌNH ẢNH 7
TÓM TẮT BÁO CÁO 8
1. GIỚI THIỆU CHUNG 9
1.1. Chương trình "Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam" 9
1.2. Phân tích bối cảnh hoạt động 9
1.2.1. Tổng quan về GDNN tại Việt Nam 9
1.2.2. Hoạt động CĐS tại Việt Nam 10
1.3. Lý do triển khai hoạt động 10
1.4. Mục tiêu hoạt động 11
1.5. Phương pháp 11
1.5.1. Khảo sát tài liệu 12
1.5.2. Thảo luận nhóm 12
1.5.3. Thăm quan thực địa 13
1.5.4. Phỏng vấn sâu 13
1.6. Tóm tắt hoạt động 13
2. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ 11 TRƯỜNG CĐ ĐỐI TÁC 14
2.1. Về đơn vị chủ quản, số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên 14
2.2. Về nghề đào tạo 16
2.3. Phân tích SWOT 20
3. NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ 22
3.1. Về nội dung đào tạo 22
3.2. Về phương pháp dạy và học 24
3.3. Giáo viên và học viên 25
3.4. Hạ tầng, nền tảng, và học liệu số 26
3.5. Quản trị và quản lý giáo dục 27
3.6. Thể chế và hành lang pháp lý 28
4. KHUYẾN NGHỊ 29
5. KẾT LUẬN CHUNG 31
6. TÀI LIỆU THAM KHẢO 32
PHỤ LỤC 34
Phụ lục 1: Danh sách 11 trường CĐ đối tác được khảo sát 34

Phụ lục 2: Kế hoạch khảo sát 34
Phụ lục 3: Bài trình bày về CĐS trong GDNN..... 37
Phụ lục 4: Danh sách nghề đào tạo tại 11 trường CĐ..... 51
Phụ lục 5: Báo cáo thực trạng CĐS của 11 trường CĐ đối tác 61
- Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 61
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh..... 71
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh 86
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế..... 102
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Nha Trang 114
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Ninh Thuận..... 127
- Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II (TPHCM) 141
- Cao đẳng Công nghề Quốc tế LILAMA 2..... 159
- Trường CĐ Cơ giới Thủy lời (VCMI)..... 165
- Trường Cao đẳng Long An 177
- Trường Cao đẳng Nghề An Giang 198

TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải nghĩa
1.	AI	Trí tuệ nhân tạo
2.	BMZ	Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức
3.	CĐ	Cao đẳng
4.	CĐS	Chuyển đổi số
5.	CNTT	Công nghệ thông tin
6.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
8.	GIZ	Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức
9.	IoT	Internet vạn vật
10.	LĐ&TBXH	Lao động, Thương binh và Xã hội
11.	SC	Sơ cấp
12.	SWOT	Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức
13.	TT	Trung cấp
14.	TT&TT	Thông tin và truyền thông
15.	UBND	Ủy ban nhân dân

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Biểu đồ thống kê đơn vị quản lí các trường CĐ đối tác 14
Hình 2: Biểu đồ thống kê số lượng cán bộ, giảng viên theo trường CĐ.....15
Hình 3: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên theo hệ đào tạo.....15
Hình 4: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên theo các trường CĐ 16
Hình 5: Biểu đồ thống kê số nghề và số khóa đào tạo ở 3 hệ CĐ, TC, SC....16
Hình 6: Biểu đồ thống kê nghề đào tạo phổ biến của 11 trường CĐ.....17
Hình 7: Biểu đồ thống kê so sánh 12 nghề phổ biến ở cả ba (03) hệ đào tạo18
Hình 8: Số lượng nghề đào tạo ở hệ CĐ tại 11 trường CĐ 19
Hình 9: Số lượng nghề đào tạo ở hệ TC tại 11 trường CĐ 19
Hình 10: Số lượng nghề đào tạo ở hệ SC tại 11 trường CĐ 19
Hình 11: Hệ sinh thái CĐS trong giáo dục và đào tạo (Hồ Tú Bảo, 2021).....22

TÓM TẮT BÁO CÁO

Báo cáo trình bày các kết quả hoạt động khảo sát thực địa về hiện trạng ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và định hướng chuyển đổi số (CĐS) tại 11 trường cao đẳng (CĐ) được Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) lựa chọn hỗ trợ. Báo cáo đã chỉ ra thực trạng, phát hiện các điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn vướng mắc của các trường liên quan đến quá trình CĐS. Cụ thể, báo cáo chia sẻ nhận định về sáu nhóm nội dung của hệ sinh thái CĐS trong GDNN và chín khuyến nghị đã được phân tích chi tiết. Các nội dung nhận định tập trung vào: 1) Nội dung giáo dục và đào tạo, 2) Phương pháp dạy và học, 3) Giáo viên và học viên số, 4) Hạ tầng, nền tảng, và học liệu số, 5) Quản trị và quản lý giáo dục, 6) Xây dựng thể chế và hành lang pháp lý. Mặc dù hoạt động khảo sát chỉ tiến hành trong phạm vi tại 11 trường CĐ đối tác của GIZ, kết quả nghiên cứu, số liệu tổng hợp, nhận định, khuyến nghị của nhóm chuyên gia không chỉ hữu ích cho GIZ, Tổng cục GDNN, 11 trường CĐ đối tác mà còn giúp các cơ sở GDNN khác trong hệ thống GDNN Việt Nam tham khảo, hiểu được thực trạng, từ đó xây dựng các chương trình CĐS phù hợp cho các trường cũng như toàn ngành GDNN.

Để hoàn thành được hoạt động, nhóm chuyên gia của GIZ đã nhận được sự hợp tác và hỗ trợ rất nhiệt tình của các lãnh đạo, cán bộ, giảng viên và sinh viên từ các tổ chức khác nhau như Tổng cục GDNN, các sở và UBND tỉnh, và 11 trường CĐ. Nhân dịp này chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tổ chức và các nhân liên quan đã tham gia và đóng góp.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Chương trình "Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam"

Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam do Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) tài trợ và ủy nhiệm cho Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) thực hiện, với vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam. Tại Việt Nam, Tổng cục GDNN thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐ&TBXH) là đối tác triển khai. Mục tiêu tổng quát của Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam là giúp "GDNN ở Việt Nam được điều chỉnh phù hợp hơn với thế giới công việc đang thay đổi". Các mục tiêu chi tiết gồm:

- Mục tiêu 1: Các cơ quan nhà nước có liên quan, đội ngũ nhân sự GDNN, các cơ sở GDNN và doanh nghiệp được kết nối với nhau trực tiếp và thông qua kỹ thuật số.

- Mục tiêu 2: Chính sách về GDNN được điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu của thế giới công việc đang thay đổi.

- Mục tiêu 3: Mô hình trường cao đẳng chất lượng cao được triển khai thành công ở các cơ sở GDNN được lựa chọn.

1.2. Phân tích bối cảnh hoạt động

1.2.1. Tổng quan về GDNN tại Việt Nam

Việt Nam hiện có 56 triệu người trong độ tuổi lao động, trong khi năng lực đào tạo của hệ thống GDNN hiện mới đáp ứng được 2,2 triệu người/năm. Nhu cầu gia tăng về quy mô đào tạo (skilling), đào tạo lại (re-skilling) và đào tạo nâng cao (up-skilling) kỹ năng nghề cho lực lượng lao động nghề là rất lớn. Dự thảo "Phát triển Chiến lược GDNN giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến 2045" dự kiến tăng quy mô tuyển sinh lên 12.900.000 người học ở các hệ đào tạo. Trong khi đó, hệ thống gần 2000 cơ sở GDNN hiện tại còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, giáo viên. Chính phủ và Bộ LĐ&TBXH có chủ trương tinh giảm số lượng bằng cách sát nhập cơ sở GDNN để đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề.

Đứng trước yêu cầu của thị trường lao động thay đổi từng ngày, đặc biệt là tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế tự chủ và cạnh tranh trong giáo dục ngày càng gia tăng, hệ thống đào tạo nghề đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa tính linh hoạt (flexible), tính mở (open), khả năng thích nghi (adaptive) và khả năng đáp ứng nhanh (responsive) để tồn tại và phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu và yêu cầu của doanh nghiệp.

Dịch COVID 19 đã phần nào tác động bắt buộc phải dịch chuyển mọi hoạt động quản lý và đào tạo từ môi trường thực lên môi trường số, bao gồm cả

phương thức dạy và học. Tuy nhiên, nhiều cở sở GDNN chưa đủ khả năng, hoặc chưa kịp chuẩn bị để sẵn sàng đối phó với thay đổi này, thập chí phải tạm dừng các hoạt động dạy và học do không triển khai đào tạo trực tuyến được.

Tựu chung lại, từ những phân tích trên cho thấy nhu cầu, cơ hội và tiềm năng CĐS cho GDNN Việt Nam là rất lớn. CĐS có thể giúp tăng quy mô đào tạo dựa trên các giải pháp nền tảng số, kết hợp với hệ thống dữ liệu toàn ngành có thể giúp các cơ sở GDNN gia tăng tính mở và linh hoạt, đưa mọi hoạt động quản lý, dạy và học lên môi trường số.

1.2.2. Hoạt động CĐS tại Việt Nam

CĐS hiện đang là xu hướng tất yếu, mang đến những thay đổi tổng thể và toàn diện đối với mọi tổ chức và cá nhân, làm thay đổi phương thức làm việc và phương thức sống trên môi trường mới. CĐS tác động làm thay đổi mô hình kinh doanh, mô hình đào tạo, sản phẩm và dịch vụ, giúp các tổ chức, doanh nghiệp khai thác các cơ hội trên môi trường số.

CĐS được Chính phủ Việt Nam rất coi trọng. Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 đã chỉ rõ: “Đổi mới mạnh mẽ... tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số”. Đây là một trong những khâu quan trọng để nền kinh tế số có thể hình thành và phát triển. Đây cũng là một trong nhiều nét mới trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIII lần này. Năm 2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”. Ngày 28/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg “về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới”. Đây được xem là hai trong số những văn bản quan trọng thể hiện chủ trương quan tâm chỉ đạo của Chính phủ về CĐS.

Trong lĩnh vực GDNN, CĐS cũng rất được chú trọng. Chuyển đổi số được xem như giải pháp bao trùm trong dự thảo Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến 2045. Tổng cục GDNN đang khẩn trương xây dựng Chương trình CĐS cho GDNN giai đoạn 2021-2030, dự kiến trình Chính phủ phê duyệt và ban hành trong năm 2021.

1.3. Lý do triển khai hoạt động

Cho đến nay, chưa có một hoạt động nghiên cứu bài bản và chuyên sâu nào về chủ đề CĐS trong GDNN tại Việt Nam. Mặt khác, Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam bắt đầu bước sang giai đoạn dự án mới 2020-2024 từ tháng 9/2020 và CĐS là lĩnh vực trọng tâm mới. Do đó, hoạt động tìm hiểu thực

tế CĐS tại 11 trường CĐ đối tác cần được triển khai. Dựa trên những phân tích, nhận định và đặc biệt là các khuyến nghị rút ra từ hoạt động sẽ giúp:

- Chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam xây dựng kế hoạch hoạt động tư vấn chiến lược, nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật nhằm thúc đẩy CĐS trong GDNN.
- Tổng cục GDNN hoạch định chính sách, xây dựng Chương trình CĐS trong GDNN giai đoạn 2021-2030.
- 11 trường CĐ đối tác trong nỗ lực nâng cao nhận thức và tìm hướng đi cho CĐS phù hợp với đơn vị mình.

1.4. Mục tiêu hoạt động

Để đạt được mọi mục tiêu của CĐS, chúng tôi đề xuất mục tiêu tổng thể là "hiểu sâu hơn về hiện trạng CĐS trong ngành GDNN của Việt Nam". Các mục tiêu cụ thể được trình bày rõ hơn như dưới đây:

- Xác định các tác động, thách thức và các yếu tố thành công quan trọng liên quan đến hệ sinh thái được đề xuất cho giáo dục và đào tạo với sáu (06) hợp phần liên quan lẫn nhau của CĐS tại các đối tác GDNN,
- Cung cấp bằng chứng dựa trên nghiên cứu để tư vấn chính sách, phát triển năng lực và xây dựng kế hoạch chiến lược trong lĩnh vực GDNN của Việt Nam,
- Đề xuất các khuyến nghị cụ thể để thực hiện CĐS trong lĩnh vực GDNN của Việt Nam,
- Đưa ra các gợi ý cho các đơn vị để có các nghiên cứu sâu hơn về các khía cạnh khác của CĐS, hoặc mở rộng phạm vi nghiên cứu lên cấp khu vực (ASEAN).

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi chính "Tình trạng của CĐS tại các cơ sở đào tạo nghề như thế nào?". Đặc biệt, các câu hỏi sau được giải quyết thêm:

- CĐS đã tác động như thế nào đến lĩnh vực GDNN?
- Điều gì quyết định CĐS thành công cho các trường CĐ đối tác?
- Những thách thức chính liên quan đến CĐS tại các trường CĐ đối tác?
- Nhu cầu chính của các bên liên quan trong GDNN để vượt qua những thách thức này là gì?

1.5. Phương pháp

Phương pháp luận bao gồm khảo sát tài liệu, thảo luận nhóm, thăm khuôn viên trường và phỏng vấn.

1.5.1. Khảo sát tài liệu

Nhằm mục đích khảo sát thông tin cơ sở trước khi đến làm việc tại từng trường, nhóm chuyên gia tư vấn đề nghị Tổng cục GDNN, Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam và 11 trường CĐ đối tác cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ mục đích nghiên cứu. Riêng các trường CĐ đối tác được yêu cầu xây dựng và gửi báo cáo tổng hợp cung cấp các nội dung như sau:

- Tổng quan về nhà trường (đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, một số kết quả thực hiện nổi bật về công tác chỉ đạo, đào tạo, công tác học sinh sinh viên, cơ sở vật chất, hoạt động đối ngoại, kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp, các ngành/nghề đào tạo, thống kê số lượng sinh viên, số lượng cán bộ...)
- Chiến lược phát triển chung của nhà trường (tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược, kế hoạch hoạt động...)
- Thực trạng và chiến lược CĐS (chủ trương của nhà trường, phân tích SWOT về CĐS, thực trạng và đích đến gắn với 6 hợp phần trong hệ sinh thái của CĐS).

Ngoài ra, nhóm chuyên gia nghiên cứu thêm thông tin qua các website, và báo cáo hiện trạng UDCNTT.

Tổng cục GDNN và Chương trình Đổi mới Đào tạo nghề Việt Nam được yêu cầu cung cấp các tài liệu liên quan đến thông tin chung, các kế hoạch hoạt động hỗ trợ của GIZ về CĐS cho GDNN.

Những tài liệu này được nghiên cứu kỹ lưỡng với các nhận xét và câu hỏi trước chuyến khảo sát.

1.5.2. Thảo luận nhóm

Hoạt động đầu tiên của chuyến thăm là thảo luận nhóm, bao gồm các bài trình bày và thảo luận chung của các đại biểu tại mỗi trường. Thành phần tham gia buổi thảo luận bao gồm các đại diện của Ban Giám hiệu, các khoa, phòng CNTT, phòng đào tạo, phòng hành chính nhân sự, phòng công tác sinh viên, người phụ trách thư viện, người phụ trách hợp tác với doanh nghiệp, giáo viên chủ chốt và nhân viên CNTT, cùng những người khác. Ngoài ra, buổi thảo luận còn có sự tham gia của lãnh đạo cấp tỉnh đại diện cho ở LĐ&TBXH, sở TT&TT, UBND tỉnh và lãnh đạo đại diện cho các cơ sở GDNN tại địa bàn tỉnh/thành phố.

Các cuộc thảo luận được tiến hành theo kế hoạch chung như sau:

- Đại diện của trường trình bày thông tin chung, hiện trạng của việc áp dụng / ứng dụng CNTT trong trường, tầm nhìn và kỳ vọng về CĐS, đặc biệt là từ những gì họ học được sau khóa đào tạo vào tháng 11/2020 do GIZ tổ chức, bao gồm cả phân tích SWOT của họ liên quan đến CĐS.

- Chuyên gia tư vấn của GIZ trình bày bức tranh chung về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và hệ sinh thái số cho giáo dục và đào tạo bao gồm sáu (06) hợp phần: giáo dục và đào tạo nội dung; phương pháp dạy và học; cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, nền tảng và học liệu số; giáo viên và học sinh kỹ thuật số; quản trị và điều hành kỹ thuật số; và khuôn khổ và hành lang pháp lý.
- Chuyên gia tư vấn dẫn dắt cuộc thảo luận bằng cách yêu cầu các thành viên của trường chia sẻ nhận xét / ý kiến của họ.
- Các thành viên nhóm tư vấn đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về hiện trạng, đặc biệt là nhận thức của các thành viên tổ chức về các khía cạnh của CĐS.

Các cuộc thảo luận cởi mở được thực hiện cho tất cả các thành viên nhằm đạt được sự hiểu biết chung và những ý tưởng ban đầu của CĐS cho các trường.

1.5.3. Thăm quan thực địa

Nhóm chuyên gia tư vấn dành một tiếng thăm quan thực tế tại trường và đặt các câu hỏi phỏng vấn nhanh với các cán bộ liên quan phụ trách nơi thăm quan như xưởng thực hành, phòng đào tạo, thư viện...

1.5.4. Phỏng vấn sâu

Những người tham gia phỏng vấn được chọn ngẫu nhiên. Ý chính về nội dung phỏng vấn và câu hỏi khảo sát như sau:

- Nhận thức về CĐS và hiểu biết về sáu hợp phần của hệ sinh thái CĐS tại các cơ sở GDNN để nhóm chuyên gia tư vấn tham khảo và làm rõ những việc cần làm cho kế hoạch CĐS và đưa ra lời khuyên cho họ.
- Để đạt được mục tiêu phỏng vấn và các nội dung trên, bộ câu hỏi phỏng vấn được thiết kế phù hợp với đối tượng phỏng vấn. Thiết kế câu hỏi bao gồm nội dung câu hỏi và từ ngữ, một thứ tự và định dạng có ý nghĩa được sử dụng trong một thời gian giới hạn.
- Đối tượng phỏng vấn được chia thành năm nhóm: 1) Lãnh đạo các phòng/trung tâm chức năng, 2) Lãnh đạo các khoa/bộ môn chuyên môn, 3) Giáo viên đại điện các ngành/nghề đào tạo, 4) Sinh viên đại diện các hệ và các ngành nghề đào tạo, đại diện các năm, 5) Ban Giám hiệu.

1.6. Tóm tắt hoạt động

Hoạt động tìm hiểu thực tế CĐS trong GDNN chính thức diễn ra trong vòng 15 ngày (từ 05-19/3/2021). Sau chuyến công tác đầu tiên diễn ra tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, đoàn công tác chia thành hai nhóm triển khai song song hoạt động tại 2 nhóm trường các tỉnh miền Trung và các tỉnh miền Nam. Ngoài mục đích khảo sát thực trạng, mỗi chuyến công tác tại các trường

đều là cơ hội nâng cao nhận thức và cung cách hiểu về CĐS cho các nhóm đối tượng bao gồm:

1) Cán bộ lãnh đạo các sở và UBND tỉnh/thành phố,

2) Cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, giảng viên, sinh viên tại các trường CĐ đối tác,

3) Đại diện cán bộ lãnh đạo từ các cơ sở GDNN khác trong địa bàn tỉnh/thành phố.

Sau chuyến khảo sát, đoàn công tác họp tổng kết đánh giá và viết báo cáo, đề xuất các khuyến nghị cho GIZ, Tổng cục GDNN và các trường CĐ đối tác. Kết quả nghiên cứu được chia sẻ cho các cơ sở GDNN, các chương trình thuộc GIZ, và các tổ chức trong nước và quốc tế khác để tham khảo.

2. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ 11 TRƯỜNG CĐ ĐỐI TÁC

Nội dung phần này được tổng hợp, trích lọc từ báo cáo cung cấp bởi 11 trường CĐ đối tác nhằm cung cấp bức tranh chung về bối cảnh, nguồn lực nhân sự, sinh viên và nghề đào tạo.

2.1. Về đơn vị chủ quản, số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên

Trong tổng số 11 trường CĐ đốit ác, có 55% số trường trực thuộc UBND tỉnh, 18% trực thuộc Bộ Xây dựng và 27% số trường còn lại thuộc các bộ khác nhau. Đặc thù này có thể xem xét đến khi tiếp cận tư vấn xây dựng chiến lược, vận động ủng hộ chính sách, cách thức huy động nguồn lực cho chuyển đổi số (Thông tin chi tiết có thể xem ở Phụ lục 1).

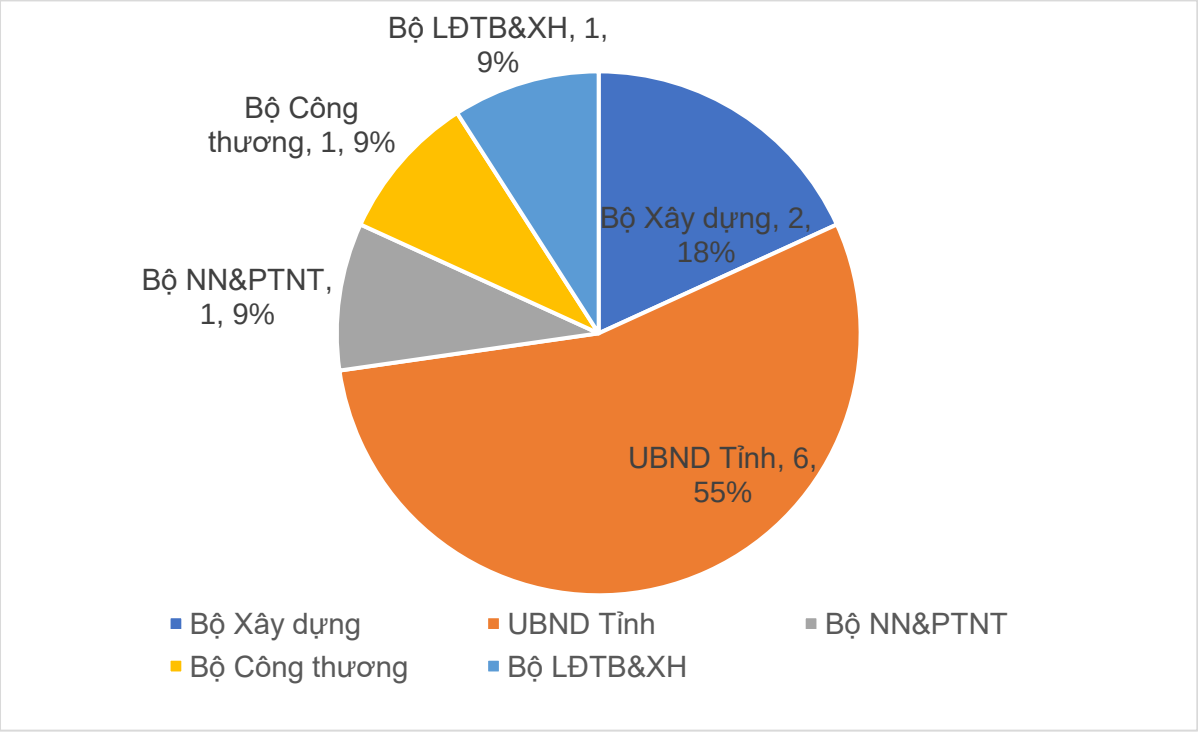

Hình 1: Biểu đồ thống kê đơn vị quản lí các trường CĐ đối tác

Hình 2 chỉ ra sự khác nhau về số lượng nhân sự bao gồm cả đối tượng quản lý, cán bộ và giảng viên so sánh giữa các trường.

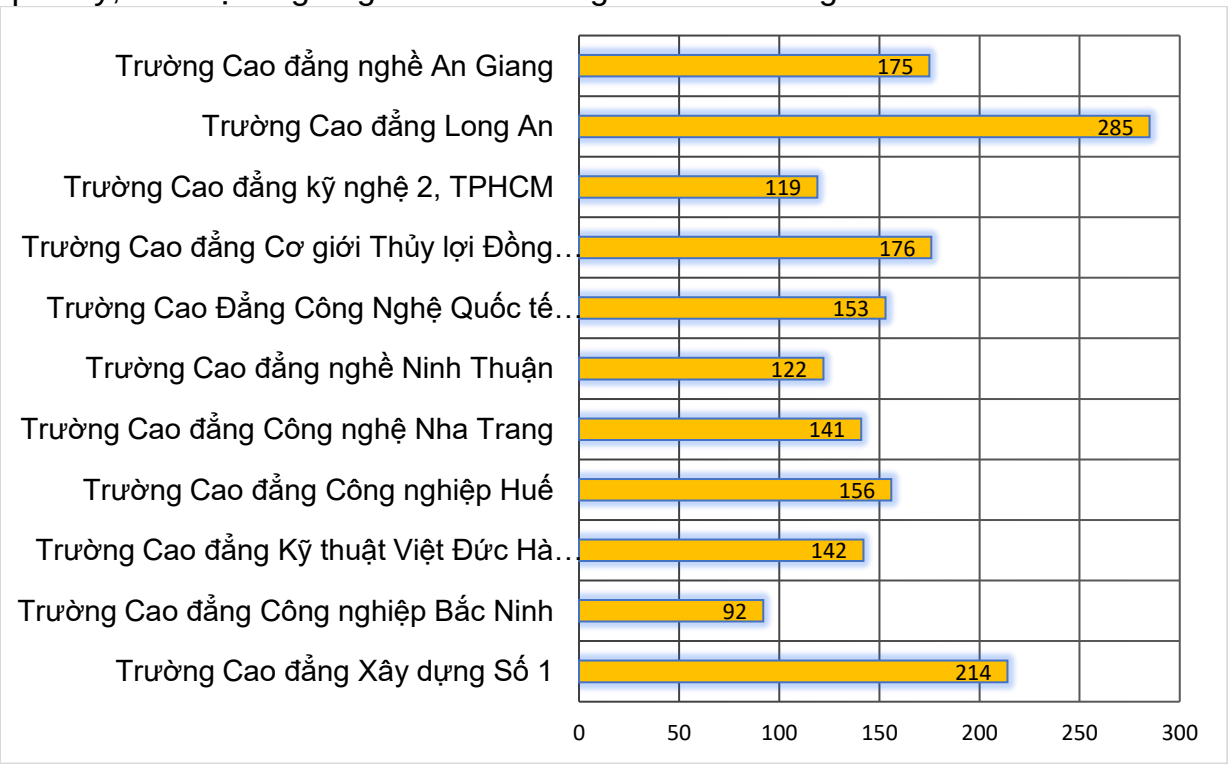

Hình 2: Biểu đồ thống kê số lượng cán bộ, giảng viên theo trường CĐ

Hiện tại, 11 trường đối tác đang đào tạo tổng số 50.198 sinh viên ở hệ cao đẳng (CĐ) tương ứng với 13.106 sinh viên và chiếm 26%, hệ trung cấp (TC) tương ứng với 18.628 sinh viên và chiếm 37%, hệ sơ cấp (SC) tương ứng với 16.703 sinh viên và chiếm 33%, và hệ đào tạo khác tương ứng với 1.761 sinh viên và chiếm 4%.

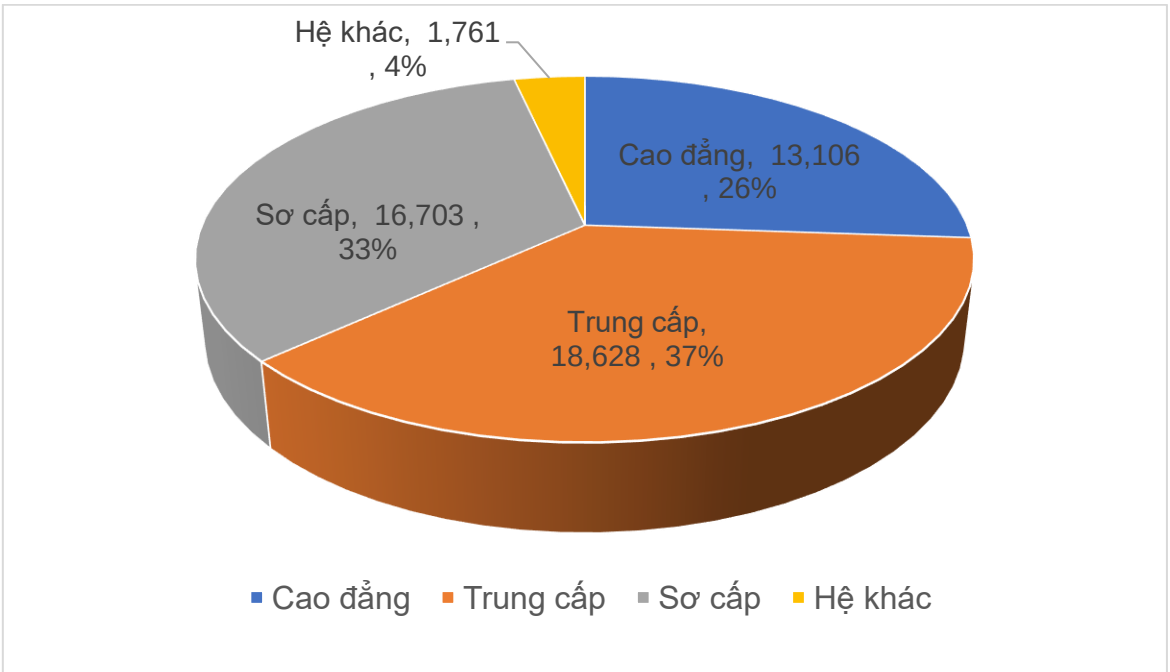

Hình 3: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên theo hệ đào tạo

Biểu đồ (Hình 4) cho thấy sự chênh lệch khá lớn giữa các trường về số lượng sinh viên ở các hệ đào tạo CĐ, TC, SC và hình thức đào tạo khác.

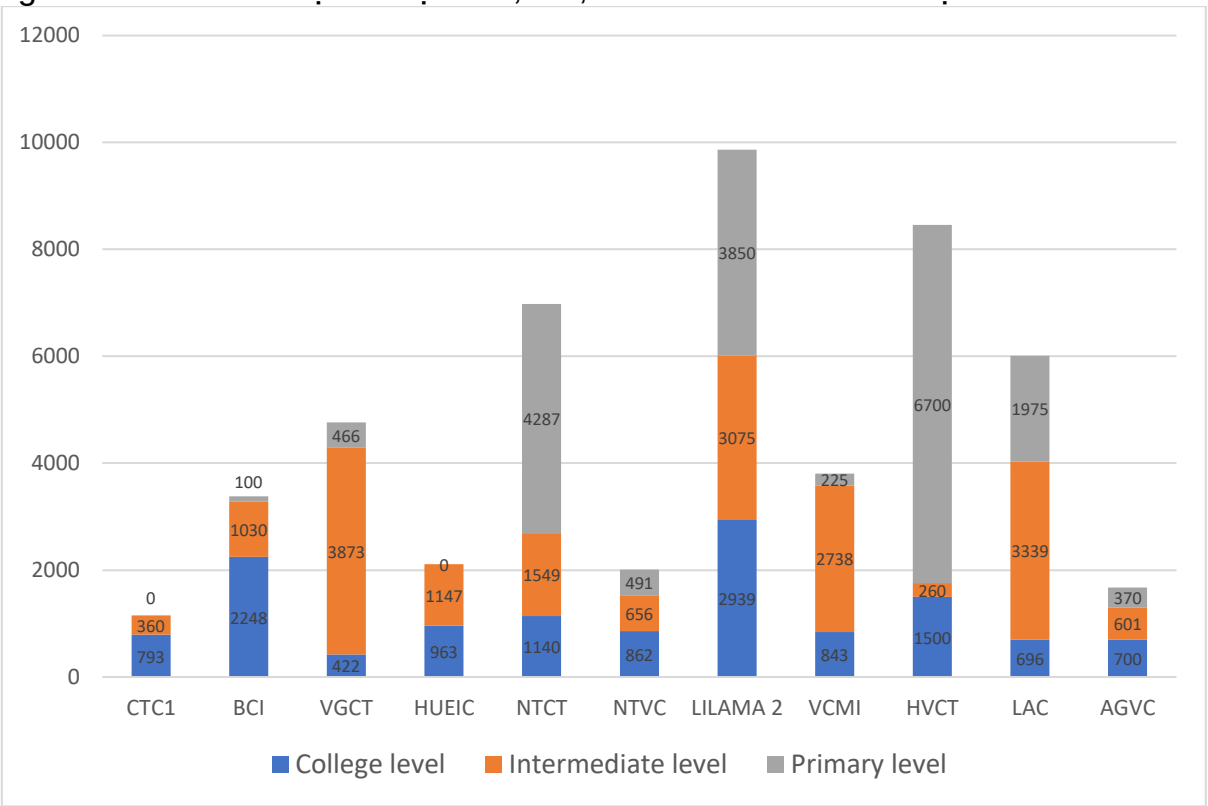

Hình 4: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên theo các hệ đào tạo

2.2. Về nghề đào tạo

Tại thời điểm hiện tại, 11 trường CĐ có tổng số 191 nghề đào tạo.Tổng số khóa đào tạo nghề ở cả ba hệ của 11 trường là 570 khóa, trong đó ở hệ CĐ có 212 khóa, hệ TC có 187 khóa và hệ SC có 171 khóa.

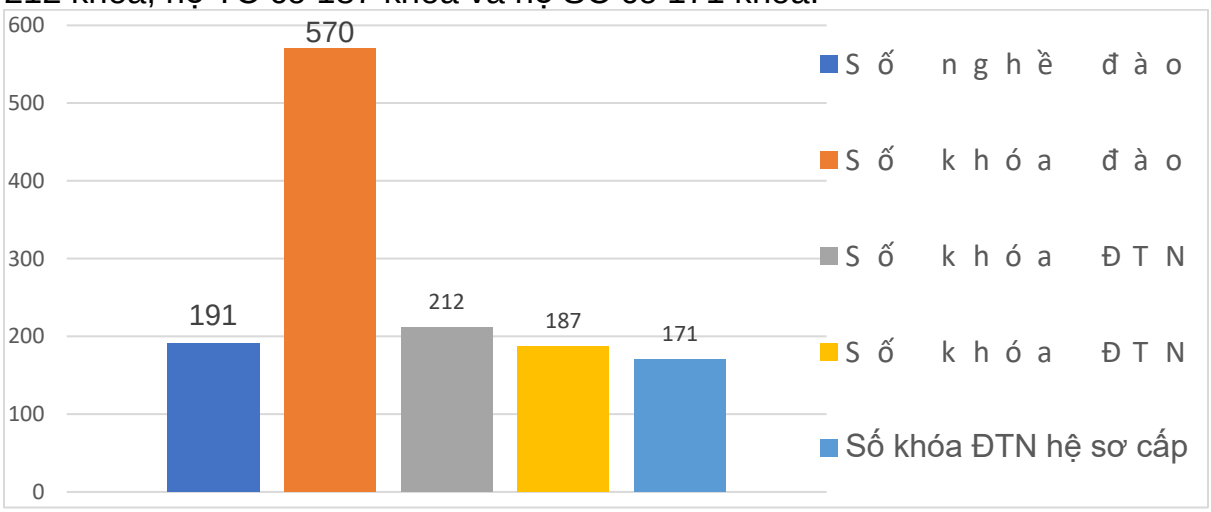

Hình 5: Biểu đồ thống kê số nghề và số khóa đào tạo ở 3 hệ CĐ, TC, SC

Trong tổng số 191 nghề, có 13 nghề đang được đào tạo phổ biến nhất ở cả ba trình độ, đặc biệt là nhóm sáu (06) nghề: Kế toán danh nghiệp (đào tạo ở cả

11 trường), Công nghệ hàn (ở 10 trường), Điện công nghiệp (10 trường), Cắt gọt kim loại (9 trường), Công nghệ ô tô (9 trường) và Điện tử công nghiệp (9 trường) như Hình 6 dưới đây.

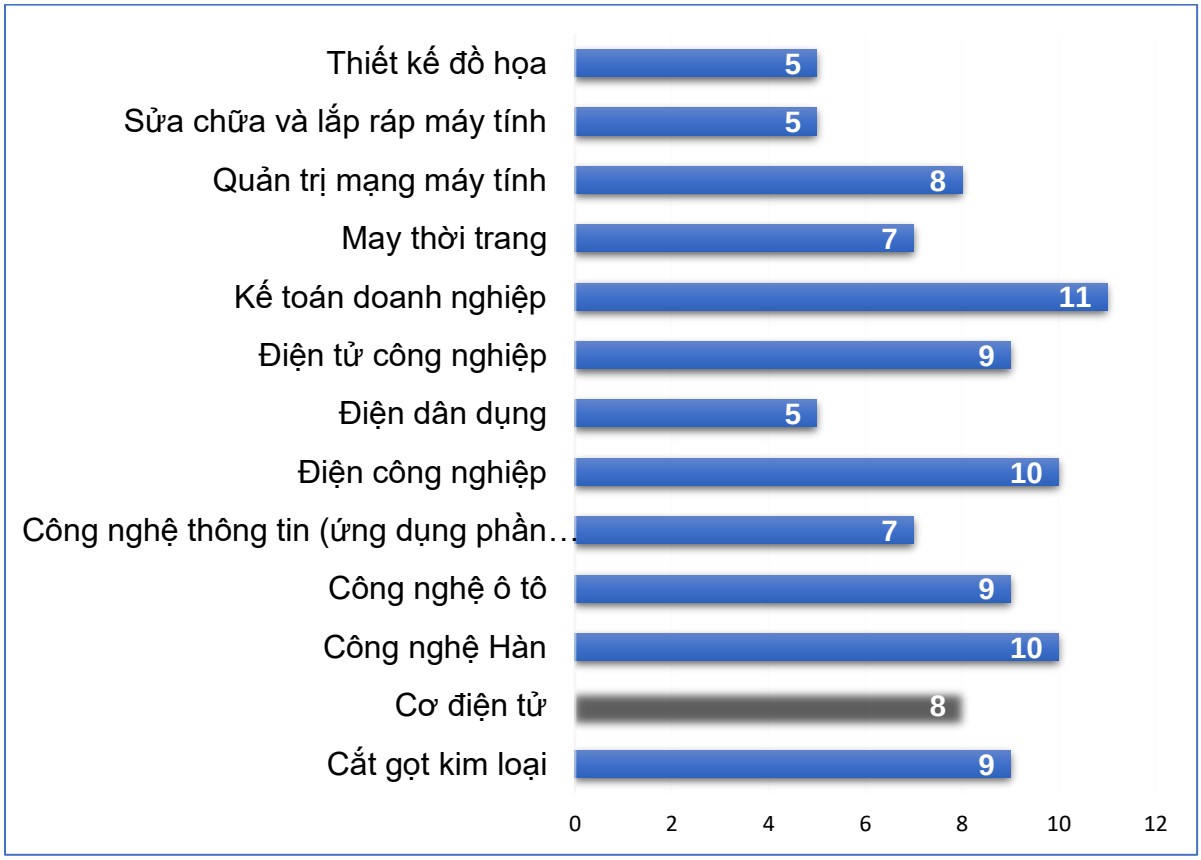

Hình 6: Biểu đồ thống kê nghề đào tạo phổ biến của 11 trường CĐ

Khi so sánh 13 nghề phổ biến ở cả ba hệ đào tạo, có thể cân nhắc bổ sung thêm hai nghề “Cơ điện tử” (có tám trường đào tạo hệ CĐ, bẩy trường hệ TC) và “Quản trị mạng máy tính” (tám trường đào tạo hệ CĐ, sáu trường đào tạo hệ TC) cũng được đào tạo khá phổ biến (Hình 7).

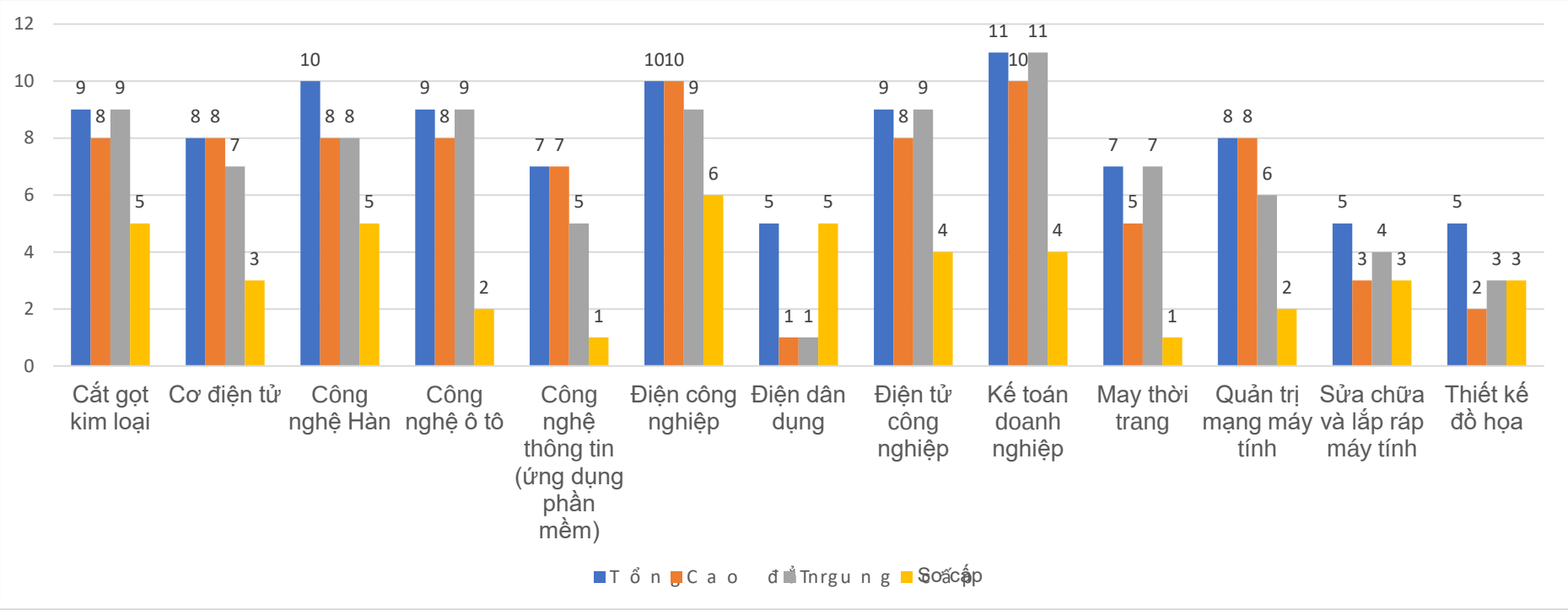

Hình 7: Biểu đồ thống kê so sánh 12 nghề phổ biến ở cả ba (03) hệ đào tạo

Việc phân tích nghề đào tạo phổ biến là cơ sở sở để thực hiện một số ý tưởng đột phá về CĐS trong GDNN. Cụ thể, với các nghề đào tạo phổ biến này, 11 trường có thể xác định cùng nhau xây dựng học liệu bài giảng dùng chung, thí điểm đổi mới nội dung đào tạo (ví dụ đưa công nghệ số vào mô dun hóa bài giảng), tạo lập các nhóm giảng viên cùng nghề đào tạo để chia sẻ kinh nghiệm, phát triển chuyên môn.

Dưới đây là các biểu đồ thống kê số lượng nghề đào tạo theo hệ đào tạo tại 11 trường CĐ đối tác:

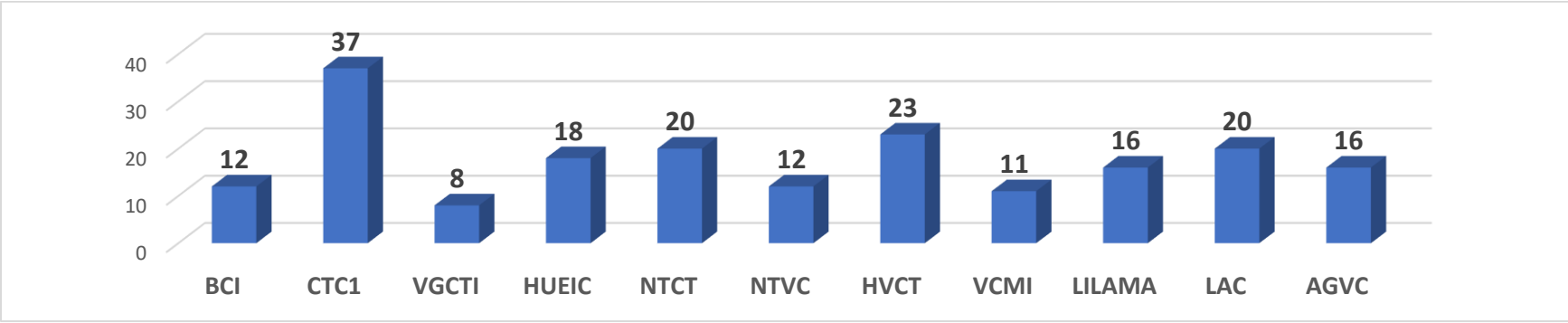

Hình 8: Số lượng nghề đào tạo ở hệ CĐ tại 11 trường CĐ

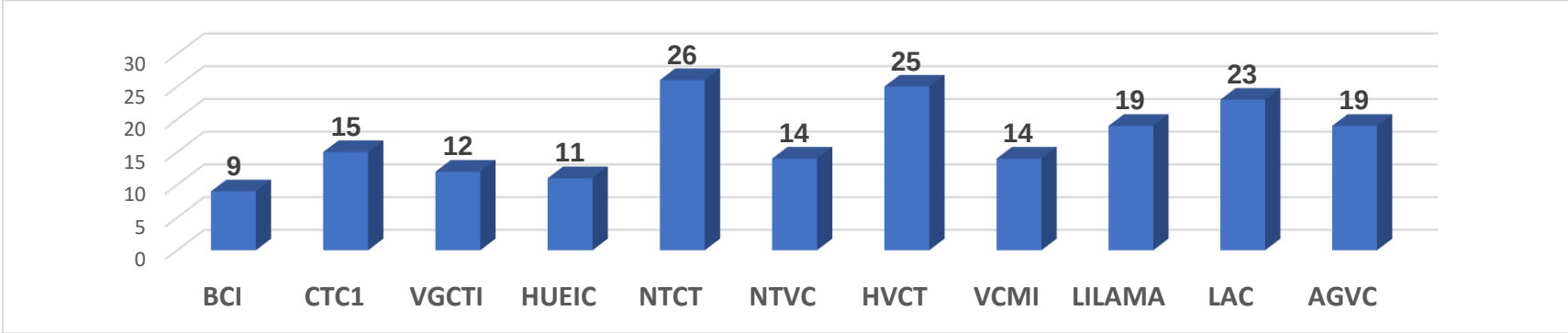

Hình 9: Số lượng nghề đào tạo ở hệ TC tại 11 trường CĐ

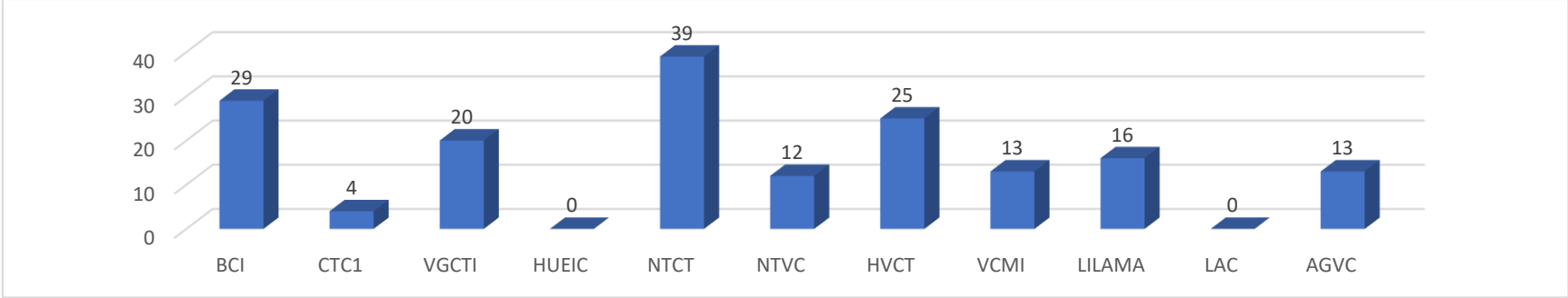

Hình 10: Số lượng nghề đào tạo ở hệ SC tại 11 trường CĐ

2.3. Phân tích SWOT

Phân tích SWOT tổng hợp những điểm mạnh (Strengths), điểm yếu (Weakness), cơ hội (Opportunities) và thách thức (Threats) chung mà các trường CĐ đối tác đã phân tích trong báo cáo gửi nhóm chuyên gia. Những nội dung được đề cập nhiều có số lần trương ứng với số * và sắp xếp theo thứ tự từ phổ biến nhất đến ít phổ biến nhất. Đây được xem là cơ sở nhận định chung ban đầu về thực trạng gắn với CĐS từ chính các trường. Căn cứ vào bảng tổng hợp này, chúng ta có thể tự rút ra các giải pháp theo nguyên tắc phân tích SWOT, cụ thể lấy điểm mạnh để nắm bắt cơ hội, khắc phục điểm yếu để hạn chế thách thức/rủi ro.

(Yếu tố tích cực)	(Yếu tố bên trong tổ chức tác động)		(Yếu tố tiêu cực)
	ĐIỂM MẠNH	**ĐIỂM YẾU**	
	- Đội ngũ cán bộ và giảng viên trẻ, có trình độ chuyên môn, nhanh tiếp thu công nghệ ******* - Sự ủng hộ, quyết tâm và chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo (HT) về CĐS ***** - Hạ tầng CNTT, một số trường đầu tư hệ thống phần mềm quản trị (base.vn, Sài Gòn Tiến Bộ) ****** - Bề dầy kinh nghiệm của nhà trường trong đào tạo nghề***Ngành nghề đào tạo đa dạng** - Hợp tác nhà trường – doanh nghiệp tốt**	- Nền tảng hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất (giảng đường, thư viện, hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm, nhà xưởng …) còn nhiều bất cập còn hạn chế ******* - Nhận thức về CĐS còn yếu ở tất cả các cấp, tâm lý ngại thay đổi ***** - Học liệu số còn thiếu (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) **** - Kinh nghiệp đào tạo trực tuyến *** - Thiếu nguồn lực kinh phí đầu tư *** - Kỹ năng sử dụng CNTT còn hạn chế và không đồng đều *** - Vấn đề an toàn, an ninh mạng còn thiết và yếu ** - Chất lượng đào tạo còn hạn chế ** - Hạn chế tiếng Anh **, - Chương trình, nội dung, phương pháp chậm đổi mới, chưa tiếp cận những tiến bộ khoa học** - Tuyển sinh chưa tốt*	

		- Chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo - Cơ chế chính sách ban hành chưa đủ mạnh, chưa phát huy hết nội lực - CSDL còn rời rạc, chưa tích hợp	
	CƠ HỘI - Mở rộng hình thức đào tạo, mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số, tao tính thích ứng, linh hoạt, mở phản ứng nhanh hơn với thay đổi, tác động từ bên ngoài ***** - Đổi mới phương pháp quản lý, quản trị, phương pháp giảng dạy trong nhà trường***** - Ủng hộ từ các sở, bộ, Chính phủ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (GIZ)****** - Đóng góp, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số**** - Chính sách hỗ trợ của các bộ, ngành liên quan - Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề cao** - Hình thành mạng lưới hợp tác doanh nghiệp - Nhận thức xã hội về vị thế và vai trò của GDNN đã thay đổi, - Hội nhập quốc tế sâu rộng mang lại cơ hội, - Nâng cao chất lượng đào tạo.	**THÁCH THỨC/ RỦI RO** - Thị trường lao động đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực (năng lực, trình độ, kỹ năng nghề sau đào tạo) ngày càng cao**** - Nguồn lực (con người, tài chính, dữ liệu…) phục vụ CĐS**, - Nâng cao năng lực số cho cán bộ, giảng viên khi chuyển việc dạy và học lên môi trường số** - Thay đổi nhận thức và tâm lý ngại thay đổi của cán bộ, giảng viên và cả người học, kể cả cán bộ quản lý** - Xây dựng kế hoạch, chiến lược phù hợp* - Hành lang pháp lý cho CĐS - Sức ép cạnh tranh tuyển sinh đủ chỉ tiêu đào tạo** - Thu nhập của cán bộ chưa cao, không giữ được giảng viên giỏi, - Người học thiếu thiết bị số* - DN chưa sẵn sàng CĐS - Đòi hỏi trang bị hạ tầng công nghệ, nền tảng… phục vụ CĐS - Bảo mật dữ liệu và nguy cơ tụt hậu	
	(Yếu tố bên ngoài tổ chức tác động)		

3. NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

Phần này trình bày nhận định và đánh giá của nhóm chuyên gia tư vấn về hiện trạng của 11 trường GDNN về CĐS. Các nhận định và đánh giá này nhằm chỉ ra khoảng cách của hiện trạng với các mục tiêu của hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo trong kỷ nguyên số, cụ thể ở đây là GDNN, với sáu hợp phần của chuyển đổi số như Hình 11 dưới đây (thông tin chi tiết về hệ sinh thái CĐS có trong Phục lục 3).

1) Nội dung giáo dục và đào tạo
2) Phương pháp dạy và học
3) Giáo viên và học viên
4) Hạ tầng, nền tảng, và học liệu số
5) Quản trị và quản lý giáo dục
6) Xây dựng thể chế và hành lang pháp lý

Hình 11: Hệ sinh thái CĐS trong giáo dục và đào tạo (Hồ Tú Bảo, 2021)

Các nhận định và đánh giá được tổng hợp dựa trên các hoạt động thảo luận, phỏng vấn và quan sát trực tiếp, cùng với phân tích các ghi chép hoạt động của chúng tôi tại 11 trường CĐ đối tác. Các nhận định này sẽ là cơ sở để xây dựng các kiến nghị, đề xuất cho các trường khi xây dựng kế hoạch hành động về CĐS đồng thời kiến nghị với GIZ các vấn đề cần hỗ trợ.

3.1. Về nội dung đào tạo

3.1.1. Các trường xác định việc rà soát, thay đổi, cải tiến nội dung đào tạo là quan trọng. Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở GDNN này chưa đưa việc này

thành một nhiệm vụ, như một mục tiêu và chưa có "tầm nhìn chiến lược" về những thay đổi của môi trường số và những ảnh hưởng đến nội dung đào tạo.

3.1.2. Nội dung đào tạo hiện tại vẫn mang tính chất truyền thống và chưa có hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo. Tất cả các trường đều nhận thức được hoạt động đào tạo phải bám theo nhu cầu của doanh nghiệp. Tuy vậy các trường chưa có kế hoạch rõ ràng về việc dự báo nhu cầu đào tạo trong tương lai gần (các ngành mới xuất hiện, thay đổi trong nội hàm kiến thức kỹ năng của các ngành truyền thống). Ngay cả nhu cầu về nhân lực cho các ngành truyền thống cũng được xác định một cách cảm tính. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm cũng chưa có sự liên kết chặt chẽ cần thiết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và thu hút đầu tư của địa phương. Một phần lí do (khách quan và chủ quan) là chưa có hệ thống CDSL ngành hỗ trợ cho các trường trong việc xác định nội dung và nhu cầu đào tạo dựa trên phân tích dữ liệu chung.

3.1.3. Tính mở và linh hoạt của các chương trình đào tạo chưa cao cũng dẫn đến hạn chế trong việc cập nhật nội dung đào tạo hiệu quả và kịp thời. Ví dụ, khi chưa có tính mô đun hóa bài giảng sẽ khó khăn khi chia nhỏ, thay thế, lắp ghép, cập nhật những nội dung mới, hoặc nội dung không còn phù hợp.

3.1.4. Tỷ trọng sinh viên của các ngành kinh tế số, bao gồm các ngành CNTT còn rất thấp do nhiều nguyên nhân. Các trường đều gặp tình trạng tuyển sinh các ngành CNTT rất khó khăn trong khi nhu cầu xã hội đối với nhóm nhân lực này rất lớn, đặc biệt khi chính phủ Việt nam đặt mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, trong đó đóng góp của kinh tế số cần đạt tối thiểu 20% GDP (Quyết định 749). Nhân lực cho nền kinh tế số không thể chỉ dựa vào đào tạo đại học mà rất cần có một đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên với các kỹ năng, tay nghề phù hợp và đây là trách nhiệm của hệ thống GDNN.

3.1.5. Thực tế hầu hết các trường được khảo sát đều chưa có kết nối với các doanh nghiệp CNTT lớn, các hiệp hội nghề nghiệp về CNTT. Do thiếu sự kết nối với các ngành công nghiệp số cả ở mức nhà trường cũng như mức Tổng cục nên cơ cấu các ngành, tên ngành, nội dung, chương trình đào tạo cũng như quy mô, chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng tốt các yêu cầu của doanh nghiệp cũng như khó đáp ứng các yêu cầu CĐS chung của nền kinh tế.

3.1.6. Tỷ trọng kiến thức, kỹ năng liên quan đến công nghệ số (IoT, AI, phân tích dữ liệu lớn...) trong các ngành truyền thống còn chưa cao. Kỹ năng số được quy về một cách đơn giản là môn Tin học, là một môn bắt buộc dùng chung cho mọi ngành. Các môn học thuộc ngành kinh tế (ví dụ ngành kế toán) rất cần kiến thức, kỹ năng phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu nhưng điều này chưa được phản ánh vào các chương trình đào tạo. Các ngành khối kỹ

thuật như cơ khí ô tô, điện lạnh, điện – điện tử, cơ điện tử cũng chưa cập nhật các kiến thức về IoT, về AI. Mặc dù một số ngành như cơ khí chế tạo máy, điện, điện tử dành một thời lượng đáng kể để dạy các kiến thức, kỹ năng về lập trình CNC, PLC nhưng nhìn chung các trường chưa có kế hoạch rõ ràng về việc đưa đào tạo năng lực số vào các môn cơ sở ngành và các môn chuyên ngành. Nội dung đào tạo chưa đảm bảo người học được trang bị năng lực số một cách đồng đều, đặc biệt giữa các ngành/nghề đào tạo, chưa mang tính hệ thống - coi năng lực số như một tiêu chí tốt nghiệp đầu ra (graduate attribute) cho mọi sinh viên.

3.1.7. Nội dung công việc của mọi người lao động hiện nay, kể cả bậc học CĐ, trung cấp hay công nhân kỹ thuật liên quan rất lớn đến việc sử dụng các phần mềm chuyên ngành. Trong tương lai các kỹ năng sử dụng phần mềm chuyên ngành sẽ ngày càng quan trọng hơn. Mặc dù vậy việc đầu tư cho các phần mềm chuyên ngành phục vụ giảng dạy còn chưa được chú ý đầu tư đúng mức, phần lớn các phần mềm được giảng dạy còn lạc hậu (các phiên bản rất cũ) so với công nghiệp và thường là các phần mềm không có bản quyền.

3.1.8. Để CĐS nội dung đào tạo trước hết cần phát huy sự chủ động của các trường đồng thời nhiều vấn đề cần được giải quyết ở mức toàn ngành (cụ thể là Tổng cục GDNN, Cục việc làm Bộ LĐTBXH)

Tóm lại về nội dung đào tạo, công cuộc CĐS của các trường đào tạo nghề cần chú trọng vào việc nâng cao năng lực số cho sinh viên tốt nghiệp bằng cách cơ cấu lại và đổi mới nội dung đào tạo của các ngành nghề, nâng cao tỷ trọng đào tạo năng lực số cho các ngành truyền thống bằng cách tích hợp các nội dung năng lực số vào tất cả các môn học có liên quan. Kết nối nhà trường – doanh nghiệp chưa toàn diện và chưa có hệ thống CSDL chung hỗ trợ dự báo và xác định nhu cầu đào tạo khiến các trường còn gặp khó khăn trong việc điều chỉnh, cập nhật nội dung đào tạo chuẩn bị cho người học đáp ứng đúng và đủ yêu cầu của doanh nghiệp ở thời điểm tốt nghiệp.

3.2. Về phương pháp dạy và học

3.2.1. Về phương pháp dạy và học, căn bản vẫn theo phương thức truyền thống, nghĩa là thầy giảng, trò nghe và ghi chép. Mặc dù việc sử dụng các thiết bị và phần mềm trình chiếu để trình bày bài giảng đã rất phổ biến nhưng nội dung và phương pháp sư phạm chưa có nhiều đổi mới. Đặc điểm tiêu biểu của phương pháp dạy và học ở các trường GDNN là việc dạy và học thực hiện ngay tại xưởng thực hành. Về lý thuyết nhiều thầy cô viết vẽ trực tiếp lên bảng hoặc dùng slides. Rất ít thấy việc dùng các loại học liệu số khác (video, software…). Rèn luyện kỹ năng trên xưởng là rất cơ bản ở các trường.

3.2.2. Một ưu điểm cơ bản của giáo dục trên môi trường số là cá thể hóa việc đào tạo, tuy nhiên điều này chưa được thể hiện trên thực tế.

3.2.3. Trong thời gian dãn cách xã hội do Covid 19, nhiều giáo viên đã sử dụng internet để giảng bài, giao bài từ xa. Tuy nhiên phương pháp truyền đạt vẫn như khi giảng bài trực tiếp trên lớp và chưa có thay đổi nào đáng kể về mặt sư phạm cho phù hợp với điều kiện mới. Hầu hết giáo viên còn chưa biết đến các phương pháp sư phạm số, kể cả các thay đổi đơn giản như lớp học đảo ngược (flipped class). Do thiếu những sự thay đổi phương pháp sư phạm thích hợp nên các trường đều tự đánh giá chất lượng đào tạo trong thời kỳ Covid 19 chưa cao và là một giải pháp mang tính chất tình thế chưa phải là một giải pháp tiên tiến và xu hướng lâu dài.

3.2.4. Hạn chế về năng lực làm chủ công nghệ mới (các công cụ số, nền tảng số) của các giảng viên cũng một phần ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai hoạt động giảng dạy online, phương pháp sư phạm số. Nhiều giảng viên phản hồi việc dạy online trong thời gian Covid là không hiệu quả, “khó quản lý sinh viên có thực sự học hay không và tương tác với sinh viên trong quá trình dạy và học”. Thực tế một phần lý do là nhiều giảng viên vẫn mang nội dung bài giảng và phương pháp truyền thống lên dạy online kết hợp với khả năng chỉ biết đơn thuần sử dụng một vài tính năng đơn giản của một số nền tảng miễn phí Zoom, Google Classroom...

3.3. Giáo viên và học viên

3.3.1. Về phía sinh viên, do đặc thù của lứa tuổi trẻ nên khá năng động và tiếp cận nhanh với công nghệ. Hầu hết sinh viên đều biết chủ động tìm kiếm trên mạng internet (Youtube, các diễn đàn chuyên ngành...) các học liệu và nguồn tài liệu cần thiết cho học tập. Đặc biệt những em có động lực học tập cao khai thác rất hiệu quả các nguồn tri thức trên mạng phục vụ cho việc tự học của mình. Tuy vậy hoạt động tự học của sinh viên trên môi trường số vẫn mang tính tự phát, phụ thuộc vào mức độ năng động và động lực học tập của từng em.

3.3.2. Một vấn đề liên quan nữa là vào đầu khóa học sinh viên có được hướng dẫn về phương pháp học tập, tuy nhiên phương pháp học tập trên môi trường số lại chưa được đề cập. Các kỹ năng mềm như văn hóa ứng xử trên môi trường mạng xã hội cũng chưa được đề cập.

3.3.3. Một vấn đề chung đối với tất cả các trường là đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo về các phương pháp sư phạm trên môi trường số cũng như các kỹ thuật, kỹ năng cần thiết để tham gia sản xuất học liệu số. Nhiều giảng viên chưa tích cực tham gia xây dựng và đưa bài giảng lên trực tuyến vì tâm lý e ngại bài giảng còn thiếu sót, chưa chất lượng, hoặc nội dung chưa đúng.

3.3.4. Quy mô đào tạo nâng cao kỹ năng số của đội ngũ cán bộ, giáo viên bao gồm cả các nội dung sư phạm số là rất lớn. Để thực hiện việc này một cách nhanh chóng và tiết kiệm chi phí có thể thì cần thiết phải triển khai các hình thức học online (sử dụng chính công nghệ số để hỗ trợ các trường CĐS).

3.4. Hạ tầng, nền tảng, và học liệu số

3.4.1. Hạ tầng phần cứng và phần mềm phục vụ đào tạo của các trường nhìn chung còn chưa đáp ứng nhu cầu được yêu cầu đào tạo theo phương thức hiện tại. Trong tương lai khi tiến hành CĐS mạnh mẽ, một phần lớn hoạt động dạy và học chuyển lên môi trường số thì hạ tầng hiện nay rõ ràng sẽ không thể đáp ứng được các yêu cầu mới. Trong thời gian dãn cách xã hội do đại dịch Covid 19, phần lớn hệ thống mạng của các trường bao gồm cả máy chủ lẫn đường truyền đều bị quá tải. Hệ thống mạng và thiết bị của các trường được đầu tư từng đợt nhỏ lẻ, thiếu thiết kế tổng thể.

3.4.2 Các đợt mua sắm máy tính, phần mềm được tiến hành thông qua các hoạt động tài trợ và các đợt mua sắm nhỏ lẻ nên thiếu đồng bộ. Số lượng máy tính trên sổ sách lớn hơn nhiều so với số máy còn hoạt động được do các quy định về khấu hao tài sản và kinh phí sửa chữa nâng cấp chưa phù hợp. Cấu hình máy tính đôi khi không đáp ứng được yêu cầu chạy các phần mềm chuyên ngành, phần mềm mô phỏng do chính sách mua sắm tập trung của các địa phương (đa phần là máy tính văn phòng, mua sắm dựa trên việc lấy giá thấp là tiêu chí lựa chọn chính). Điều này dẫn đến các phần mềm hiện đại, đắt tiền không phát huy được tác dụng.

3.4.3. Người học thiếu thiết bị đầu cuối, chỉ có smart phone, không có đủ PC/laptop phục vụ học tập, và điều kiện hạ tầng internet của học sinh cũng chưa đảm bảo.

3.4.4. Học liệu điện tử của các trường đều mới ở giai đoạn sơ khai, mang tính chất thí điểm. Một số trường đã được trang bị studio với cấu hình tạm đủ cho sản xuất học liệu nhưng thiếu nhân lực để khai thác. Các trường còn quan niệm giáo viên giảng dạy, ghi hình lại bài giảng là phương thức sản xuất học liệu chính. Tuy bức tranh chung là như vậy nhưng cũng có một trường đã cử một nhóm giáo viên đi học chuyên sâu về e-learning và các kỹ thuật sản xuất bài giảng, sau đó truyền đạt lại kiến thức và kinh nghiệm cho các giáo viên khác khi về nước. Một số trường khác thì có các cá nhân giáo viên có năng lực, tự mày mò nghiên cứu và có kỹ năng khai thác studio khá tốt. Nhìn chung các trường vẫn ưu tiên sử dụng các thiết bị studio cho hoạt động quảng bá tuyển sinh là chính.

3.4.5. Nguồn nhân lực CĐS chính là toàn bộ đội ngũ cán bộ, giáo viên và cả sinh viên trong nhà trường. Hầu hết các trường chưa nhận thức đúng về

vấn đề này. Ngay từ khi xây dựng kế hoạch CĐS đã cần phải huy động sự tham gia tích cực của tất cả mọi người để đảm bảo mọi người đều coi CĐS là công việc chung trong đó có vai trò của bản thân của mình và hiểu rõ nội dung các công việc cần tiến hành. Chỉ một số ít trường có thành lập nhóm đặc nhiệm (task force) CĐS. Mức độ cam kết và sẵn sàng cho CĐS ở các trường là khác nhau.

3.4.6. Về nhân lực để xây dựng và vận hành hệ thống CNTT các trường đều dựa vào các khoa CNTT. Nguồn nhân lực của các khoa này không đồng đều cả về số lượng và chất lượng, làm việc theo hình thức kiêm nhiệm vai trò của cán bộ trung tâm và giáo viên CNTT của nhà trường. Một số trường có khoa CNTT tương đối mạnh, các giáo viên có thể tổ chức sinh viên xây dựng các phần mềm quản lý đơn giản, các trường còn lại thì đội ngũ giáo viên CNTT cần phải nâng cấp nhiều. Theo đánh giá của chúng tôi thì chưa có khoa CNTT nào đủ sức làm chủ các hệ thống phức tạp, đặc biệt là các hệ thống dựa trên mã nguồn mở.

3.4.7. Trong quá trình CĐS nếu các trường muốn mở rộng quy mô đào tạo các ngành công nghệ số đồng thời triển khai các nền tảng số một cách hiệu quả thì nhất thiết phải đầu tư mạnh cho nguồn nhân lực tại các khoa CNTT đồng thời hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp công nghệ số trên thị trường.

Đánh giá chung, để CĐS thành công các trường sẽ phải xây dựng lai ha tầng số của mình bắt đầu từ việc xây dựng một bản thiết kế hệ thống với tầm nhìn tương ứng, cấu trúc lại hệ thống theo bản thiết kế mới và huy động nhiều nguồn lực để đầu tư cho hạ tầng này.

3.5. Quản trị và quản lý giáo dục

4.5.1. Tất cả các trường tham gia khảo sát đều ý thức được vai trò của ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và đã có nhiều đầu tư cho các hệ thống này. Trên thực tế mức độ và hiệu quả đầu tư của các trường rất khác nhau.

3.5.2. Tình hình chung là các trường trang bị các hệ thống quản lý từng quy trình nghiệp vụ cụ thể, thiếu sự kết nối dữ liệu giữa các phần mềm do vậy hiệu quả ứng dụng chưa cao. Các phần mềm khác nhau của các nhà cung cấp khác nhau không “nói chuyện” được với nhau dẫn đến cùng một dữ liệu phải nhập vào nhiều lần dẫn đến tốn thời gian, công sức (trong trường hợp tốt nhất thì chỉ có thể giảm thời gian nhập liệu bằng cách xuất/ nhập các file Excel). Mặt khác tình trạng này còn dẫn đến các mâu thuẫn dữ liệu và quan trọng nhất là khó áp dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu chuyên sâu để có được hiểu biết sâu sắc về tình hình đào tạo và hoạt động của nhà trường.

3.5.3. Các phần mềm hiện sử dụng trong quản lý điều hành nhà trường cũng chưa có sự kết nối với các hệ thống bên ngoài (ví dụ như với Tổng cục GDNN, Cục việc làm...) trừ một số ứng dụng như quản lý liên thông văn bản, quản lý công chức viên chức kết nối với địa phương thông qua chương trình chính phủ điện tử.

3.5.4. Một vài trường quan tâm và lo lắng về vấn đề an toàn, an ninh mạng khi đưa mọi hoạt động lên môi trường số. Tuy nhiên, vấn đề này chưa nhận được sự quan tâm và đề cập một cách đúng mức ở hầu hết các trường.

3.5.5. Trong CĐS, việc thiết kế và triển khai một nền tảng số cho hoạt động điều hành, quản lý nhà trường là rất quan trọng. Một nền tảng như vậy phải cho phép thu thập, phân tích dữ liệu theo thời gian thực để ra các quyết định dựa trên dữ liệu đồng thời liên tục nâng cao chất lượng đào tạo, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ và sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà trường. Nhận thức chung về vấn đề này của các trường còn chưa được đầy đủ.

3.5.6. Các trường mới ở bước phân tích hiện trạng và ý tưởng ban đầu, chưa có kế hoạch/chương trình CĐS, và đề nghị được hỗ trợ tư vấn việc này.

3.6. Thể chế và hành lang pháp lý

Trong quá trình thảo luận với lãnh đạo các trường được khảo sát, nhiều vấn đề vướng mắc về các quy định cụ thể đã được nêu ra. Nhiều ý kiến cho rằng hành lang pháp lý cho CĐS cần đi trước một bước, hay nên chăng có cơ chế thử nghiệm (Sandbox). Nổi bật nhất là các quy định về:

3.6.1. Hầu hết các trường chưa xây dựng được một chương trình CĐS mang tính dài hạn và chuyên sâu. Đồng thời họ cũng đề xuất được Tổng cụ GDNN, các cơ quan quản lý và tổ chức quốc tế hỗ trợ việc này.

3.6.2. Cần thiết phải xây dựng 1 khung định chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động CĐS cho GDNN.

3.6.1. Sỹ số học sinh trong một lớp (được quy định dựa trên việc giảng dạy trực tiếp tại lớp, khi chuyển sang dạy online thì các quy định cứng này trở nên bất cập, hạn chế việc mở rộng quy mô đào tạo)

3.6.2. Thiếu các quy định công nhận và cấp chứng chỉ cho hình thức học online hoàn toàn.

3.6.3. Thiếu các quy định về module hóa và công nhận lẫn nhau các chứng chỉ, tín chỉ.

3.6.4. Hoạt động thanh tra kiểm tra vẫn dựa trên văn bản giấy trong khi nhà trường đã chuyển các văn bản quản lý sang định dạng điện tử

3.6.5. Một vấn đề lớn nữa là hiện chưa có các quy định để tạo động lực cho giáo viên xây dựng và chia sẻ học liệu mà đây lại là một vấn đề then chốt trong CĐS chung của toàn ngành GDNN.

4. KHUYẾN NGHỊ

Đánh giá chung nhất về hiện trạng rút ra được từ đợt khảo sát là các trường đều đang còn ở giai đoạn đầu ứng dụng CNTT trong GDNN, còn lạc hậu nhiều so với tình hình ở các quốc gia phát triển như Đức, Hàn Quốc và các nước khác. Mặc dù trong thời gian gần đây nhận thức về tính cấp thiết của CĐS đã được nâng lên đáng kể ở các trường nhưng hầu hết chưa có các hiểu biết cần thiết về CĐS, đặc biệt là cách thức tiến hành. Trên cơ sở đánh giá này nhóm nghiên cứu có một số kiến nghị sau:

4.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về nhu cầu và phương thức thực hiện CĐS cho tất cả các trường cũng như cho tất cả cán bộ quản lý GDNN các cấp. Thống nhất sử dụng mô hình hệ sinh thái số với sáu hợp phần như đích đến của CĐS ở các trường và là công cụ giao tiếp chủ yếu trong toàn ngành.

4.2. Các trường cần khẩn trương xây dựng chương trình CĐS của trường mình với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Tổng cục GDNN và GIZ. Chương trình cần đề cập đầy đủ các nội dung CĐS theo mô hình 6 hợp phần. Các trường cần thành lập tổ chuyên trách về CĐS (CĐS Task force) do lãnh đạo cao nhất của nhà trường chủ trì để xây dựng và làm hạt nhân triển khai đề án.

4.3. Để tiết kiệm đầu tư cần nghiên cứu xây dựng các nền tảng dùng chung cho 11 trường để rút kinh nghiệm và sau đó triển khai ra toàn hệ thống GDNN. Việc xây dựng hệ thống CSDL chung cần được ưu tiên nhằm hỗ trợ quản trị ra quyết định, hay xác định nhu cầu đào tạo dựa trên dữ liệu. Cần nhanh chóng xây dựng văn hóa chia sẻ và dùng chung học liệu và các tài nguyên tri thức khác. Cân nhắc thí điểm triển khai xây dựng kho học liệu số (OER) dùng chung cho một số nghề đào tạo chung của 11 trường.

4.4. Cần xác định các nội dung đột phá trong xây dựng hệ sinh thái số của một giai đoạn khởi đầu, chẳng hạn hai năm đầu, đó là các nội dung có thể làm nhanh và có tác động rộng. Đó có thể là:

i) đổi mới nội dung và xây dựng học liệu cho các ngành học phổ biến (mục 2.2 “Nghề đào tạo”);

ii) Xây dựng cơ sở dữ liệu toàn diện từ các trường đến Tổng cục GDNN theo chuẩn, làm hạ tầng số cho đổi mới công tác quản trị quản lý;

iii) Thay đổi cách dạy và cách học với các phương pháp mới trên môi trường số.

4.5. Tổng cục GDNN khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi các quy định liên quan để tạo điều kiện cho CĐS của các trường theo nguyên tắc kiến tạo phát triển. Cân nhắc thực hiện việc rà soát hệ thống chính sách gắn với 6 hợp phần của hệ sinh thái CĐS trong GDNN ngay từ giai đoạn này, từ đó tổng kết đánh giá và đề xuất khuyến nghị về khung hành lang pháp lý gắn với yêu cầu CĐS từ cấp cơ sở.

4.6. Đối với Tổng cục GDNN, ngoài việc chỉ đạo và hướng dẫn cũng cần xem xét phân bổ nguồn lực và kinh phí hợp lý giúp các cơ sở GDNN trong các chương trình CĐS.

4.7. Đối với GIZ, việc hỗ trợ về kỹ thuật và một phần tài chính cho các trường xây dựng các phòng e-learning/studio trong giai đoạn này là phù hợp, giúp các trường có lực bước đầu phát triển nguồn học liệu số. Bên cạnh đó, hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên nòng cốt (mulipliers) về kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ số, nền tảng số, phương pháp sư phạm số là rất cần thiết.

4.8. Cần xây dựng khung đinh chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động CĐS cho các trường, từ đó giúp ghi nhận tạo động lực cho cán bộ và giảng viên tham gia vào quá trình đóng góp cho sự thay đổi tích cực.

4.9. Để đảm bảo việc trang bị năng lực số đồng đều cho người học ở mọi ngành nghề, nên xem xét việc xây dựng module đào tạo về năng lực số, tích hợp vào chương trình đào tạo, công nhận năng lực số là một trong những tiêu chí tốt nghiệp/ mục tiêu đào tạo đầu ra. GIZ hoặc các tổ chức quốc tế có thể phối hợp với Tổng cục GDNN xây dựng và triển khai module đào tạo này thí điểm ở một trường sau đó nhân rộng ra hệ thống (lấy bài học thành công từ module đào tạo xanh hóa tại VCMI).

5. KẾT LUẬN CHUNG

Quá trình khảo sát 11 trường CĐ được GIZ lựa chọn hỗ trợ CĐS cho thấy một điểm chung là lãnh đạo tất cả các trường tham gia đều ý thức rất rõ tính cấp bách của CĐS và đều quyết tâm để thực hiện sớm nhất có thể. Đây là cơ sở quan trọng nhất để lạc quan về thành công của tiến trình này. Tuy nhiên để đảm bảo CĐS thành công tất cả các chủ thể liên quan đến tiến trình CĐS GDNN cần phải làm rất nhiều việc để tháo gỡ các khó khăn về nhận thức, về nguồn lực và cơ chế chính sách.

Nhóm nghiên cứu hy vọng các kết luận và kiến nghị nêu trong báo cáo này sẽ hữu ích cho các bên liên quan và sẽ được sử dụng hiệu quả để đẩy nhanh tiến trình CĐS toàn ngành GDNN, đáp ứng được các kỳ vọng của xã hội đối với ngành quan trọng này.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. APEC (2017). Employer driven competencies to address skills shortages in the digital age, APEC Project DARE (Data Analytics Raising Employment).

2. Hồ Tú Bảo, Nguyễn Huy Dũng, Nguyễn Nhật Quang (2020). Hỏi đáp về Chuyển đổi số. NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Bates, A.W. (2019). Teaching in a digital age. https://opentextbc.ca/teachinginadigitalage/

4. Chang J.H, Rynhart G., Huynh P. (2016). Asian in transformation: How technology is changing jobs and enterprise. *International Labor Organization*. http://unctad.org/meetings/es/Presentation/cstd2016_p24_Jae-HeeChang_ILO_en.pdf.

5. Dziuban, C., C.R. Graham, P.D. Moskal, A.Norberg, N. Sicilia (2018). Blended learning: the new normal and emerging technologies, International Journal of Educational Technologies in Higher Education, https://educationaltechnologyjournal.springeropen.com/track/pdf/10.1186/s41239-017-0087-5.pdf

6. European Parliamentary (2020). Rethinking education in the digital age. https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/641528/EPRS_STU(2020)641528_EN.pdf.

7. KPMG (2020). The future of higher education in a disruptive world. https://home.kpmg/xx/en/home/industries/government-public-sector/education/the-future-of-higher-education-in-a-disruptive-world.html

8. Linsday Herbert (2017). Digital Transformation. Chuyển đổi số (bản dịch tiếng Việt), Alpha book (2020).

9. Max Claps (2015). Education Digital Transformation: a View of the Future of Learning. https://www.slideshare.net/massimilianoclaps9/education-digital-transformation-a-view-of-the-future-of-learning

10. OECD (2016). *Skills for a digital world*. https://www.oecd.org/els/emp/Skills-for-a-Digital-World.pdf

11. Peng, H, S. Ma, J.M. Spector (2019). Personalized adaptive learning: an emerging pedagogical approach enabled by a smart learning environment, *Smart Learning Environments*, https://slejournal.springeropen.com/track/pdf/10.1186/s40561-019-0089-y.pdf

12. Đỗ Thị Ngọc Quyên (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục: Những thách thức và nguy cơ. Tia Sáng, https://tiasang.com.vn/-giao-duc/Chuyen-doi-so-trong-giao-duc-Nhung-thach-thuc-va-nguy-co-26836.

13. Roger D. L. (2016). *Rethinking and Transforming Your Business for the Digital Age*, Columbia University Press, 2016. Bản dịch tiếng Việt "Cải tổ doanh nghiệp trong thời đại số", PACE Institute of Management, 2018.

14. Thang Ho Vinh, Nakamori Yoshiteru, Ho Tu-Bao, Cher Ping Lim (2014). Blended Learning Model on Hands-on Approach for In-service Secondary School Teachers: Combination of E-learning and face-to-face Discussion; *Journal of Education and Information Technologies* , Springer. https://link.springer.com/article/10.1007/s10639-014-9315-y#page-1

15. Think Tank VINASA (2019). *Việt Nam thời chuyển đổi số*, NXB Thế giới.

16. World bank (2016). Digital dividends: Overview. http://documents.worldbank.org/curated/en/896971468194972881/pdf/102725-PUB-Replacement-PUBLIC.pdf

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh sách 11 trường CĐ đối tác được khảo sát

STT	Tên trường	Tỉnh/TP
1	Trường Cao đẳng Xây dựng Số 1	Hà Nội
2	Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	Bắc Ninh
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt Đức Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
4	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Huế
5	Trường Cao đẳng Công nghệ Nha Trang	Nha Trang
6	Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận	Ninh Thuận
7	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Quốc tế LILAMA 2	TP HCM
8	Trường Cao đẳng Cơ giới Thủy lợi Đồng Nai	Đồng Nai
9	Trường Cao đẳng kỹ nghệ 2 Thành Phố Hồ Chí Minh	Đồng Nai
10	Trường Cao đẳng Long An	Long An
11	Trường Cao đẳng nghề An Giang	An Giang

Phụ lục 2: Kế hoạch khảo sát

Hoạt động	Thời gian	Tham gia thực hiện	Ghi chú
NHÓM 1			
Làm việc với Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	5/3/2021	Tổng cục GDNN - TS. Phạm Vũ Quốc Bình - Kim Hồng Hưng Nhóm chuyên gia - GS Hồ Tú Bảo, - TS. Nguyễn Nhật Quang, Nhóm cán bộ Chương trình - TS. Juergen Hartwig, - Phạm Việt Hà, - Phạm Xuân Hoàn, - Phạm Ngọc Anh	Xe dự án

Làm việc với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Xây dựng số 1	19/3/2021	Nhóm chuyên gia: - GS Hồ Tú Bảo, - TS Nguyễn Nhật Quang, Nhóm cán bộ Chương trình: - Phạm Xuân Hoàn	
NHÓM 2			
Di chuyển từ Hà Nội - Hà Tĩnh	9/3/2021	Tổng cục GDNN - Kim Hồng Hưng Chuyên gia: - GS Hồ Tú Bảo Nhóm cán bộ Chương trình: - Phạm Việt Hà, - Phạm Ngọc Thắng	Đi bằng ô tô dự án
Làm việc với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt Đức, Hà Tĩnh	10/3/2021		
Di chuyển từ Hà Tĩnh đến Huế	11/3/2021		Đi bằng ô tô dự án
Làm việc với Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	12/3/2021		
Di chuyển từ Huế đi sân bay Đà Nẵng bằng xe dự án (buổi sáng)	13/3/2021		Đi bằng ô tô và máy bay dự án
Di chuyển từ Đà Nẵng đến Nha Trang bằng máy bay (chiều đi)	14/3/2021		
Làm việc với Trường Cao đẳng Công nghệ Nha Trang	15/3/2021	Tổng cục GDNN - TS Phạm Vũ Quốc Bình - Kim Hồng Hưng Chuyên gia: - GS Hồ Tú Bảo Nhóm cán bộ Chương trình: - TS Juergen Hartwig, - Phạm Việt Hà, - Phạm Ngọc Thắng,	Chuyến đi do PO sắp xếp
Di chuyển từ Nha Trang đến Ninh Thuận	16/3/2021		Chuyến đi do PO sắp xếp
Làm việc với Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận	17/3/2021		Đi bằng máy bay

NHÓM 3			
Đi từ Hà Nội đến TP HCM	9/3/2021	Tổng cục GDNN - TS. Nguyễn Thị Luyến Chuyên gia - TS Nguyễn Nhật Quang Nhóm cán bộ Chương trình: - Bạch Hưng Trường, - Phạm Xuân Hoàn, - TS Christian Hoffmann, - Nguyễn Thị Ngọc Hương,	Đi bằng máy bay
Làm việc với Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II (HVCT) TP.HCM	10/3/2021		Đi bằng ô tô dự án
Di chuyển từ HVCT về Đồng Nai	11/3/2021		
Làm việc với Trường Cao đẳng Cơ giới Thủy lợi	12/3/2021		
Làm việc với Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA 2	13/3/2021		
Họp nhóm nội bộ và tài liệu (cả ngày)	14/3/2021		
Đi từ Đồng Nai đến Long An	15/3/2021		
Làm việc với Trường Cao đẳng Long An	16/3/2021		
D chuyển từ Long An đến An Giang	17/3/2021		
Làm việc với Trường Cao đẳng nghề An Giang	18/3/2021		Đi bằng ô tô và máy bay dự án

Phụ lục 3: Bài trình bày về CĐS trong GDNN

CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP: XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI SỐ

Hồ Tú Bảo
Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán
VIASM
VIETNAM INSTITUTE FOR ADVANCED STUDY IN MATHEMATICS

Chuyển đổi số là gì ?

Chuyển đổi số là sự thay đổi căn bản, toàn diện về cách thức hoạt động của chính quyền, của nền kinh tế và về cuộc sống của xã hội trong môi trường số. (*)

(*) https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/media/bo-truong-nguyen-manh-hung-chuyen-doi-so-la-cuoc-cach-mang-toan-dan-663208.html#inner-article

Chuyển đổi số là gì?

Chuyển đổi số là chuyển đổi hoạt động của chính quyền, của nền kinh tế và của xã hội lên môi trường số. (*)

TRẠNG THÁI HIỆN NAY
(so với trạng thái đích của CĐS)

TỔNG THỂ VÀ TOÀN DIỆN

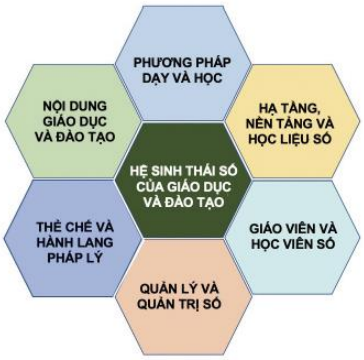

(*) https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/media/bo-truong-nguyen-manh-hung-chuyen-doi-so-la-cuoc-cach-mang-toan-dan-663208.html#inner-article

Môi trường số: Thế giới thực nối với Không gian số

DỮ LIỆU
+
KẾT NỐI

Môi trường số là môi trường ta đang sống với các thực thể được **số hoá** và **kết nối** qua internet.

Thực thể và phiên bản số (cặp đôi số)

Thực thể được kết nối qua phiên bản số

CƠ HỘI SỐ

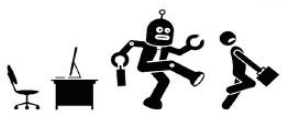

Chuyển đổi số là gì?

"Chuyển đổi số là việc tự thay đổi để thích nghi với môi trường số và khai thác cơ hội số và để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống và cách làm việc."

"Sự di chuyển từ thế giới thực vào thế giới số là sự di chuyển vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại" (Nguyễn Mạnh Hùng)

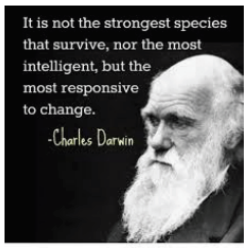

"Không phải những loài mạnh nhất, cũng không phải loài thông minh nhất còn sống sót. Đó chính là loài có thể thích nghi nhất với sự thay đổi."

http://ceid.gov.vn/chuyen-doi-so-cuoc-cach-mang-toan-dan

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

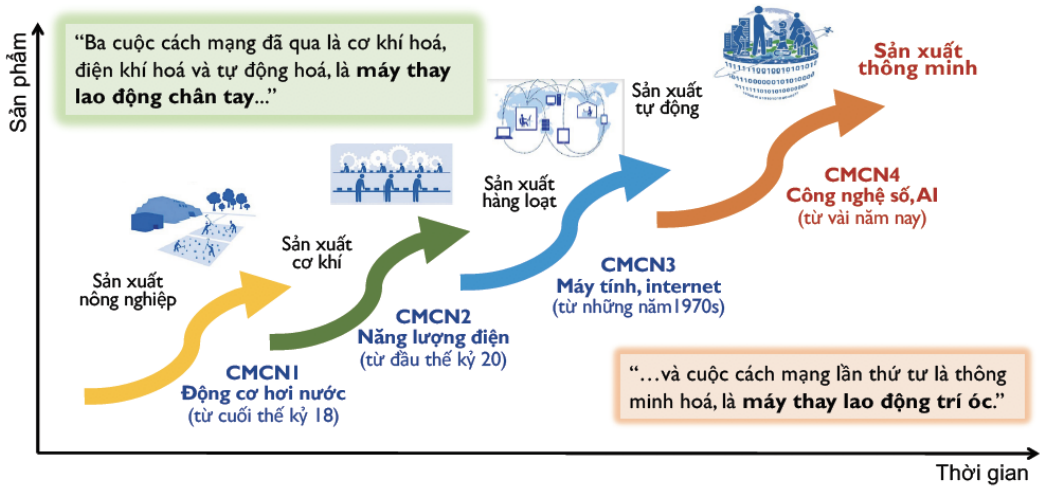

Cách mạng công nghiệp, chuyển đổi số và AI

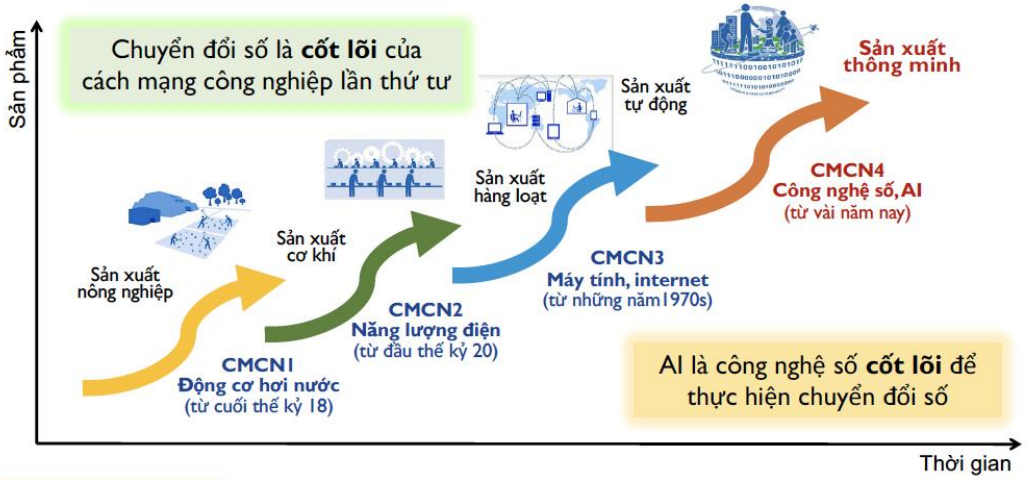

Chương trình chuyển đổi số quốc gia

Cơ hội cuối cùng?

- Việt Nam đã ba lần đứng ngoài các cơ hội của cách mạng công nghiệp
- CMCN4 mở ra cơ hội cho các quốc gia không có truyền thống công nghiệp.
- Cơ hội vô giá vì bản chất là thay đổi được chính mình.
- "Cơ hội cuối cùng": Nhiều chục năm mới có một lần.
- Ta không tiến khi người khác tiến là ta đã tụt lại. The winner takes all.

© Bao Ho. Chuyển đổi số Giáo dục nghề nghiệp

Một số bài học sau gần một năm của Quyết định 749

- Nhận thức vẫn là yếu tố quyết định, từ "chuyển đổi số là gì?" đã đến "**làm chuyển đổi số thế nào**?"
- Chuyển đổi số phải được làm bởi "**chính chủ**".
- Sự lãnh đạo của **người đứng đầu** và xây dựng **văn hoá số** là các điều kiện cần, các yếu tố quyết định của chuyển đổi số.
- Nhất thiết phải xây dựng được **năng lực số**, làm chủ được các công nghệ số cần dùng ở mức độ cần thiết cho tổ chức.

© Bao Ho. Chuyển đổi số Giáo dục nghề nghiệp

Lãnh đạo thời chuyển đổi số

1. Giao tiếp: Chìa khoá trong việc lãnh đạo (kết nối)
2. Tầm nhìn: Nhìn ra các cơ hội số của tổ chức
3. Trình độ kỹ thuật số: Để không tụt sau lớp trẻ
4. Có chiến lược: Làm tầm nhìn thành hiện thực
5. Đổi mới sáng tạo: Tạo văn hoá coi trọng sự đổi mới
6. Chấp nhận rủi ro *"Rủi ro lớn nhất là không chấp nhận bất kỳ rủi ro nào... chiến lược duy nhất đảm bảo sẽ thất bại là không chấp nhận rủi ro."*
7. Trọng tài năng: Có người tài mới làm được việc lớn
8. Thích nghi: Để tồn tại và khai thác cơ hội số

https://digitalmarketinginstitute.com/blog/03-04-18-the-most-in-demand-skills-in-digital-leadership

Văn hoá số thời chuyển đổi số

Văn hóa của tổ chức là những giá trị, niềm tin, hình thức mà mọi người trong tổ chức cùng công nhận và chia sẻ... là phần quyết định đến sự thành bại về lâu dài của tổ chức.

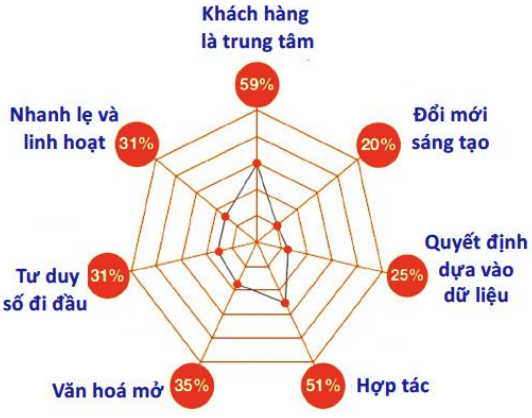

Những đặc điểm tiêu biểu của văn hoá số của tổ chức

Hạ tầng số

Hạ tầng số trong giáo dục và đào tạo nói về trường lớp, phương tiện, tài nguyên cơ bản ở mức "nền móng" cần cho hoạt động dạy và học.

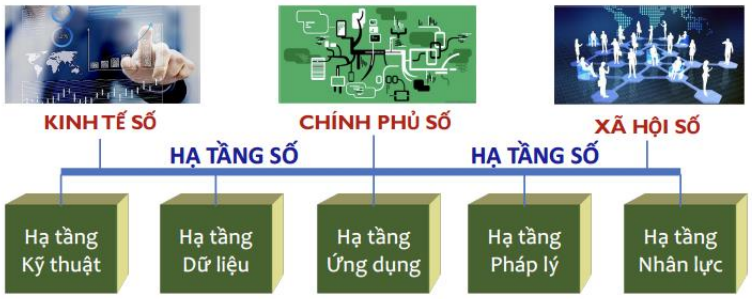

Nền tảng số

Nền tảng số là một môi trường số, một hệ thống công cụ số (như ứng dụng web, ứng dụng dành cho thiết bị di động, giao tiếp giữa các dịch vụ...) giúp cho việc phát triển ứng dụng, phần mềm, hoặc kết nối con người được dễ dàng.

- **Nền tảng giao dịch** (transaction platform): Môi trường hay công cụ *kết nối* số (Amazon, Airbnb...)
- **Nền tảng đổi mới** (innovation platform): Môi trường hay công cụ để nhanh chóng xây dựng ứng dụng (iPhone là nền tảng cho các ứng dụng trên thiết bị di động (app), nền tảng AI của FPT...).

- **Bán lẻ**: Amazon, eBay, Shopee, Tiki, Lazada, fpts...
- **Quảng cáo**: Google, Baidu, Tiktok, Admicro, eClick...
- **Tài chính**: Paypal, Alipay, VnPay, SenPay, Momo...
- **Giao thông**: Uber, Grab, GoViet, Bee, Vato, MyGo...
- **Khách sạn**: Airbnb, TripAdvisor, Chudu24, Vntrip...

- **E-learning:** Udacity, DataCamp, Udemy, Coursera...
- **Học-hop online**: Skype, Zoom, Microsoft Teams…
- **Quản lý**: Mona eLMS, Edmodo, Smas Viettel, MISA…
- **Tuyển sinh**: Tuyensinh247, Qlth.Vn, Hocmai…

Học liệu số

- "**Học liệu điện tử** (**học liệu số**) là các tài liệu học tập được **số hóa** theo một kiến trúc định dạng và kịch bản nhất định, được lưu trữ trên các thiết bị điện tử... máy tính, mạng máy tính nhằm phục vụ cho việc dạy và học. Dạng thức số hóa có thể là *văn bản, bảng dữ liệu, âm thanh, hình ảnh, video, phần mềm máy tính và hỗn hợp* các dạng thức nói trên."
- Học liệu số ngày càng quan trọng nhờ thay đổi của *thói quen sử dụng và nhận thức* với thiết bị điện tử và *khả năng kết nối và chia sẻ* của học liệu trên môi trường số.

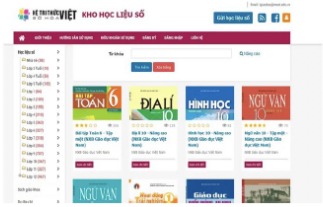

Kho học liệu số giáo dục phổ thông trong nền tảng giáo dục số - iGiaoduc.vn

Thông tư 11/2018/TT-BGDĐT

Bốn lĩnh vực của chuyển đổi số giáo dục và đào tạo

Giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục và đào tạo bổ sung

Giáo dục phổ thông

Giáo dục và đào tạo đại học

Chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp

© Bao Ho. Chuyển đổi số Giáo dục nghề nghiệp

Đặc trưng của dạy và học trên môi trường số

	Dạy và học truyền thống	Dạy và học trên môi trường số
Cách dạy và học	Luôn từ lý thuyết đến ứng dụng. Dựa theo sách giáo khoa, giáo trình.	Thường từ vấn đề, dự án, trường hợp… đến lý thuyết. Dùng nhiều học liệu số với nội dung chia theo mô-đun
Người học	Thụ động theo nội dung được dạy	Chủ động, tự định hướng, tìm hiểu, hợp tác và hứng thú
Người dạy	Người giảng bài	Người huấn luyện
Nơi dạy và học	Lớp học/giảng đường	Mọi chỗ, mọi nơi
Tốc độ học tập	Theo chương trình và giáo trình	Theo năng lực học sinh và lĩnh vực quan tâm
Đơn vị dạy và học	Khoá học và môn học	Mô-đun và năng lực
Theo dõi tiến độ	Kiểm tra vào ngày ấn định, nhằm đánh giá khả năng nhớ và hiểu kiến thức.	Liên tục, lặp, và tập trung vào mức đạt năng lực, văn hóa hợp tác và tư duy phản biện.
Vai trò của CNTT-TT	Đưa nội dung tới từng người học	Tạo môi trường kết hợp người học với học liệu

https://www.slideshare.net/massimilianoclaps9/education-digital-transformation-a-view-of-the-future-of-learning

© Bao Ho. Chuyển đổi số Giáo dục nghề nghiệp

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Thay đổi nội dung giáo dục và đào tạo cho tương lai

- Xác định lại nội dung với kiến thức và kỹ năng người học cần biết và có trong **thời họ sẽ sống.**
- **Bỏ** cái cũ không cần và **thêm** vào cái mới sẽ cần.
- Gắn nội dung với **thị trường lao động**.
- Định rõ các **kỹ năng** cần có của nghề.
- Cấu trúc nội dung theo các **mô-đun**.

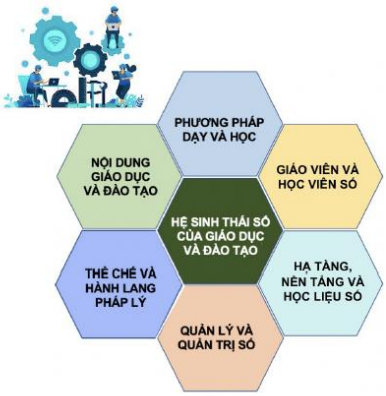

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Phương pháp dạy và học trên môi trường số

- **Học tập kết hợp** (blended learning) hài hoà việc dạy và học ở lớp với dùng các công nghệ và học liệu số, gồm cả dạy và học online.
- **Học tập thích nghi** (adaptive learning) phân tích dữ liệu người học và điều chỉnh tức thời tài liệu học tập và đánh giá.
- **Học theo đề tài** (project-based learning)
- **Học đảo ngược** (flipped learning)
- **Cá nhân hoá** việc học tập.
- Dùng phân tích dữ liệu và **AI** hỗ trợ việc dạy và học.

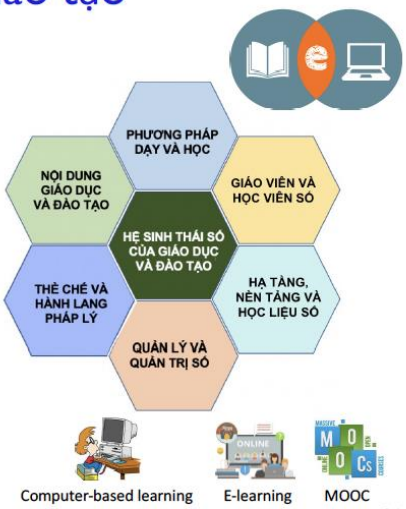

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Giảng viên số và học viên số

- **Học viên** đóng vai trò trung tâm, học tập chủ động, tự định hướng, tăng khả năng tự học, học mọi lúc mọi nơi. Việc học gắn với vấn đề, kỹ năng, theo mô-đun, tình huống và tham gia vào sáng tạo, tìm tri thức.
- **Giảng viên** dạy theo phương pháp mới, và đóng vai trò của "huấn luyện viên".

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

- **Hạ tầng kỹ thuật**: Mạng và máy tính.
- **Hạ tầng dữ liệu**: Cơ sở dữ liệu về dạy và học, về thầy và trò, về toàn bộ hoạt động.
- **Hạ tầng ứng dụng** với các **nền tảng** số, nhiều dịch vụ, kiểm soát, chia sẻ thông tin.
- **Học liệu số** gắn với chương trình và nội dung đào tạo, dùng chung trong hệ thống.

("**Học liệu số** là các tài liệu, dữ liệu thông tin, tài nguyên được số hóa, lưu trữ phục vụ cho việc dạy và học." Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT.)

Hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Quản lý và quản trị số

- **Quản trị**: Trường lớp được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác. Việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo việc dạy và học, điều hành, dự báo và ra quyết định đều *dựa trên dữ liệu* và các *công nghệ số*.
- **Quản lý**: Sử dụng hiệu quả các công nghệ số qua các *nền tảng số* để quản lý các hoạt động, đạt mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp.

Đề xuất hệ sinh thái số của giáo dục và đào tạo

Thể chế và hành lang pháp lý cho môi trường số

Tạo **thể chế** và **hành lang pháp lý** cho:

- Thay đổi nội dung, phương pháp dạy và học trên môi trường số.
- Dạy và học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng, công nhận kết quả.
- Quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin cá nhân, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số.

Ý kiến về chuyển đổi số ở các trường

1. Truyền được quyết tâm và "máu lửa" của **lãnh đạo** tới toàn bộ **thành viên** và cùng xây dựng được **văn hoá số** cho sự phát triển chung.
2. Yếu tố mấu chốt: Gắn hoạt động với **nhu cầu xã hội** trong kỷ nguyên số
3. Cần **lộ trình phù hợp** cho đường dài chuyển đổi số, với **các đột phá**
   1) Đẩy mạnh xây dựng và sử dụng **học liệu số**
   2) Bổ sung và hoàn thiện **quản trị** và **quản lý** trên môi trường số. Xây dựng **cơ sở dữ liệu** của trường về mọi hoạt động.
   3) Từng bước chuyển đổi **nội dung giáo dục nghề nghiệp.**
   4) Thử nghiệm **phương pháp** dạy và học mới với **thầy** và **trò**.

Ý kiến về chuyển đổi số của DVET

1. Xây dựng kiến trúc chuẩn toàn ngành để xây dựng **CSDL** từ các trường đến Tổng cục → Quản lý của Tổng cục & trường đều dựa vào **dữ liệu** và các công nghệ số.
2. Xây dựng một **nền tảng quản lý chung** cho tất cả các trường.
3. Xác định **thể chế, hành lang pháp lý**, tháo gỡ các rào cản, đề xuất sendbox để hỗ trợ các trường xây dựng hệ sinh thái số.
4. Tổ chức, chỉ đạo chương trình phát triển và đổi mới **nội dung giáo dục**.
5. Tổ chức, chỉ đạo xây dựng **hệ thống học liệu số** giáo dục nghề nghiệp.
6. Tổ chức **đào tạo, tập huấn** phương pháp dạy và học mới cho giáo viên.

Chúng ta không thể giải quyết các vấn đề với cùng cách suy nghĩ khi ta đặt ra các vấn đề đó.

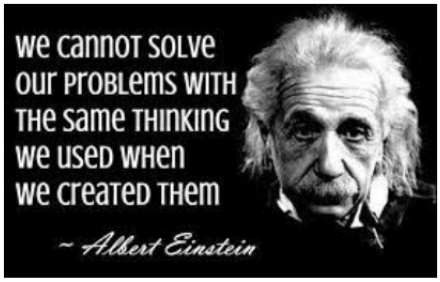

Phụ lục 4: Danh sách nghề đào tạo tại 11 trường CĐ

Chú ý: CĐ = Đào tạo hệ cao đẳng, TC = Đào tạo hệ trung cấp, SC = Đào tạo hệ sơ cấp

STT	Nghề đào tạo	BCI	CTC1	VGCTI	HUEIC	NTCT	NTVC	HVCT	VCMI	LILAMA	LAC	AGVC	Tổng	CĐ	TC	SC
1	An toàn lao	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
2	Anh văn chuy	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
3	Autocad	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
4	Bảo dưỡng sử cơ Diesel	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
5	Bảo dưỡng sử cơ xăng	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
6	Bảo dưỡng sử thống phun x	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
7	Bảo dưỡng sử bị điện ôtô	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
8	Bảo hộ Lao đ	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	1	1
9	Bảo trì hệ t khí	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0
10	Bảo trì thiế	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0
11	Bảo trì và s	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	2
12	Bảo trì, sửa trình xây dự	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
13	Bảo vệ	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	2	0	1	2
14	Bảo vệ môi t	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0
15	Bảo vệ thực	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
16	Bê tông	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
17	Cắm hoa nghệ	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
18	Cấp thoát nu	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1
19	Cắt gọt kim	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	1	9	8	9	5

20	Cắt tỉa củ q	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
21	Chăm sóc sắc	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	1
22	Chế biến thụ	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1
23	Chế tạo thiế	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	3	3	3	0
24	Công nghệ kỹ điện tử	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
25	Công nghệ kỹ trường	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	2	1	0	1
26	Cơ điện tử	1	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	8	8	7	3
27	Công nghệ ch	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	2	0	0
28	Công nghệ ch xây dựng	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
29	Công nghệ ch công trình x	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
30	Công nghệ co và điều hoà	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	3	3	3	0
31	Công nghệ đi lượng toà nh	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	0
32	Công nghệ Hà	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	8	8	5
33	Công nghệ kỹ	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0
34	Công nghệ kỹ điện tử	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
35	Công nghệ kỹ khiển và tự	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	2	2	0	0
36	Công nghệ kỹ học (Công nghệ phẩm)	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
37	Công nghệ kỹ	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0

38	Công nghệ kỹ thấ t và điệ n trình	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
39	Công nghệ kỹ liệu xây dựn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
40	Công nghệ kỹ dựng	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0
41	Công nghệ mô	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	1	1
42	Công nghệ ô	1	0	1	1	1	1	1	0	1	1	1	9	8	9	2
43	Công nghệ ô	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2
44	Công nghệ ô cơ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
45	Công nghệ ô	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	1	2
46	Công nghệ si	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0
47	Công nghệ th xây dựng mới	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
48	Công nghệ th dụng phần mề	1	1	1	1	1	0	1	0	0	1	0	7	7	5	1
49	Công nghệ th dụng trong x	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
50	Công nghệ th	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0
51	Công nghệ tự	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0
52	Công nghệ vậ	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
53	Công tác xã	0	0	1	0	1	0	1	0	0	1	0	4	3	3	3
54	Cốp - pha giáo	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1
55	Cốt - thép	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1
56	Điện công ng	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	10	9	7
57	Điện dân dụn	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	1	5	1	1	5
58	Điện lạnh	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	4	1	1	4

59	Điện tử công	1	0	1	0	1	1	1	1	1	1	1	9	8	9	3
60	Điện tử dân	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
61	Điều dưỡng	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0
62	Định giá côn dựng	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
63	Dược	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	1	1
64	Hàn (Hàn hơi	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2
65	Hàn bán tự đ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
66	Hàn điện hồ	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	3	0	0	3
67	Họa viên kiế	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
68	Hướng dẫn du	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0
69	Kế toán doan	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	10	11	4
70	Kế toán hành nghiệp	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	2	1	2	0
71	Kế toán Lao lương và bảo	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	3	2	1	1
72	Kế toán tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0
73	Kế toán thực báo thuế	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
74	Kế toán tổng	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
75	Kế toán xây	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0
76	Kiến trúc	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
77	Kinh tế xây	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
78	Kỹ thuật chế Âu	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
79	Kỹ thuật Chế	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	3	2	3	3
80	Kỹ thuật hạ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
81	Kỹ thuật lắp viễn thông	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0

82	Kỹ thuật lắp đi ều khiển t nghiệp	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	4	4	3	2
83	Kỹ thuật lắp nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0
84	Kỹ thuật máy hoà/điều khi	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	3	3	3	0
85	Kỹ thuật tho	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0
86	Kỹ thuật tho lý nước thải	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
87	Kỹ thuật trắ trình	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
88	Kỹ thuật trồ	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
89	Kỹ thuật tru và vô tuyến	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0
90	Kỹ thuật xây	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	4	3	4	3
91	Lái xe ôtô c	0	0	0	0	1	1	0	1	1	0	0	4	0	0	4
92	Lắp đặt điện	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
93	Lắp đặt điện	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
94	Lắp đặt thiế	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	3	3	3	1
95	Lắp đặt thiế	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
96	Lập trình má	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	2	2	1	0
97	Lập trình PL nâng cao)	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
98	Marketing online	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
99	May công ngh	1	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	4	0	0	4
100	May dân dụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1
101	May thời tra	0	0	0	1	1	1	1	1	0	1	1	7	5	7	1
102	Móc cáp treo hàng	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1

103	Nề Hoàn thiệ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1
104	Ngân hàng th	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
105	Nghiệp vụ bá	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1
106	Nghiệp vụ bu	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
107	Nghiệp vụ lễ	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
108	Nghiệp vụ nh	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	3	0	2	2
109	Nguội sửa ch cụ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
110	Nuôi trồng t mặn, nước lợ	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	1	0
111	Nuôi và phòn gia cầm	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
112	Nuôi và phòn gia súc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
113	Pha chế đồ u	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
114	Phay CNC	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2
115	Quản lý bán thị trong Kh	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
116	Quản lý bếp	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
117	Quản lý công An ninh tron	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
118	Quản lý dự á	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
119	Quản lý khai trình thuỷ l	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
120	Quản lý kho	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	0
121	Quản lý khu	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
122	Quản lý toà	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
123	Quản lý và b thị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0

124	Quản lý xây trình nông thôn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
125	Quản trị bán	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	2	1	0
126	Quản trị doa (vừa và nhỏ)	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	3	2	1	1
127	Quản trị doa dựng	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
128	Quản trị du	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0
129	Quản trị khá	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	4	3	3	0
130	Quản trị kin	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	2	2	1	1
131	Quản trị kin hợp	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
132	Quản trị mạn	1	0	1	0	1	1	1	1	0	1	1	8	8	6	2
133	Quản trị nhà	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	1	4	4	1	1
134	Rô bốt công	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0
135	Solid work	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
136	Sửa chữa, bả và điều hòa	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
137	Sữa chữa điệ động	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
138	Sữa chữa máy	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
139	Sửa chữa máy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1
140	Sửa chữa quạ điện và ổn á	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
141	Sửa chữa thi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0
142	Sửa chữa thi hóa	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
143	Sữa chữa và điện lạnh ô	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1

144	Sửa chữa và tính	0	0	1	0	1	1	0	0	1	0	1	5	3	4	3
145	Sửa chữa xe	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1
146	Sửa chữa xe	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1
147	Tài chính do	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
148	Tài chính tí	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	1	1
149	Tạo dáng và cảnh	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
150	Thi công điệ trình xây dự	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
151	Thi công nội trình	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
152	Thiết kế đồ	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	1	5	2	3	3
153	Thiết kế nội	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
154	Thiết kế và mạch đèn quả	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
155	Thiết kế thờ	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	0	3	3	3	1
156	Thiết kế và quan, hoa viên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
157	Thiết kế và đô thị	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
158	Thú y	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	1	1	1
159	Thực hành kê	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
160	Thực hành kế nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
161	Thực hành kế	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
162	Thương mại đ	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	1	1
163	Tiện	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	2	0	0	2
164	Tiện trên má	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1

165	Tin học ứng	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	2	1	2	0
166	Tin học văn	1	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	4	1	3	2
167	Tổ chức sự k	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
168	Triển khai b song ngữ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
169	Trồng rau an	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
170	Trồng và chă	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
171	Truyền thông	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	1
172	Tự động hoá	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
173	Vận hành cần	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	1	2
174	Vận hành máy	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
175	Vận hành-xúmáy	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
176	Vận hành máy	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
177	Vận hành máy	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
178	Vận hành máy nền	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
179	Vận hành máy	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1
180	Vận hành sửa lạnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0
181	Vận hành và nông nghiệp	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
182	Vận hành và trạm bơm điệ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1
183	Vận hành xe	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1
184	Vật liệu và dựng	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
185	Vẽ và thiết tính	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	1	1	0
186	Xây dựng cầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0

187	Xây dựng công tầng nông th	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
188	Xây dựng dân công nghiệp	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	1	1	1
189	Xếp dỡ cơ gi	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	0
190	Xử lý dữ liệ	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	0
191	Xử lý nước t nghiệp	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	2	2	2	1
Tổng		**37**	**49**	**27**	**24**	**58**	**22**	**26**	**24**	**34**	**24**	**30**	**570**	**212**	**187**	**171**

Phụ lục 5: Báo cáo thực trạng CĐS của 11 trường CĐ đối tác

- Trường Cao đẳng Xây dựng số 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH TÌM HIỂU THỰC TẾ CĐS TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm:

Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 - CTC1 là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống GDNN; chịu sự lãnh đạo, quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Xây dựng và chịu sự quản lý nhà nước về GDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 - CTC1 được thành lập theo Quyết định số 128/QĐ- TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở trường Trung học Xây dựng số 1 - Trường Kỹ thuật đầu tiên của ngành Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 31/CP ngày 15/7/1958. Tiền thân của trường Trung học Xây dựng số 1 là trường Cao đẳng giao thông công chính thành lập năm 1947.

Trường hiện có 17 đơn vị trực thuộc, trong đó có 7 đơn vị thuộc khối đào tạo, 7 đơn vị thuộc khối quản lý và phục vụ đào tạo, 3 đơn vị thuộc khối lao động sản xuất và chuyển giao công nghệ.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

*** Chức năng:**

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các bậc thấp hơn trong lĩnh vực xây dựng và các ngành nghề khác; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; triển khai áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**** Nhiệm vụ:***

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển GDNN và quy hoạch mạng lưới các cơ sở GDNN của Nhà nước và Bộ Xây dựng;

Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực khác có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp; tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội;

Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động GDNN;

Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động đào tạo về lập kế hoạch đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học;

Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động;

Tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường;

Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Mot sη kYt quÁ thỌc hiέn:

Với hơn 70 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều danh hiệu cao quý như Huân chương độc lập hạng nhì (2013), Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (2008), Huân chương độc lập hạng ba (2006), Huân chương lao động hạng nhất (2003), Huân chương lao động hạng nhì (1998), Huân chương lao động hạng ba (1961, 1976, 1979), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (1979, 2003, 2012, 2013), Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây dựng (2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2014, 2018).

1.4. Các ngành nghXĽ ¨ ó o t

1.4.1. Trình độ Cao đẳng:

1.4.1.1. Ng¨nh C¹ng nghέ kϒ thuBt c¹ng chuyên ngành

- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Cấp thoát nước;
- Kỹ thuật trắc địa công trình;
- Thi công nội thất công trình;
- Công nghệ thi công vật liệu xây dựng mới;
- Bảo trì, sửa chữa công trình xây dựng

1.4.1.2. Ng¨nh C¹ng nghέ kϒ thuBt x©y d

- Kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Xây dựng công trình hạ tầng nông thôn;
- Thiết kế và thi công đường đô thị.

1.4.1.3. Ng¨nh C¹ng nghέ kϒ thuBt vBt l

- Vật liệu và cấu kiện xây dựng;
- Công nghệ chế tạo vật liệu xây dựng;
- Công nghệ chống thấm công trình xây dựng.

1.4.1.4. Ng¨nh C¹ng nghέ kϒ thuBt t¨i n

Thi công điện nước công trình xây dựng

1.4.1.5. Ng¨nh C¹ng nghέ kϒ thuBt kiYn

- Kiến trúc;
- Thiết kế và thi công cảnh quan, hoa viên;
- Công nghệ thông tin ứng dụng trong xây dựng;
- Thiết kế nội thất công trình;
- Triển khai bản vẽ kỹ thuật song ngữ.

1.4.1.6. Ng¨nh QuÁn lÕ x©y dỌng gım c§c

- Kinh tế xây dựng;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Quản lý xây dựng công trình nông thôn;
- Định giá công trình xây dựng;
- Quản lý khu chung cư.

1.4.1.7. Ng¨nh KY to§n gım c§c chuy°n n

- Kế toán tổng hợp;
- Kế toán xây dựng;
- Kế toán lao động, tiền lương.

1.4.1.8. Ng¨nh T¨i ch²nh ng©n h¨ng gım

- Ngân hàng thương mại;
- Tài chính doanh nghiệp;

1.4.1.9. Ng¨nh QuÁn trα kinh doanh gım

- Quản trị kinh doanh tổng hợp;
- Quản trị doanh nghiệp xây dựng;
- Quản trị nghiệp vụ bán hàng ;
- Quản trị kinh doanh nhà hàng và khách sạn;

1.4.1.10. Ng¨nh Kϒ thuBt tho§t n‾ρc v¨

1.4.1.11. Ng¨nh ThiYt kY Ľı hya

1.4.1.12. Ng¨nh C¹ng nghέ th¹ng tin (6

1.4.2. Trình độ Trung cấp

- Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Ngành Họa viên kiến trúc
- Ngành Thiết kế đồ họa
- Ngành Kế toán doanh nghiệp
- Ngành Cấp thoát nước
- Ngành Kế toán xây dựng
- Ngành Tin học văn phòng
- Ngành Thương mại điện tử
- Ngành Nghiệp vụ bán hàng
- Ngành Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện nước công trình
- Ngành Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)
- Ngành Quản lý toà nhà
- Ngành Bê tông.
- Nghề Cốt thép- Hàn
- Nghề Cốp pha- Giàn giáo
- Nghề Nề - Hoàn thiện.

1.4.3. Trình độ Sơ cấp

- Nghề Nề - Hoàn thiện.
- Nghề Cốt thép- Hàn
- Nghề Cốp pha- Giàn giáo
- Nghề Cấp thoát nước.

1.5. Sη l ῶng cán bo, giÁng viên, sinh viên, cQu sinh viên

* Số lượng cán bộ, giảng viên: 214

* Số lượng học sinh, sinh viên :

Trình độ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	793	500
Trung cấp	360	700
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	0	800
Hệ khác (nêu rõ):		
Tổng:	**1153**	**2000**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

2.1. Triết lý trong giáo dục

Triết lý cơ bản của Trường là: xây dựng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 trở thành một môi trường giáo dục và đào tạo có uy tín, chủ động hội nhập giáo dục toàn cầu, liên thông và công nhận chất lượng lẫn nhau; thực hiện triết lý giáo dục đảm bảo quyền được học tập suốt đời cho mọi người trong nền kinh tế tri

thức trên cơ sở phát triển đào tạo nghề với chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động của thành phố Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, trong nước và quốc tế.

2.2. Các giá trị của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1

Các giá trị đã trở thành cốt lõi, truyền thống của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 qua hơn 70 năm xây dựng, trưởng thành là:

- Đoàn kết: Tập thể cán bộ,viên chức Nhà trường luôn luôn đoàn kết, biết đặt lợi ích của Nhà trường lên trên lợi ích cá nhân.

- Khát vọng: Khát vọng vươn lên luôn là đặc điểm quý báu của cán bộ, viên chức Trường Cao đẳng Xây dựng số 1. Khát vọng trong thời gian tới của Nhà trường đã thể hiện trong mục tiêu và tầm nhìn của Đề án này.

- Năng động, sáng tạo: Sự năng động, tự tin đã và sẽ biến khát vọng của Nhà trường thành hiện thực.

- Trách nhiệm: Trách nhiệm xã hội là tiêu chuẩn, là yêu cầu mà Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 luôn luôn đặt ra, đây chính là động lực để Nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo đầu ra, đảm bảo cơ cấu ngành nghề phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội.

2.3. Sứ mạng của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1

Trường là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các bậc thấp hơn trong lĩnh vực xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2.4. Tầm nhìn của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 đến năm 2030

Trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao đào tạo những ngành, nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế lĩnh vực Xây dựng và các lĩnh vực khác.

Là trung tâm đào tạo, nghiên cứu ứng dụng có uy tín trong nước và khu vực, hướng tới hội nhập quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; kết hợp đào tạo với sản xuất thực tế nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

2.5. Mục tiêu chiến lược dài hạn

Xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao theo hướng thực hành ứng dụng trong lĩnh vực Xây dựng và các ngành, nghề khác; đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tăng cường năng lực cạnh tranh của người lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế; chủ động hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của thủ đô và đất nước.

2.6. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Mục tiêu đến năm 2023: Đạt chuẩn về về số lượng và chất lượng tiêu chí về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, đội ngũ nhà giáo...

- Mục tiêu đến năm 2025: Đảm bảo đầy đủ các tiêu chí của trường Cao đẳng chất lượng cao và được công nhận là Trường Cao đẳng chất lượng cao.

- Mục tiêu đến năm 2030: Trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao đào tạo những ngành, nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế lĩnh vực Xây dựng và các lĩnh vực khác.

2.7. Quy mô đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Giai đoạn 2021 - 2025 (người)	Giai đoạn 2026-2030 (người)
1.	Cao đẳng	500	800
2.	Trung cấp	700	1000
3.	Sơ cấp, ngắn hạn	800	1200
Tổng		2000	3000

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Chủ trương CĐS của Nhà trường đã được đề cập trong Đề án định hướng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 ở các lĩnh vực: quản trị nhà trường, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quản lý học sinh sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng

Mục tiêu của CĐS: áp dụng các công nghệ kỹ thuật số làm thay đổi tích cực cách thức quản lý, làm việc trong Nhà trường, phương pháp giảng dạy của nhà giáo, phương pháp học tập của học sinh sinh viên từ môi trường truyền thống lên môi trường số.

Quan điểm : CĐS là cơ hội vô giá để bứt phá và cuối cùng để không bị tụt hậu trong sự phát triển không ngừng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
- Đội ngũ nhà giáo trẻ, có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; - Các ngành nghề đào tạo đa dạng có thể vận dụng tốt mô hình đào tạo mới sử dụng công nghệ thông tin;	- Hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế; - Chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến; - Học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc

- Nội dung CĐS đã được quan tâm khi xây dựng đề án chiến lược phát triển trường;	nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) còn thiếu; - Kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các thông tin còn hạn chế, không đồng đều.
CƠ HỘI - Mở rộng hình thức đào tạo; mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số. - Đổi mới phương pháp quản lý, quản trị trong nhà trường; - Đổi mới phương pháp giảng dạy; - Đóng góp, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số - Chính sách hỗ trợ của các bộ, ngành liên quan.	**THÁCH THỨC** - Thiếu hụt nguồn lực phục vụ CĐS; - Thiếu hụt dữ liệu phục vụ CĐS; - Tâm lý ngại thay đổi của nhà giáo, người học và các bộ phận quản lý.

3.3.Thực trạng và đích đến

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Quản lý hành chính thông qua phần mềm tin học văn phòng; Các văn bản được quản lý và triển khai tới các đơn vị thông qua văn phòng điện tử mOffice	- Số hóa dữ liệu các văn bản, tài liệu, thông tin người học, cán bộ, viên chức người lao động để tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông - Triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác - Chuyển đổi môi trường làm việc trực tiếp sang môi trường số.
-	Quản lý tài chính	
-	Quản lý nhân sự, dữ liệu nhập học, dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và nhà giáo, Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng được lưu trữ, quản lý thông qua các phần mềm tin học văn phòng.	
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Nhà trường chưa có thư viện điện tử, sách điện tử...Học liệu số là hệ	- Xây dựng học liệu số như sách điện tử, thư viện điện tử, bài giảng điện tử,

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
	thống bài giảng điện tử đang được biên soạn hàng năm	phần mềm học điện tử..... phục vụ cho đào tạo trực tuyến; - Thiết lập và vận hành hệ thống đào tạo E-learning với lịch trình, thời gian, không gian học tập mở, lớp học/môi trường học tập ảo; - Nhà giáo có năng lực quản lý tài nguyên mạng, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ phục vụ quá trình dạy học, chuyển đổi từ các hình thức giảng dạy truyền thống sang các hình thức giảng dạy áp dụng công nghệ số hóa. - Người học có nhiều cơ hội học tập trong những khoảng thời gian khác nhau và ở những nơi khác nhau. Việc học tập sẽ trở nên dễ dàng và thuận tiện khi có các công cụ học tập trực tuyến hỗ trợ cho việc học tập từ xa và tự học.
-	Chương trình đào tạo từ xa nhà trường chưa triển khai. Tuy nhiên trong thời gian dịch Covid, hoạt động giảng dạy trực tuyến tại nhà trường đã thực hiện thông qua phần mềm Zoom.	
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	Các phần mềm được sử dụng tại Nhà trường bao gồm phần mềm tin học văn phòng, phần mềm tin học ứng dụng của chuyên ngành đào tạo.....	- Sử dụng phần mềm quản lý toàn diện mọi hoạt động trong nhà trường có tính liên thông dữ liệu giữa các đơn vị; - Ứng dụng điện toán đám mây làm nền tảng CĐS; - Nâng cấp mạng và hệ thống máy tính đáp ứng yêu cầu CĐS.
-	Sử dụng hệ thống mạng đồng đẳng	
5	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Mô hình kiến trúc sử dụng thực tế ảo VR đã được thực hiện.	- Ứng dụng thực tế ảo (VR)/thực tế tăng cường (AR)/thực tế hỗn hợp (MR)/thực tế tạo ảnh (CR)… trong giảng dạy. - Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư.
-	Thực tập tại doanh nghiệp chuyên ngành Kiến trúc, Xây dựng dân dụng & công nghiệp người học đã được tiếp cận mô hình thông tin xây dựng Bim.	

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
		- Phối hợp với doanh nghiệp triển khai CĐS trong tổ chức đào tạo
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Đề án định hướng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Chiến lược, kế hoạch CĐS ngắn hạn và dài hạn.

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU THAM GIA HOẠT ĐỘNG VÀ HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT

1. Danh sách thành phần tham gia hoạt động

Stt	Vị trí	Tên đơn vị	Số lượng
1.	Ban Giám hiệu	Trường CĐXD số 1	2
2.	Lãnh đạo phòng chức năng, trung tâm	Phòng Đào tạo và công tác học sinh sinh viên Phòng Tổ chức hành chính Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học Ban Tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm	8
3.	Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn	Khoa Xây dựng Khoa Quản lý xây dựng và đô thị Khoa Kế toán	3
4.	Giảng viên	Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học	2
5.	Sinh viên	Khoa Xây dựng Khoa Quản lý xây dựng và đô thị	5
6.	Thành phần tham gia khác (nếu có)		

2. Hiện trạng CSHT

- **Phần cứng:**

STT	Loại máy	Nhãn hiệu	Số lượng	Năm mua sắm
1	Máy chiếu Epson EB S10, EB S02	Epson EB S10, EB S02	19	2013
2	Máy in	HP, Canon	52	2012-2015
3	Máy Fax	Panasonic	01	2012
4	Máy tính để bàn	Samsung, Del	107	2010-2015
	Máy tính để bàn	Ram 4GB, HĐ 500GB, Mainboard H81M, Chipset	42	2016
	Máy tính để bàn	Intel Core i5-9400/Intel	38	2020

- **Phần mềm:**
  + Hệ điều hành Windows;
  + Phần mềm Tin học văn phòng: Word; Exel...
  + Phần mềm Tin học chuyên ngành: Auto Cad, Revit, Sketchup, Misa, Photoshop, Coreldraw, Misa,
- **Hệ thống mạng:** Internet, Wifi tại các phòng làm việc
- **Hệ thống an toàn, an ninh mạng, bảo mật:** Phần mềm diệt virut do các cá nhân tự cài đặt cho máy sử dụng (chủ yếu sử dụng các phần mềm diệt virut miễn phí)

- Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh

UBND TỈNH BẮC NINH **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH** Số:……/BC-CĐCN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Ninh, ngày ….. tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO TỔNG HỢP

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tiền thân là Công nghiệp Hà Bắc, được thành lập năm 1970 theo Quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của Ủy ban hành chính tỉnh.

Ngày 07/10/1982 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 430/QĐ-UB ngày 07/10/1982 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc về việc chuyển trường Công nghiệp Hà Bắc thành trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.

Ngày 09/03/2007 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh.

Ngày 14/3/2017 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 327/QĐ-BLĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trụ sở Trường hiện tại đóng tại số 499, Khu 1, Phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

1.2.1. Ch6 c n Ł n g

Nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo nguồn nhân lực theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp với mục tiêu chung là đào tạo lao động kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiệm vụ của Nhà trường trong lĩnh vực khoa học, kỹ thuật gồm: Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ các cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp; tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật trong các lĩnh vực Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Tự động hóa, Cơ khí chế tạo, Cơ điện tử, Công nghệ ô tô, Tin học ứng dụng, Thương mại điện tử, Kế toán doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong những năm qua nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục GDNN, UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Lao động – Thương Binh và Xã hội Bắc Ninh, các ban ngành đoàn thể trong tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể cán bộ, viên chức, lao động trong trường đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, quyết tâm xây dựng nhà trường ngày càng phát triển. Mỗi cán bộ, giáo viên, công nhân viên phát huy tinh thần làm việc độc lập, sáng tạo trong công tác đào tạo. Nhạy bén trong đổi mới công tác đào tạo cũng như nghiên cứu, mở rộng liên kết đào tạo với các đơn vị bạn, từng bước nâng cao vị thế của nhà trường. Nhà trường đẩy mạnh việc chuẩn hoá và nâng cao trình độ đạt chuẩn cho đội ngũ giáo viên, bố trí giáo viên giảng dạy và phân công nhiệm vụ theo quy định.

1.2.2. Nhiém vü chính cúa n h ¨ơngt r ═

1. Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và thường xuyên nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

2. Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo GDNN theo quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo GDNN.

3. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo đúng Quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Công bố công khai mục tiêu, chương trình đào tạo; điều kiện để bảo đảm chất lượng dạy và học; mức học phí và miễn, giảm học phí; kết quả kiểm định chất lượng đào tạo; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở GDNN; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo.

5. Tổ chức giảng dạy, học tập theo mục tiêu, chương trình đào tạo; cấp bằng, chứng chỉ GDNN cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức cho người học học tập, thực hành và thực tập tại doanh nghiệp thông qua hợp tác với doanh nghiệp.

6. Tổ chức xây dựng, duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo.

7. Tuyển dụng, quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của Trường đủ về số lượng; phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quyết định hiện hành của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức.

8. Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

9. Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề.

10. Tổ chức cho người học nghề tham quan, trải nghiệm, thực tập tại doanh nghiệp.

11. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động GDNN.

12. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học nghề tham gia các hoạt động xã hội.

13. Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào dạy nghề và hoạt động tài chính.

14. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục tập quán, pháp luật có liên quan của nhà nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của người Việt Nam vào chương trình khi tổ chức GDNN cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

15. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của Trường theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

1.3. Một số kết quả thực hiện

1. Công tác chỉ đạo triển khai

Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Duy trì, ổn định quy mô đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Rà soát, điều chỉnh, cải tiến, mở thêm và triển khai thực hiệu quả chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn cho phù hợp yêu cầu thị trường lao động. Xây dựng và thí điểm đào tạo nghề theo mô hình đào tạo kép cho một số nghề theo thông tư số 25 ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động TB&XH.

Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Sư phạm dạy nghề, kỹ năng nghề và các lớp dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp).

2. Công tác tuyên truyền, tư vấn GDNN

Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền, tư vấn về GDNN đã đạt được Nhà trường triển khai với nhiều hình thức thể hiện phong phú, ngay sau khi học sinh, sinh viên nhập học nhà trường đã tổ chức tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về GDNN, giới thiệu về các mô hình đào tạo nghề của trường, xu hướng phát triển, dự báo nhu cầu của các ngành nghề trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp, tích cực, chủ động trong việc tổ chức tuyên truyền và tư vấn về GDNN trong các đợt tuyển sinh, các chương trình ngày hội tư vấn hướng nghiệp do Sở Lao động Thương Binh - Xã Hội, Sở Giáo dục & Đào tạo, Tỉnh Đoàn tổ chức.

3. Công tác HSSV

*** Cơ sở vật chất phục vụ công tác HSSV:**

Trong năm 2020 được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên nhà trường được đầu tư xây dựng khu nhà thể thao đa năng phục vụ cho các hoạt động của HSSV, dự kiến đưa vào sử dụng vào năm 2021.

Nhà trường phối hợp với Ban quản lý khu ký túc xá sinh viên của tỉnh để HSSV nhà trường có thể sử dụng các khu thể thao và các dịch vụ của KTX.

*** Các phong trào thi đua:**

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua Dạy tốt, học tốt, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”

- Năm 2020, là năm đánh dấu nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Bên cạnh việc phát động các đợt thi đua gắn liền với các ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước như “Mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới”; “Kỷ niệm ngày Giải phòng miền nam, thống nhất đất nước” “Kỷ niệm ngày thành lập trường” “Mừng sinh nhật Bác”…nhà trường phát động phong trào thi đua chào mừng 50 năm thành lập trường. Tích cực tham gia các cuộc thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức. Các phong

trào được triển khai sâu rộng trong đội ngũ viên chức, người lao động và HSSV góp phần tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong toàn trường.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.Tổ chức cho HSSV tham gia các hội thi, hoạt động phong trào có ý nghĩa giáo dục thiết thực như: Tổ chức địa điểm thu gom pin nhằm tập trung xử lý giảm tác hại đối với môi trường, phong trào "Vì môi trường xanh - sạch - đẹp" được triển khai sâu rộng; tham gia cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên GDNN – STARTUP KITE 2020"

- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.

*** Kết quả rèn luyện:**

Kết quả rèn luyện học kỳ 2, năm học 2019-2020 như sau:

Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

4. Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp

*** Kết quả tuyển sinh:**

Được triển khai đảm bảo đúng quy định, công khai, khách quan. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng phù hợp quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - TBXH và tình hình thực tiễn Nhà trường; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh được đa dạng hóa và thu hút nhiều CBVC, HSSV tham gia.

- Kết quả tuyển sinh vượt kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

+ Tuyển sinh tập trung dài hạn: 768 HSSV (trình độ Cao đẳng: 477 SV, Trung cấp: 291 HS) vượt chỉ tiêu kế hoạch.

+ Tuyển sinh Cao đẳng liên thông: 25 Sinh viên.

+ Đào tạo sơ cấp, dưới 3 tháng và thường xuyên: 240 học viên (bao gồm Đào tạo sơ cấp, ngắn hạn, các lớp nghiệp vụ sư phạm,…)

+ Tuyển sinh các lớp đại học liên kết với tổng số 61 học viên.

*** Kết quả tốt nghiệp:**

Năm 2020 là năm đầu tiên tổ chức thi và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp theo luật GDNN với tổng số: 506 HSSV tốt nghiệp, chiếm tỷ lệ 97,5%, trong đó: có 245 Sinh viên cao đẳng và 261 học sinh trung cấp.

5. Chất lượng và hiệu quả đào tạo

Ngay khi các em HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng để HSSV có điều kiện tiếp cận với nhà tuyển dụng. Trong quá trình phỏng

vấn, thi tuyển HSSV đáp ứng được yêu cầu từ phía doanh nghiệp đã được doanh nghiệp lựa chọn vào các nhà máy, cụ thể như Sam Sung, tập đoàn Hồng Hải, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH ABB, ...Kết quả là sau khi ra trường 95% HSSV có việc làm và thu nhập ổn định.

- Đào tạo tập trung: 80 lớp với tổng số 2168 HSSV (Trong đó: Cao đẳng 1267 sinh viên, Trung cấp nghề 901 học sinh).
- Sơ cấp: 33 Học viên
- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: 186 học viên
- Bồi dưỡng thường xuyên: 39 học viên
- Số lượng học viên đào tạo liên kết do cơ sở khác cấp bằng: Nhà trường tiếp tục phối hợp với trường ĐHSPKT Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH (121 học viên).

Chất lượng đào tạo năm 2020:

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 2 năm học 2019-2020.

Kết quả học tập, rèn luyện học kỳ 2, năm học 2019-2020 như sau:

+ Kết quả học tập: Xuất sắc: 0,1% Giỏi 6.1 %; Khá 32,5%; TB Khá 42.7%; Trung Bình 9.2%; Yếu 9,3%;

+ Kết quả rèn luyện: Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo. Tăng cường các hoạt động thanh kiểm tra đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt chú trọng rèn luyện tay nghề cho HSSV. Tăng cường kiểm tra các lớp liên kết đang giảng dạy tại các Trung tâm GDTX-GDNN;

6. Công tác nghiên cứu khoa học

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
- Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Trong năm 2020 nhà trường có 10 đề tài cấp trường được công nhận.
- Sinh viên nhà trường tham dự chương trình khởi nghiệp toàn quốc năm 2020 đạt giải 3 khu vực phía Bắc, giải khuyến khích toàn quốc được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH.

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo)

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp;	Cao đẳng
2	Điện tử công nghiệp;	Cao đẳng

3	Hàn;	Cao đẳng
4	Cắt gọt kim loại;	Cao đẳng
5	Công nghệ ô tô;	Cao đẳng
6	Kế toán doanh nghiệp;	Cao đẳng
7	Cơ điện tử;	Cao đẳng
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;	Cao đẳng
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);	Cao đẳng
10	Thương mại điện tử	Cao đẳng
11	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng
12	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng
13	Tự động hoá công nghiệp;	Cao đẳng
14	Điện công nghiệp;	Trung cấp
15	Điện tử công nghiệp;	Trung cấp
16	Hàn;	Trung cấp
17	Cắt gọt kim loại;	Trung cấp
18	Công nghệ ô tô;	Trung cấp
19	Kế toán doanh nghiệp;	Trung cấp
20	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp
21	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp
22	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp
23	Điện công nghiệp	Sơ cấp
24	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp
25	Điện dân dụng	Sơ cấp
26	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp
27	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp	Sơ cấp
28	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp
29	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp
30	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp
31	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp
32	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp
33	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp
34	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp
35	Phay CNC	Sơ cấp
36	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp
37	Cơ điện tử	Sơ cấp

38	May công nghiệp	Sơ cấp
39	Tin học văn phòng	Sơ cấp
40	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp
41	Quản lý khai thác công trình thuỷ lợi	Sơ cấp
42	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp
43	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp
44	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp
45	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp
46	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp
47	Trồng rau an toàn	Sơ cấp
48	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp
49	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp
50	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp
51	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Sơ cấp

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	***88***	***89***	***92***
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	***58***	***62***	***69***
- Tiến sĩ (NCS)	0	0	
- Thạc sĩ	23	27	32
- Đại học	34	34	36
- Cao đẳng	01	01	01
- Trung cấp	0	0	
- Trình độ khác	0	0	
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	***55***	***56***	***65***

1.6. Số lượng sinh viên

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	1281	2248
Trung cấp	905	1030

Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	60	100
Hệ khác (nêu rõ):		
Tổng:	2228	**3378**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược (ngắn và dài hạn), lĩnh vực trọng tâm/ưu tiên phát triển, quy mô đào tạo, định vị vị thế/vai trò nhà trường trong 3 năm, 5 năm, hoặc 10 năm tới trong xã hội.

2.1. Sứ mệnh:

Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng Hội nhập quốc tế

2.2. Tầm nhìn:

Là cơ sở GDNN có uy tín, chất lượng cao, cấp độ khu vực ASEAN

2.3. Chính sách chất lượng:

Lãnh đạo, cán bộ, giáo viên và người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh cam kết: " Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hoàn thành 60% tiêu chí của trường chất lượng cao trước năm 2022; Trở thành trường chất lượng cao trước năm 2025".

1. Nâng cao công tác quản trị nhà trường; trú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao;

2. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

3. Tạo mọi điều kiện để Học sinh sinh viên phát triển năng lực của bản thân;

4. Thường xuyên rà soát, cải tiến chương trình, giáo trình đào tạo, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của xã hội;

5. Mở rộng hợp tác với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước để Học sinh sinh viên được học tập, trải nghiệm và lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp;

6. Thường xuyên cải tiến, phát triển Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

2.4. Mục tiêu chất lượng:

Để thực hiện Chính sách chất lượng trên, tập thể CBVC và người lao động của Nhà trường cam kết:

1. Đảm bảo quy mô đào tạo trên 2000 HSSV/năm;

2. Học sinh, sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trên 65%; HSSV tốt nghiệp trên 98%; Sinh viên đạt giải kỹ năng nghề Quốc gia 02 sinh viên;

3. Học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt trên 95%; Doanh nghiệp được khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu kỹ năng tay nghề của HSSV đạt 85%;

4. Tổ chức hội thảo chuyên đề chuyên môn có sự tham gia của doanh nghiệp; Nâng cao mô hình đào tạo kép giữa nhà trường và doanh nghiệp;

5. Đạt tiêu chuẩn cấp độ 3 kiểm định chất lượng GDNN; Tự đánh giá chương trình đào tạo 02 nghề trọng điểm;

6. Xây dựng và vận hành hệ thống chất lượng đảm bảo các quy trình quản lý và giám sát đúng với khung mô hình quản lý chất lượng trường cao đẳng;

7. Có trên 20 Nhà giáo đạt danh hiệu “nhà giáo dạy giỏi cấp trường”; 05 nhà giáo đạt danh hiệu “nhà giáo dạy giỏi cấp tỉnh”;

8. Tin học hóa công tác quản lý chuyên môn, triển khai và ứng dụng, vận hành phần mềm quản lý công việc, quản lý giáo vụ;

9. Sinh viên trước khi tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng mềm, sinh viên vì cộng đồng, quản lý xưởng./.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

- Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh áp dụng chiến lược CĐS và CĐS thành công sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trong sự nghiệp phát triển dạy nghề của của địa phương. Đây là xu thế tất yếu và cũng là bước phát triển tất yếu trong lộ trình theo Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Đồng thời nó tạo ra sự phát triển về chất trong sự nghiệp dạy nghề của nước ta, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đảm bảo có nhiều nhân tài cho đất nước trong thời kỳ 4.0 hiện nay.

- CĐS góp phần tạo môi trường thuận lợi cho người học rèn luyện nâng cao hiểu biết về xã hội, hiểu biết về nghề ngiệp, rèn luyện phẩm chất đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp từ đó xây dựng nên một môi trường giáo dục trong sạch, lành mạnh. Góp phần mở rộng cơ hội học tập, cơ hội tiếp cận với giáo dục hiện đại, tạo cơ hội phát triển đối với các tầng lớp lao động, nhất là thanh niên trong Tỉnh.

- Hiện nay với sự phát triển nhảy vọt của khoa học kỹ thuật và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, nhân loại đang bước sang thời kỳ quá độ của kinh tế tri thức thì CĐS nhà xu hướng tất yếu, để sử dụng ngày càng nhiều công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, việc dạy nghề cũng phát triển phù hợp với xu hướng hiện đại hoá, thị trường hoá, đa dạng hoá và quốc tế hoá.

Vì vậy, việc trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thực hiện việc CĐS và CĐS thành công sẽ góp phần thay đổi phương thức đào tạo và đáp ứng

việc đào tạo nguồn nhân lực, có kỹ năng nghề nghiệp, thích ứng với thay đổi nhanh trong sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)</td><td>ĐIỂM MẠNH
- Nhà trường đầu tư các phần mềm để phục vụ công tác CĐS (Quản lý đào tạo, Base, Misa ...).
- Các phần mềm bước đầu đã đáp ứng một số nội dung CĐS.
- Các đơn vị đã bước đầu áp dụng và làm chủ được các phân mềm.
- 100% Các khoa và giáo viên đã thực hiện các công việc trên phần mềm
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ từ tin học cơ bản trở lên.</td><td>ĐIỂM YẾU
- Các cán bộ, giáo viên chưa mạnh dạn áp dụng các phần mềm trong quá trình làm việc.
- Chưa khai thác được hết các tính năng của các phần mềm,
- Một số cán bộ chưa nhận thức được CĐS là quan trọng trong thời gian tới khi hội nhập.
- Tâm lý vẫn còn ngại thay đổi khi áp dụng các phần mềm trong quản trị.
- Phần mềm chưa hoàn thiện và vẫn trong quá trình phát triển.</td><td rowspan="2">(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)</td></tr>
<tr><td>CƠ HỘI
- CĐS là tất yếu tạo cơ hội trong thay đổi phương thức làm việc cho cán bộ giáo viên.
- Mở rộng được nhiều cách tiếp cận các nguồn học liệu mở cho giáo viên và HSSV.
- Nâng cao năng lực cho giáo viên khi áp dụng các phần mềm.
- Thay đổi phương thức quản lý, đào tạo khi ứng dụng các phần mềm.
- Tạo ra một môi trường làm việc mới trong hoạt động đào tạo của nhà trường.</td><td>THÁCH THỨC
- Cần thay đổi nhận thức của mọi người về CĐS?
- Xây dựng năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.
- Xác định công nghệ chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động GDNN của nhà trường.
- Xác định chiến lược, kế hoạch hành động trong tương lai phù hợp với hoạt động của nhà trường.
- Cần có sự đầu tư thích đáng vào công cuộc CĐS (vốn, con người, phần mềm ...)</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)</td><td></td></tr>
</table>

3.3.Thực trạng và đích đến

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Hiện tại nhà trường chưa có phần mềm riêng để quản lý cán bộ. Đang sử dụng chung phần mềm quản lý của cả tỉnh. Quản lý hồ sơ cán bộ của trương vẫn thủ công và nhập trên EXCEL là chính.	Có một phần mềm quản lý riêng để thực hiện quản lý hồ sơ cán bộ của nhà trường.
-	Đã áp dụng phần mềm: Quản lý công việc Base *- Base Wework - Giải pháp quản lý công việc & dự án toàn diện của nhà trường* *- Base Workflow - Cải tiến và tự động hoá quy trình làm việc (bắt đầu áp dụng trên cơ sở các Quy trình theo hệ thống đảm bảo chất lượng)* *- Base Requests - Tạo các đề xuất* *- Base Message - Ứng dụng chat và trao đổi thông tin trong nội bộ nhà trường* *- Base Office - Ứng dụng quản lý thông báo & Công văn nội bộ* *- Base Meeting - Ứng dụng quản lý các cuộc họp trong trường* *- Base Drive - Ứng dụng quản lý tài liệu nội bộ*	Làm chủ được phần mềm đê: - Tăng cường công tác quản lý, quản trị nhà trường. - Công khai, minh bạch hóa các quy trình, các giai đoạn công việc. - Thay đổi các phương thức làm việc trong việc ứng dụng (duyệt VB, Chữ ký số, xét duyệt các đề nghị ...) - Tạo được các kho dữ liêu dùng chung trên hệ thống.
-	Phần mềm Quản lý đào tạo: *- Trên cổng thông tin giảng viên.* *- Cổng thông tin HSSV* *- Trên phần mềm Uni Mark (quản lý điểm).* *- Trên phần mềm Uni Schedule (Lập kế hoạch).*	- 100% Giảng viên, HSSV sử dụng thành thạo các Cổng thông tin nhằm tra cứu, cập nhật các nội dung trên hệ thống quản lý. - 100% các quản lý các khoa và cán bộ của phòng Đào tạo, CT HSSV,

	- Trên phần mềm Uni Student (Tuyển sinh và HSSV).	Quan hệ công chúng sử dụng tốt các phần mềm liên quan. - Phần mềm được khai thác triện để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, quản lý, quản trị của nhà trường. - Nâng cấp, mở rộng các tính năng mới cho phù hợp với sự phát triển của nhà trường.
-	Nâng cấp website của nhà trường. Thực hiện đưa trang Webite BCi mới vào hoạt động bắt đầu chính thức từ tháng 01 năm 2021 để đảm bảo về tính khoa học và khai thác hiệu quả nhất. Website mới vào hoạt động là hoàn toàn phù hợp, đáp ứng tốt với tình hình thực tiễn, đáp ứng với yêu cầu số hóa nói chung và trong giáo dục nói riêng	- Đổi mới trong quản lý như hệ thống giao diện trang chủ bố trí khoa học, hợp lý đảm bảo thuận tiện cho việc tìm kiếm thông tin - Thường xuyên đơn vị đã cập nhật các thông tin liên quan, các bài viết có tính thời sự đảm bảo đưa các thông tin đến công chúng một cách thuận tiện nhất - Để thuận tiện trong công tác quản lý và truy cập tạo sự gắn kết giữa giáo viên, đơn vị phòng Đào tạo và HSSV trong giao diện Website đã bổ sung nội dung Cổng thông tin giảng viên đây cũng là điểm đặc biệt với Website cũ chưa có. - Ngoài ra tính liên kết giữa Website với nhiều trang mạng xã hội phổ biến hiện nay như Facebook, Zing me,… - Để khai thác tiện ích hệ thống có sự hỗ trợ truy cập di động để người dùng có thể truy cập với các phương tiện khác nhau.
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Trong thời gian vừa qua nhà trường đã bước đầu thực hiện số hóa các bài giảng thông qua việc:	Thay đổi, làm phong phú các loại hình đào tạo trong nhà trường. - Giúp người học có thể tiếp cận được bài học mọi lúc, mọi nơi.

	- Ghi hình các bài giảng đưa lên các trang nhằn áp dụng giảng dạy từ xa. - Tổ chức giảng dạy trực tuyến cho các lớp ở xa, trong thời gian các em không đến trường được. - Số hóa các tài liệu giảng dạy cung cấp cho người học các tài liệu học tập.	- Giảng dạy được các lớp ở xa hoặc không thể tiếp cận được do dịch bệnh. - Tạo ra được kho tài liệu dùng chung cung cấp cho người học tra cứu ở mọi nơi.
-	Nhà trường tổ chức hội thảo chuyên đề cùng với chuyên gia Giz. Có thêm các phương pháp và giải pháp cho đào tạo trực tuyến.	Rút ra được những phương pháp hay để có thể áp dụng giảng dạy trực tuyến có hiệu quả.
-	Áp dụng một số phần mềm vào quá trình dạy học làm phong phú cho các bài giảng trực tuyến như: Kahoo.it .. tạo hứng thú cho người học.	Nâng cao khả năng tương tác của người học, tạo được sự hứng thú và đánh giá được người học khi họ tham gia học tập trực tuyến, từ xa.
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	Hiện tại Nhà trường đã được trang bị các hệ thống máy tính có nối mạng in internet.	Cần hoàn thiện và nâng cấp hệ thống máy tính đáp ứng được nhu cầu và để có thể đáp ứng công tác CĐS.
-	Có trang bị: 3 hệ thống mạng cáp quang, các thiết bị phụ trợ	Cần nâng cấp hệ thống mạng, tăng tốc độ đường truyền và mở rộng khu vực phủ sóng wifi của nhà trường.
-	Hiện tại ngoài các phần mềm sử dụngtrong công tác quản lý, quản trị, các khoa và các phòng chuyên môn của các lĩnh vực nghề nghiệp đều sử sung các phần mềm chuyên dùng.	Tăng cường khai thác những phần mềm có sẵn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Đầu tư thêm các phần mềm chuyên dùng để thực hiện việc CĐS trong nhà trường.
4	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Nhà trường thường xuyên rà soát lại chương trình đào tạo, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp	Nhằm đáp ứng được nhưng yêu cầu từ phía doanh nghiệp, đon vị sử dụng nhân lực của nhà trường.

	với sự phát triển của xã hội và yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0	
-	Thường xuyên cập nhật sửa đổi bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, nội dung giảng dạy.	Có nội dung giảng dạy phù hợp với nhu cầu xã hội, các nội dung phải linh hoạt phù hợp với thị trường lao động.
5	**Nhân lực cho CĐS**	
-	Hiện tại nhà trường đang có một đội ngũ cán bộ giáo viên có năng lực chuyên môn tốt, với trình độ CNTT từ cơ bản trở nên. Đáp ứng tốt công tác CĐS trong thời gian tới.	Cần đào tạo nhân lực có năng lực số gồm: đào tạo nhân lực số, xây dựng thói quen, hình thành văn hóa đổi mới với mô hình hoạt động mới và thực hiện CĐS.
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến việc đào tạo trực tuyến Quy định số 96/QĐ-CĐCN ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về Quy định quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá trong đào tạo trực tuyến.	Nhằm đảm bảo quá trình dạy và học được diễn ra bình thường khi thực hiên giảng dạy trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo tổng quan về công tác thực hiện CĐS của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp./.

N* *i Bm h
- Tổng cục GDNN,
- Sở Lao động -TB&XH;
- BGH;
- Các đơn vị, đoàn thể;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Lưu

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh

UBND TỈNH HÀ TĨNH **TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT VIỆT – ĐỨC** Số: 108 /GM-CĐKTVĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO TỔNG HỢP

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm

1.1.1. Tên trường:

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh
- Tên tiếng Anh: Vietnam - Germany Technical College of Ha Tinh province
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ trường: 371 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Du - TP Hà Tĩnh
- Số điện thoại: 02393690195
- Website: http://vdht.edu.vn
- Email: Guinhanvanbanvdht@gmail.com

1.1.2. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập trường: 2002
- Năm thành lập trường Cao đẳng Nghề Việt – Đức Hà Tĩnh: 2007
- Năm đổi tên trường Cao đẳng kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh: 2017
- Loại hình trường đào tạo: Công lập

1.1.3. Lịch sử phát triển:

- **Năm 1997:** Chuẩn bị tiếp nhận dự án hỗ trợ đào tạo nghề tại Hà Tĩnh do Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức viện trợ;
- **Năm 1999:** Thủ Tướng Chính phủ ký quyết định số 1072/1999/QĐ-TTg về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh
- **Năm 2000:** Dự án được triển khai thực hiện trên cơ sở kết quả trao đổi công hàm giữa 2 Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và CHLB Đức (công hàm số 6072 BKH/KTDN Bộ KHĐT và công hàm số 172/2000 Đại sứ CHLB Đức)
- **Năm 2002:** Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh được thành lập tại Quyết định số 919 QĐ/UB-TC ngày 3/5/2002 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trường đã thực hiện tuyển sinh khóa I (2002-2004)

- **Năm 2007:** Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được thành lập tại Quyết định số 1871/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức thành lập ngày 03/5/2002 tại Quyết định số: 919/QĐ/UB-TC ngày 03/5/2002 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- **Năm 2017:** Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được đổi tên tại Quyết định số 1471/QĐ-LĐTBXH ngày 15/09/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

1.2.1. Hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển Trường.

1.2.2. Đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo.

a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;

b. Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục GDNN);

c. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d. Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

e. Đăng ký, tổ chức triển khai đánh giá kỹ năng nghề; huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động; và chịu sự quản lý chất lượng của cơ quan *kiểm* định chất lượng đào tạo nghề;

g. Tổ chức đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi nghề, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân kỹ thuật bậc cao, đạt tiêu chuẩn của Nhà nước;

h. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu, trình độ, ngành nghề theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

1.2.3. Nghiên cứu khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế.

a. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ, tư vấn trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho UBND tỉnh theo nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;

b. Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các chương trình, đề án, đề tài về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

c. Tham gia hội thảo khoa học liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh và xã hội;

d. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất thực nghiệm, sản xuất - kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo theo quy định của pháp luật;

đ. Tổ chức các hoạt động thông tin, in, xuất bản các tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật;

e. Thực hiện hợp tác với các tổ chức quốc tế liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường theo quy định của pháp luật;

g. Đăng ký, tổ chức triển khai các hoạt động dịch vụ tư vấn về nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; tham gia tuyển chọn, đào tạo tạo nguồn xuất khẩu lao động; tuyển sinh du học cho học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của Trường: Tuyển dụng, quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật; thực hiện các chính sách, chế độ tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

1.2.5. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực thuộc phạm vi quản lý của Trường theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

1.2.6. Quản lý tài chính, tài sản được giao, tổ chức sử dụng và quản lý ngân sách, kinh phí đào tạo và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

1.2.7. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Trường; thực hiện xây dựng quốc phòng địa phương theo quy định của pháp luật; bảo vệ tài sản, bí mật quốc gia; xây đựng và thực hiện các quy chế, biện pháp bảo vệ, an toàn lao động.

1.2.8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

1.3. Một số kết quả thực hiện

Tiếp tục đổi mới trong quản lí đào tạo, đổi mới quy trình quản lí đào tạo; mua sắm phần mềm quản lí đào tạo nhằm tin học hóa quá trình điều hành và quản lí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo duy trì nền nếp dạy học (thành lập Ban kiểm tra do đồng chí Phó Hiệu trưởng làm Trưởng ban); tăng cường dự giờ thăm lớp, sinh hoạt bộ môn, tích cực đổi mới phương pháp

dạy/học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học …để nâng cao chất lượng giờ lên lớp.

Duy trì hệ thống đảm bảo chất lượng (vận hành 38 quy trình công tác), làm tốt công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chí đánh giá của Tổng cục GDNN ban hành.

Đổi mới công tác tuyển sinh, tận dụng tối đa các phương tiện truyền thông để quảng bá và xây dựng thương hiệu nhà trường (hợp đồng Báo Hà Tĩnh mỗi tháng 01 bài viết về hoạt động của trường; phối hợp Đài truyền hình Hà Tĩnh làm nhiều phóng sự, diễn đàn về 4 hoạt động của nhà trường; tăng cường duy trì hoạt của trang website, facebook, zalo, viber…). Quy mô đào tạo của nhà trường hơn 4000; Kết quả tuyển sinh trong năm đạt hơn 2000 HSSV, trong đó hệ THPT: 586 HS; đào tạo sự cố môi trường và nghề nông thôn: 200 hv; đào tạo ngắn hạn cho người mất việc làm do ảnh hưởng dịch Covid 19: 200 (GIZ hổ trợ gần 2tỷ và hổ trợ cho 101 hssv bị ngập lụt trên 150 triệu); hệ trung cấp và cao đẳng: 1100 HSSV; ngoài ra đào tạo liên kết với các trường Đại học vẫn được duy trì với trường Đại học Điện lực 31 HV và Đại học mở HN 50 HV, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh 60. Đào tạo thi cấp GPLX cho trên 4.500 HV. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh đã trở thành thương hiệu tốt đối với nhận thức của người dân trong việc học nghề để có việc làm sau đào tạo. Điều này được thể hiện có nhiều học sinh không vào đại học *(dù đủ điều kiện)* mà chọn vào học nghề tại trường.

Đổi mới về chương trình đào tạo theo hướng phát huy phẩm chất năng lực người học; nhà trường đang triển khai thực hiện chương trình đào tạo theo hướng mô đun/tín chỉ; tăng cường thời lượng thực hành và thực tập tại doanh nghiệp lên 70% (nhiều Biên bản hợp tác với các doanh nghiệp đã được kí kết trong hợp tác đào tạo…). Đây là một trong những giải pháp tích cực để chuẩn bị cho lộ trình thực hiện tự chủ của nhà trường.

Đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, tăng cường thi trắc nghiệm khách quan và thi thực hành nhằm đánh giá chính xác kỹ năng nghề của người học.

Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Trong năm hoạt động NCKH đã được nhà trường chỉ đạo sâu sát, nhiều công trình khoa học cấp khoa, cấp trường và cấp tỉnh được triển khai có hiệu quả (01 đề tài cấp tỉnh đang tích cực triển khai; 22 đề tài cấp trường được nghiệm thu tốt; các đề tài cấp khoa và sáng kiến kinh nghiệm phát huy hiệu quả (tiết kiệm hàng trăm triệu đồng cho ngân sách), 02 hssv đạt tiêu chuẩn 3 rèn luyện (được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen); 01 giải Olympic Kỹ năng nghề (giải ba, được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen); 01 giải khởi nghiệp sáng tạo (giải KK, được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen); Trường được được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen.

Công tác hợp tác quốc tế được mở rộng và duy trì: Hợp tác với nước bạn Lào vẫn phát huy tốt (đang đào tạo 76 lưu học sinh Lào); hợp tác với Úc, CHLB Đức (01 lớp chuyển giao từ CHLB Đức) đang thực hiện hiệu quả; 01 chuyên gia Đức vừa kết thúc 2 năm làm việc tại trường; Kêu goi các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ về đào tạo (hơn 50 000 EURO; 156 triệu VNĐ học bổng). Hợp tác Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước khác nhằm tìm kiếm các các cơ hội đầu tư và giải quyết việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo)

Stt	Nghề đào tạo	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1.	Bảo trì và sửa chữa ô tô			1
2.	Bảo vệ thực vật			1
3.	Cắt gọt kim loại	1	1	1
4.	Chăm sóc sắc đẹp		1	1
5.	Chế tạo thiết bị cơ khí	1	1	
6.	Công nghệ Hàn	1	1	1
7.	Công nghệ ô tô	1	1	1
8.	Công nghệ ô tô phần điện			1
9.	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	1	1	
10.	Công tác xã hội			1
11.	Điện công nghiệp	1	1	1
12.	Điện dân dụng			1
13.	Điện tử công nghiệp	1	1	
14.	Kế toán doanh nghiệp	1	1	
15.	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà/điều khiển không khí	1	1	
16.	Kỹ thuật trồng trọt			1
17.	Nghiệp vụ bán hàng			1
18.	Quản trị doanh nghiệp (vừa và nhỏ)			1
19.	Quản trị mạng máy tính	1	1	
20.	Sữa chữa điện thoại di động			1
21.	Sữa chữa máy động lực			1
22.	Sửa chữa quạt, động cơ điện và ổn áp			1
23.	Sữa chữa và bão dưỡng điện lạnh ô tô			1
24.	Sửa chữa và lắp ráp máy tính		1	
25.	Thiết kế đồ họa			1
26.	Thương mại điện tử			1

27.	Vận hành và sữa chữa máy nông nghiệp			1
Tổng		**10**	**12**	**20**

Số lượng sinh viên

Hệ đào tạo	**Số lượng SV hiện tại**	**Số lượng SV dự kiến 2025**
Cao đẳng	422	1000
Trung cấp	3873	4000
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	433	2000
Hệ khác (nêu rõ): Tiếng Việt	33	100
Tổng:	**4761**	**7100**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

Sứ mạng: Đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực đạt chuẩn tương ứng với trình độ đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ để xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Tĩnh, khu vực miền trung và cả nước".

Tầm nhìn: Đến năm 2030 trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao của tỉnh và cả nước.

Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Năng động - Sáng tạo - Hiệu quả

Slogan: "Đồng hành cùng bạn – Hướng tới thành công"

Các giá trị của trường cần bồi đắp và gìn giữ

- Toàn thể CBGV nhà trường là một tập thể đoàn kết, nhất trí phấn đấu xây dựng Trường CĐ KT Việt Đức Hà Tĩnh ngày càng phát triển

- Trường là cơ sở đào tạo hướng tới người học, thấu hiểu và đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội; hình thành "văn hóa" của Trường CĐ KT Việt Đức Hà Tĩnh.

- Quan tâm đến xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao, năng động, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp 8

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lí; ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo trong môi trường làm việc, giảng dạy và học tập

- Cơ sở vật chất hiện đại, khang trang, đáp ứng nhu cầu đào tạo.

- Mở rộng hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp, các trường trong và ngoài nước

- Tự hào và phát huy truyền thống của trường

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Nhóm giải pháp thực hiện chiến lược phát triển nhà trường

Nhóm giải pháp 1. Phát huy điểm mạnh để tận dụng thời cơ

1. Tranh thủ sự chỉ đạo và ủng hộ của các Bộ, Tỉnh uỷ, UBND, HĐND, các sở ban ngành và các tổ chức quần chúng xã hội cấp tỉnh để tạo thế và lực cho Trường;

2. Tập trung rà soát, hoàn thiện bộ máy hợp lý, phát huy hiệu quả hoạt động của bộ máy.

3. Triển khai đầy đủ, kịp thời những chủ trương,chính sách; chỉ đạo của cấp trên. Đặc biệt Tổng cục GDNN và Tỉnh uỷ, HĐND, UBND.

4. Tạo mối quan hệ gần gủi, chia sẽ với các đơn vị: Sở GD&ĐT, Sở KHĐT, Sở TC, Sở LĐTBXH, Sở Nội vụ và các sở, ngành khác; các đơn vị huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh (đào tạo, NCKH, đầu tư CSVC, trang thiết bị…).

5. Huy động sự đoàn kết và sức mạnh của toàn thể CBGV (tuyển sinh, đào tạo, NCKH, HTQT…).

6. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, có chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ trình độ cao; có chế tài bắt buộc CBGV nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

7. Tăng cường hợp tác với các trường CĐ, đại học lớn, các viện nghiên cứu… để mở rộng quy mô đào tạo.

8. Đảm bảo chất lượng đào tạo, tăng cường kỹ năng nghề nghiệp…kết nối các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động…tạo việc làm cho HSSV;

9. Nâng cao chất lượng đào tạo cho lưu học sinh Lào. Duy trì tốt mối quan hệ với các Sở Ngoại giao, sở GDĐT và Thể thao của các tỉnh của Lào, nhằm tạo niềm tin và tìm kiếm cơ hội để thu hút học sinh Lào vào học tại trường.

10. Hoàn thiện thẩm định ngoài, đánh giá chất lượng trường. Qua đó tạo dựng thêm uy tín, hình ảnh nhà trường.

Nhóm giải pháp 2. Phát huy điểm mạnh để vượt qua thử thách

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, BGH…, khắc phục các yếu kém; xây dựng đội ngũ CBGV đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Phát huy tính năng động sáng tạo trong điều hành và quản lí của các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn…

3. Tăng cường giáo dục đạo đức, chính trị… cho CBGV và HSSV; nâng cao hiệu quả QL HSSV;

4. Liên kết đào tạo các ngành, nghề mà trường chưa có; Nâng cao chất lượng đào tạo các ngành của trường.

5. Duy trì quy mô hợp lý (25SV/GV). Chú trọng các giải pháp đào tạo gắn phát huy năng lực của HSSV;

6. Ưu tiên mọi nguồn lực cho đảm bảo chất lượng đào tạo, NCKH. Đầu tư CSVC, vật tư thiết bị thực hành...

7. Phát huy tối đa vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc; giữ vững kỷ cương, kỷ luật.

8. Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu trường;

9. Tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư CSVC, có chính sách hợp lí nhằm thu hút đầu tư, xã hội hoá, … một số hoạt động của nhà trường;

10. Đẩy mạnh các loại hình đào tạo ngắn hạn.

Nhóm giải pháp 3. Không để điểm yếu làm mất cơ hội

1. Xây dựng Đề án và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBGV; có chế tài vừa động viên, khuyến khích, vừa bắt buộc!

2. Tăng cường tổ chức các hoạt động tập huấn, hội nghị, hội thảo, tiếp cận doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất…tiếp cận công nghệ mới… gắn đào tạo với doanh nghiệp;

3. Cơ cấu lại tổ chức bộ máy, xây dựng vị trí việc làm hợp lí.

4. Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các văn bản quản lí nhằm phát huy tối đa nguồn lực để xây dựng nhà trường.

5. Đẩy mạnh NCKH và chuyển giao công nghệ đi vào chiều sâu.

6. Đầu tư CSVC, thiết bị; cải tạo cảnh quan môi trường theo mục tiêu: xanh, sạch, đẹp

7. Hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ; có chế tài động viên, xử phạt rõ ràng, nghiêm minh; thực sự là động lực thúc đẩy sự phát triển của trường.

8. Đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học. Tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo mọi mặt cho sinh viên.

9. Đầu tư hạ tầng CNTT và ứng dụng hiệu quả trong quản lí và tổ chức đào tạo

Nhóm giải pháp 4. Không để thách thức làm phát sinh thêm điểm yếu

1. Kiến nghị UBND tỉnh cấp vốn đầu tư xây dựng trường theo đề án trường CLC.

2. Hoàn thiện các văn bản điều hành nhà trường theo hướng nâng cao hiệu quả quản lí, tạo cơ hội để mọi CBGV phát huy hết năng lực, sở trường bản thân. Đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích cá nhân và tập thể.

3. Xây dựng hình ảnh trường bằng “Chất lượng – hiệu quả”.

4. Bám sát các tiêu chuẩn, tiêu chí để hoàn thành đánh giá ngoài vào 2020.

5. Tăng cường mở rộng các loại hình đào tạo, đa dạng hoá hình thức đào tạo.

6. Thúc đẩy hoạt động NCKH, tìm kiếm các đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ.

7. Tăng cường tạo dựng các hoạt động đào tạo gắn với hoạt động dịch vụ từ các doanh nghiệp.

8. Đổi mới quản lí HSSV, duy trì an ninh, trật tự, an toàn; đảm bảo chất lượng đào tạo.

10

9. Thường xuyên phổ biến pháp luật và chủ trương của Đảng, Nhà nước, Chính phủ để mọi người (GBGV và HSSV) thực hiện tốt.

10. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội… trong đào tạo, NCKH và tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

11. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, thực hiện có hiệu quả các biên bản đã ghi nhớ với các đối tác.

12. Duy trì và phát triển hợp tác với Lào.

Phần IV. Các chương trình hành động chiến lược

Chương trình 1

Tên chương trình: **Mở các ngành đào tạo mới**

Mục tiêu: Hệ cao đẳng mở thêm 2 ngành đào tạo mới Điện-điện tử và Kinh tế để đến năm 2015 có 6 ngành đào tạo.

Các hoạt động: Đánh giá nhu cầu, xác định quy mô đào tạo, chuẩn bị chương trình, GV và các điều kiện khác, xin phép các cơ quan hữu quan, công bố và tuyển sinh.

Điều kiện: bổ sung GV

Chương trình 2

Tên chương trình: **Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học – công nghệ** phục vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng

Mục tiêu: Lựa chọn và đăng ký các đề tài phục vụ thiết thực hoạt động đào tạo của Trường và chương trình phát triển KT-XH của Thành phố.

Các hoạt động: Đánh giá nhu cầu NCKH phục vụ đào tạo của Trường và phục vụ phát triển KT-XH của Thủ đô, đăng ký đề tài và xin cấp kinh phí, chuẩn bị đội ngũ chủ trì và tham gia thực hiện, xây dựng đề cương nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

Điều kiện: GV và SV chủ trì đề tài, kinh phí chi cho NCKH theo tỷ lệ 5% trên tổng nguồn thu sự nghiệp.

Chương trình 3.

Tên chương trình: **Xây dựng đội ngũ giảng viên**

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng và tăng cường số lượng GV, đáp ứng nhu cầu tăng quy mô đào tạo trong 5 năm tới nhằm đạt tiêu chí về trường “Chất lượng cao”.

Các hoạt động: Đánh giá nhu cầu bổ sung lực lượng GV và nâng cấp trình độ, xây dựng các chính sách tuyển dụng và bồi dưỡng, tuyển chọn GV mới và cử GV đi học ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Điều kiện: Chính sách cán bộ của tỉnh và của trường, nguồn tuyển chọn, nguyện vọng và năng lực nâng cao trình độ của GV hiện nay, kinh phí.

Chương trình 4.

Tên chương trình: C**ải tạo CSVC và thực hiện Đề án Trường CLC**

Mục tiêu: Có đủ cơ sở vật chất đảm bảo tiêu chuẩn trường CĐ hiện nay; huy động mọi ngồn lực nhằm thực hiện Đề án xây dựng Trường CLC mà tỉnh đã phê duyệt.

Hoạt động: Thực hiện Đề án xây dựng cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị, củng cố và nâng cấp các công trình hiện có, xây dựng các công trình mới.

Điều kiện: Các công trình được xây dựng bổ sung trong khuôn viên và xin mở rộng với tổng chi phí xây dựng đã được phê duyệt 65 tỷ đồng .

Chương trình 5.

Tên chương trình: **Công tác học sinh, sinh viên**

Mục tiêu:

- Quản lí HS/SV theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho HS/SV.

- Nâng cao năng lực công tác quản lí HS/SV theo hệ thống tín chỉ và đào tạo theo nhu cầu xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương.

Hoạt động:

- Nâng cao công tác giáo dục kiến thức pháp luật, đạo đức, lối sống trong HS/SV. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, tạo sân chơi lành mạnh, đáp ứng nhu cầu tinh thần hỗ trợ tốt công tác dạy học trong HS/SV.

- Đẩy mạnh khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đổi mới công tác quản lý học sinh, sinh viên cho phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ.

- Thành lập Trung tâm hỗ trợ HS/SV để thực hiện công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ HS/SV về học tập, nghiên cứu khoa học, các chế độ chính sách, học bổng, vay vốn…

- Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa nhà trường với HS/SV sau khi tốt nghiệp ra trường, làm việc. Thành lập Ban liên lạc cựu HS/SV.

- Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục tăng cường công tác quản lý học sinh, sinh viên nội trú, ngoại trú nắm sát cuộc sống, sinh hoạt học tập và việc chấp hành pháp luật của học sinh, sinh viên.

Điều kiện: Thống nhất chủ trương trong nội bộ tốt, trường tạo được mối quan hệ gắn bó khăng khít với các cơ quan ban ngành, các tổ chức cá nhân,

đoàn thể địa phương; Có kinh phí xây dựng Trung tâm tư vấn hỗ trợ HSSV; Xây dựng phần mềm quản lí HS/SV theo hệ thống tín chỉ với chi phí khoảng 150 triệu đồng.

Chương trình 5.

Trường chưa xây dựng Chiến lược/Kế hoạch hoạt động CĐS. Nhưng chủ trương của nhà trường chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để chuyển đổi số toàn diện về điều hành, quản trị, tổ chức đào tạo, chương trình, tài liệu giáo trình, quản lý cơ sở vật chất thiết bị, dịch vụ người học,... Đảm bảo tiêu chuẩn trường chất lượng cao trong thời gian tới.

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
- Tập thể nhà trường đoàn kết nhất trí, năng động sáng tạo; tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Đảng ủy và BGH; - Nhà trường có truyền thống 20 năm xây dựng và trưởng thành; có uy tín, kinh nghiệm trong hệ thống gdnn, được nhân dân tin tưởng về CL đào tạo; trường là 1/45 cơ sở GDNN trọng điểm cấp quốc gia; - Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được bổ sung về chất lượng (2 TS; 54 ThS = 57% GV đứng lớp); nhiều CBGV được đào tạo bồi dưỡng ngoài nước; - Nhà trường có đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ, đang ở "giai đoạn tuổi vàng" (trung bình độ tuổi = 35,9 tuổi); - Trường đang là đối tác của GIZ; hằng năm luôn được chương trình mục tiêu QG đầu tư mua sắm về trang thiết bị; - Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc học tập và giảng dạy ngày càng	- Chất lượng tuyển sinh còn chưa cao, số lượng tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu, đặc biệt hệ cao đẳng; - Chất lượng đào tạo còn nhiều hạn chế, đặc biệt là giáo dục kỹ năng cho người học; quản lí và điều hành đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu; - Đội ngũ phát triển chậm; một số CBGV tinh thần trách nhiệm chưa cao; vai trò người đứng đầu chưa được phát huy tối đa; - Một số CBGV năng lực, kỹ năng và trình độ chuyên môn chưa tương xứng; tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ và uy tín chưa nhiều; - Đội ngũ cán bộ quản lí kinh nghiệm chưa nhiều, tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, tự chủ thấp; vai trò người đứng đầu các đơn vị trực thuộc chưa phát huy tối đa. - Cơ cấu tổ chức bộ máy còn nhiều bất cập, chưa tinh gọn, hiệu quả hoạt động chưa cao; - Cơ sở vật chất (giảng đường, thư viện, hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm, nhà xưởng …) còn nhiều

được trang bị khang trang, hiện đại; cảnh quan môi trường tương đối tốt; - Chương trình đào tạo khá chuẩn mực. Quy trình đào tạo theo modun – tín chỉ đang được triển khai tích cực; - Cơ chế quản lý khá năng động và đổi mới; hệ thống văn bản quản lí nội bộ tương đối hoàn chỉnh; - Trường đã có quan hệ hợp tác tốt với nhiều đối tác: trường học, doanh nghiệp và các tổ chức nước ngoài (đối tác của GIZ); - Trường đã 1 lần tổ chức tự kiểm định đánh giá ngoài đạt yêu cầu và đang tiếp tục thực hiện QL chất lượng theo các tiêu chí đánh giá trường CLC; Vị thế và hình ảnh Trường đang được khẳng định trong hệ thống GDNN cũng như đối với nhân dân trong và ngoài tỉnh.	bất cập cho tổ chức đào tạo; bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị chưa thường xuyên; hiệu quả sử dụng thấp. - Quản lí vật tư, thiết bị chưa hiệu quả; - Hoạt động dịch vụ từ các xưởng thực hành chưa mang lại hiệu quả mong muốn; - Quản lí HSSV chưa hiệu quả, số lượng HSSV bỏ học hằng năm tương đối nhiều; phối hợp nhà trường và gia đình trong quản lí HSSV chưa tốt; - Chưa huy động được nhiều nguồn lực từ các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; - Công tác tuyên truyền về vị trí việc làm; hình ảnh nhà trường chưa nổi bật, chưa tạo dựng được sự hấp dẫn nhằm thu hút người học; - Cảnh quan môi trường chưa xanh, sạch, đẹp như mong muốn; - Công tác NCKH triển khai chưa sâu rộng, kết quả NCKH chưa cao; - Hợp tác quốc tế còn gặp nhiều khó khăn, chưa hiệu quả; Quan hệ hợp tác trong nước, hợp tác với các địa phương chưa tương xứng nhằm thu hút các nguồn lực khác cho phát triển đào tạo. - Cơ chế chính sách ban hành chưa đủ mạnh, chưa phát huy hết nội lực của CBGV. - Khả năng nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu của ngành và xã hội chưa hiệu quả.

	- Chương trình, nội dung, phương pháp chậm đổi mới; - Nguồn thu từ ngân sách, thu sự nghiệp, nghiên cứu khoa học, dự án, dịch vụ đào tạo, sản xuất, tư vấn … thấp. - Dự án xây dựng Trường đang khó khăn về nguồn kinh phí.
CƠ HỘI - Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh; của các sở, ban, ngành; sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân trong toàn tỉnh; - Hội nhập quốc tế và hợp tác (trong và ngoài nước) là xu thế; xuất khẩu lao động ngày càng nhiều (qua đào tạo – chưa qua đào tạo). - Nguồn nhân lực nghề mà tỉnh Hà Tĩnh cũng như cả nước đang cần rất lớn, đặc biệt nhân lực cho các Khu công nghiệp. - Đề án xây dựng trường CLC đã được tỉnh phê duyệt và bố trí nguồn vốn (dự kiến 2020 – 2022). - Những thành tựu về kinh tế - xã hội, chính trị đạt được của tỉnh Hà Tĩnh và cả nước làm cho thế và lực nước ta ngày càng lớn mạnh. Nhà nước và nhân dân đầu tư cho phát triển GDNN ngày càng lớn; - Những chủ trương, chính sách đối với sự phát triển giáo dục GDNN được Đảng, Nhà nước, Tỉnh rất quan tâm (QĐ 1956; NĐ 09…;	**THÁCH THỨC** - Nhu cầu nhân lực đòi hỏi về chất lượng và số lượng ngày càng cao, đặc biệt là yêu cầu về phẩm chất, năng lực và kỹ năng; - Bài toán giữa đảm bảo số lượng và phát triển chất lượng đào tạo đang nhiều rào cản; giữa lợi ích kinh tế và chất lượng trong đào tạo; - Tỷ lệ tuyển sinh chưa đạt mong muốn, thậm chí giảm; một số chính sách mới đang gây khó khăn lớn cho sự phát triển của nhà trường (đào tạo văn hóa, tin học, ngoại ngữ.... Vấn đề tự chủ); - Sức ép cạnh tranh về tuyển sinh, đảm bảo giữ vững quy mô và phát triển; - Đảm bảo chất lượng và tăng số lượng đào tạo cho lưu học sinh Lào đang là thách thức lớn; - Chính sách tài chính và chất lượng đào tạo đang còn nhiều mâu thuẫn, bất cập; - Áp lực Trường CLC (theo “Bộ tiêu chí đánh giá trường CLC”) đang gặp nhiều khó khăn, thách thức….; định biên của nhà trường khó khăn; tỷ lệ hành chính/giảng viên đang bất cập.

- Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đang được chỉ đạo quyết liệt (NQ 29); - Bình quân mỗi năm có từ 19.000 - 20.000 HS THCS, 15.000 - 17.000 THPT tốt nghiệp; phân luồng sau THCS và THPT đang được chính phủ chỉ đạo quyết liệt (HT 25/40%). - Tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa cao (kế hoạch 2020 là 50%). Việc làm và thu nhập cho HSSV các trường nghề có nhiều chuyển biến tích cực. Đào tạo nhân lực cho nước bạn Lào đang tiến triển tốt, được nước bạn tin tưởng, số sinh viên Lào sang học tại trường càng ngày càng tăng.	- Mặt trái của cơ chế thị trường tác động vào nhà trường; thu nhập của CBGV chưa cao; một số ngành nghề khó khăn trong công tác TS - Cơ sở vật chất, nguồn lực cho việc thực hiện Đề án xây dựng Trường đang là một thách thức lớn; - Tâm lý người dân và học sinh sau tốt nghiệp THPT muốn đi học tập, làm việc ở các TP lớn hoặc XKLĐ.

3.3. Thực trạng và đích đến

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Phần mềm quản lý đào tạo (Tuyển sinh, Quản lý điểm, Quản lý thi, xây dựng thời khóa biểu, Điểm danh HSSV, Quản lý chính sách, Khen thưởng)	Hoàn thiện phần mềm quản lý, chạy ổn định và đảm bảo an toàn an ninh thông tin, thanh toán điện tử
-	Phần mềm kế toán	Kế nối thu học phí qua ngân hàng Quản lý thiết bị, vật tư đồng bộ
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Cổng thông tin đào tạo qua mạng http://tructuyen.vdht.edu.vn	Hoàn thiện các khóa học chuẩn để người học có thể tự học được
-	Thư viện số http://thuvien.vdht.edu.vn	Cập nhật tài liệu số, tài liệu số có bản quyền
-	Cổng thông tin Giáo viên http://giaovien.vdht.edu.vn	Hoàn thiện các chức năng tạo thuận lợi cho giáo viên khi lên lớp

3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	04 máy chủ/Server	Máy chủ mới
-	45 máy Desktop	Máy đồng bộ
-	Switch L2, L3; Router Cissco	Cần thiết kế an toàn bảo mật và duy trì hoạt động 24/7
-	Hệ thống mạng nội bộ kết nối với Internet, Mạng Wifi	Phủ sóng mạng Wifi toàn khu vực trường Hoàn thiện hệ thống mạng, phòng máy chủ theo tiêu chuẩn, đảm bảo an toàn phòng cháy nổ, an ninh thông tin,
-	Windows 7	
-	Windows 10	Bản quyền phần mềm 100% cho các máy tính nhân viên làm việc
-	Windows Server 2012	Nâng cấp phiên bản mới, Bản quyền phần mềm 100% cho các máy tính nhân viên làm việc
-	Phần mềm Quản lý đào tạo UniSoft	Hoàn thiện hơn các tính năng
-	Phần mềm Moodle – Đào tạo trực tuyến LMS	Triển khai hướng dẫn sử dụng cho giáo viên và Học sinh, sinh viên
-	Apps Moodle; App Unisoft cho người học trên điện thoại	Hoàn thiện thêm chức năng và Triển khai hướng dẫn sử dụng cho giáo viên và Học sinh, sinh viên
-	Phần mềm kế toán MISA	
-	Phần cứng đã cũ, không đảm bảo an toàn bảo mật và thiết đồng bộ	Nâng cấp hệ thống đạt yêu cầu phát triển và Chuyển đổi số
4	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	SMS Viettel	
-	Phần mềm gửi và nhận văn bản, chủ yếu đang sử dụng email cá nhân	Phần mềm quản lý văn bản cho tất cả các hoạt động
-	Cổng thông tin HSSV http://hssv.vdht.edu.vn	
-	Đang sử dụng các dịch vụ đơn lẽ, chưa có giải pháp tổng thể	
5	**CĐS trong nội dung đào tạo**	

-	Cập nhật một số nội dung, bài giảng chưa đáp ứng thay đổi của công nghệ	Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Chưa có quy định riêng về công tác chuyển đổi số	

- Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. TỔNG QUAN VỀ NHÀ TRƯỜNG

1.1. Đặc điểm:

- **Tên đơn vị:** Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế
- **Đơn vị chủ quản:** Bộ Công Thương
- **Các cơ sở đào tạo và địa chỉ:**

Cơ sở 1: 70 Nguyễn Huệ, thành phố Huế.

Cơ sở 2: Khu quy hoạch An Vân Dương, thành phố Huế.

Cơ sở 3: Thôn Dương Nổ Nam, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế.

- **Lịch sử phát triển:** Thành lập vào năm 1899, với truyền thống 121 năm xây dựng và phát triển, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo tiên tiến, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trở thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển của Việt Nam và khu vực.

- **Lịch sử phát triển:** Thành lập vào năm 1899, với truyền thống 121 năm xây dựng và phát triển, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo tiên tiến, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trở thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển của Việt Nam và khu vực.

Hình 1: Quá trình hình thành và phát triển của Nhường

02 Huân chương Độc lập hạng Nhất
1999, 2004

Huân chương Lao động hạng Nhất (2014)

Huân chương Lao động hạng Nhì (1994)

Huân chương Lao động hạng Ba (1989)

Hình 2: Các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước

Một số giáo viên, học sinh tiêu biểu của Nhà trường qua các thời kỳ:

Hình 3: Một số giáo viên, học sinh tiêu biểu của Nhà trường

Các cựu học sinh trưởng thành trong Quân đội

Hình 4: Các cựu học sinh trưởng thành trong Quân

- **Cơ cấu tổ chức:**

Thực hiện mục tiêu tinh gọn trong tổ chức bộ máy, Nhà trường đã tiến hành sắp xếp, sáp nhập một số đơn vị trong năm học 2019-2020. Hiện nay, Trường có 8 khoa, 4 phòng và 6 trung tâm trực thuộc trong đó có 5 trung tâm hoàn toàn kiêm nhiệm. So với năm học 2017-2018, số đơn vị trực thuộc của Trường giảm 5 đơn vị (2 khoa và 2 phòng, 1 trung tâm). So với năm 2014, số đơn vị của Trường giảm 8 đơn vị (3 phòng, 3 khoa, 2 trung tâm). Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường hiện nay được thể hiện theo sơ đồ sau:

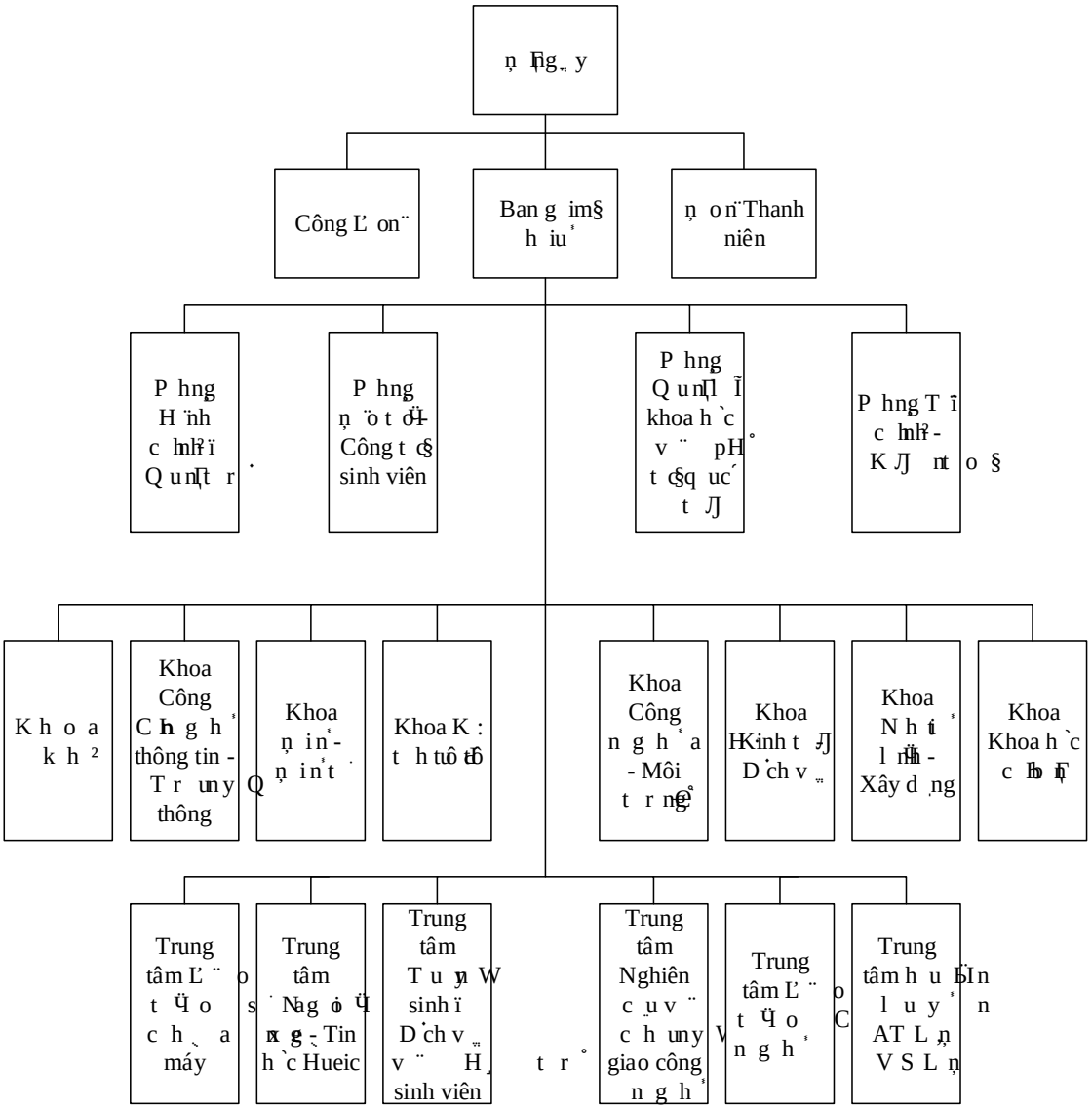

- **Chất lượng đội ngũ giảng viên:**

Tính đến 01/03/2021, Trường có 156 giảng viên, trong đó có 22 tiến sĩ, 132 thạc sĩ và 02 cử nhân, kỹ sư (16 giảng viên đang học NCS trong và ngoài nước). Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, kinh nghiệm thực tiễn và tâm huyết với nghề, được đào tạo ở các nước tiên tiến trên thế giới và các cơ sở giáo dục có uy tín tại Việt Nam, thường xuyên được bồi dưỡng thông qua các dự án

nâng cao năng lực giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao kỹ năng sinh viên như USAID COMET, KOSEN, IPP;

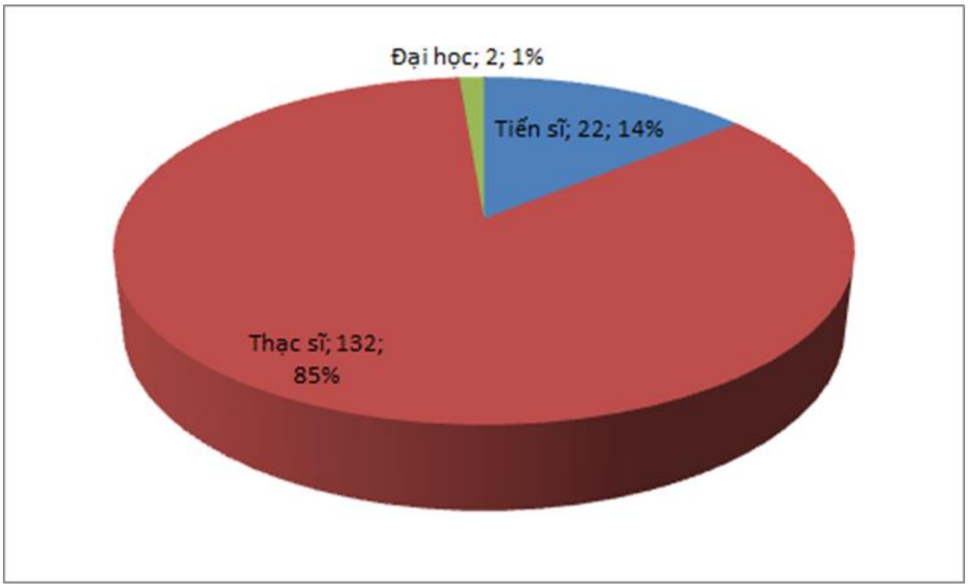

H³nh 5: o ICơai ³ m lgẦngụ vgiên

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của Trường:

Chức năng, nhiệm vụ chính của Nhà trường được phê duyệt tại Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Huế. Cụ thể, Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật, kinh tế và các trình độ thấp hơn gồm các chuyên ngành chủ yếu: Kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử – viễn thông, kỹ thuật nhiệt – lạnh, kỹ thuật ô tô, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu, công nghệ môi trường, công nghệ thực phẩm, công nghệ hóa học, xây dựng, kinh tế, du lịch, ngoại ngữ và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ phục vụ quản lý, sản suất – kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

1.3. Một số kết quả thực hiện:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế là trường đang triển khai nhiều dự án, chương trình nhằm nâng tầm đạt chuẩn trong nước và quốc tế, trong đó nổi bật như:

- Là 1 trong 3 trường Cao đẳng trên toàn quốc được phép triển khai áp dụng mô hình KOSEN của Nhật Bản;

- Là 1 trong 6 trường Cao đẳng thuộc Bộ tham gia dự án SKIEG, vốn vay của ADB;

- Là 1 trong 5 trường trên toàn quốc có hợp tác đào tạo song hành với Vinfast cho ngành ô tô và cơ điện tử theo chuẩn của CHLB Đức;

- Là 1 trong 4 trường tham gia dự án EMVITET của Phần Lan về đào tạo giảng viên trong bối cảnh CMCN 4.0;

- Là 1 trong 4 trường Cao đẳng trên toàn quốc tham gia dự án VN-Đan mạch về nâng cao chất lượng đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm;

- Là 1 trong 3 trường Cao đẳng trên toàn quốc được tham gia dự án của GIZ về nâng cao chất lượng đào tạo ngành Thoát nước và xử lý nước thải;

- Là 1 trong 45 trường Cao đẳng đào tạo nghề trọng điểm chuyển giao từ CHLB Đức.

Với tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sỹ cao nhất so với các trường Cao đẳng trên toàn quốc (14%), Trường CĐCN Huế là trường duy nhất thuộc Bộ Công Thương đã được đánh giá sơ bộ đạt theo các tiêu chí của trường Cao đẳng Chất lượng cao theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án "Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025".

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo):

Mã ngành	Khoa/ ngành tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh 2021		
		CĐ	TC	Cộng
I	**Khoa Kinh tế - Dịch vụ**	**140**	**130**	**270**
6810103	Hướng dẫn du lịch	20		20
6340302	Kế toán doanh nghiệp	60	70	130
6340404	Quản trị kinh doanh	60		60
5810404	Chăm sóc sắc đẹp		30	30
5320107	Tổ chức sự kiện		30	30
II	**Khoa CNTT-TT**	**180**	**100**	**280**
6480202	Công nghệ thông tin	60		60
6480205	Tin học ứng dụng	60	100	160
6480104	Truyền thông và mạng MT	30		30
6340122	Marketing online	30		30
III	**Khoa Kỹ thuật Ô TÔ**	**300**	**50**	**350**
6510202	Công nghệ ô tô	200	50	250
	Công nghệ ô tô (Đ-ĐT ô tô)	100		100
IV	**Khoa Nhiệt lạnh – Xây dựng**	**200**	**100**	**300**
6510211	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	100		100
6520205	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK	60	100	160
6510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	40		40
V	**Khoa Cơ khí**	**130**	**100**	**230**
6510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	80	60	140

6510304	CN kỹ thuật cơ điện tử	35		35
6520123	Công nghệ hàn	15		15
5540203	Công nghệ may và thời trang		40	40
VI	**Khoa Điện – Điện tử**	**230**	**100**	**330**
6510303	Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử	100		100
6520227	Điện công nghiệp	100	100	200
6510305	CNKT điều khiển và TĐH	30		30
VII	**Khoa Hóa – Môi trường**	**120**	**120**	**240**
6510401	CNKT hóa học (CN hoá - mỹ phẩm)		30	30
	CNKT thuật hóa học (KT kiểm soát chất lượng sản phẩm dệt may)			
6510416	Công nghệ vật liệu	20		20
6510421	CN kỹ thuật môi trường	30		30
6540103	Công nghệ thực phẩm	70	90	160
VIII	**Khoa Khoa học cơ bản**		**700**	
	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	**1300**	**700**	**2000**

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên, cưu sinh viên:

Số lượng cán bộ, giảng viên gồm có 190 người, trong đó có 156 giảng viên. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ %
Tiến sĩ	22	14%
Thạc sĩ	132	85%
Đại học	2	1%
Tổng cộng	**156**	**100%**

Kết quả tuyển sinh những năm gần đây được thống kê theo bảng dưới đây:

STT	Năm học / Hệ đào tạo	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Cao đẳng	1.161	899	740	582	508	963
2	Trung cấp (tốt nghiệp THPT)	88	80	58	45	32	41
3	Trung cấp (tốt nghiệp THCS)	141	175	227	380	426	1,106
TỔNG		**1.390**	**1.154**	**1.025**	**1.007**	**966**	**2.110**

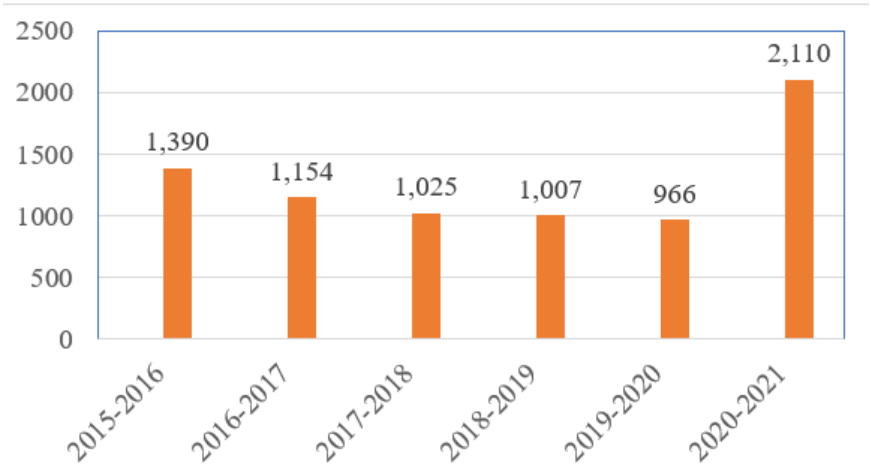

6: Kết quả tuyển sinh giai đoạn 2015-2020

Dự báo quy mô tuyển sinh giai đoạn tới được thống kê theo bảng sau:

TT	Lĩnh vực tuyển sinh	Quy mô tuyển sinh (năm)			Ghi chú
		2020	2025	2030	
1	CNTT, truyền thông	300	500	800	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế
2	Điện, điện tử, tự động hóa	400	700	1.000	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, chuẩn CHLB Đức
3	Cơ khí, ô tô, nhiệt	950	1.200	1.500	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế
4	Xây dựng, môi trường	100	200	300	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, chuẩn Đức
5	Công nghệ thực phẩm	150	300	400	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, chuẩn Đan mạch
6	Kinh tế, du lịch, dịch vụ	300	600	1.000	Nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, chuẩn ASEAN
	Cộng	**2.200**	**3.500**	**5.000**	

2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1. Quan điểm phát triển:

1- Phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của Nhà trường và lợi thế đặc trưng của từng Khoa/Phòng/Trung tâm để phát triển dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác;

2- Ưu tiên phát triển các ngành nghề đào tạo kỹ thuật có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh và các ngành nghề mới; đặc biệt là nhóm ngành nghề đón đầu sự phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế theo tinh thần Nghị quyết 54 của BCT;

3- Phát triển dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh của Nhà trường; tăng cường hợp tác doanh nghiệp, liên kết và đẩy mạnh hợp tác quốc tế;

4- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cán bộ, giảng viên vào thực hiện nhiệm vụ đảm bảo hài hòa lợi ích và trách nhiệm; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư để phát triển.

2.2. Mục tiêu chung:

2.2.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Trường Cao đẳng công nghiệp Huế thành cơ sở GDNN chất lượng cao để đào tạo, cung cấp cho thị trường nguồn lao động chất lượng quốc tế.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng trường Cao đẳng công nghiệp Huế thành một trong các trường Cao đẳng tiếp cận trình độ các nước G20, giai đoạn 2021-2025;

- Xây dựng Trường Cao đẳng công nghiệp Huế thành trung tâm đào tạo xuất sắc của khu vực Miền Trung trong đào tạo, chuyển giao khoa học công nghệ và phụng sự cộng đồng;

- Hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào quá trình đào tạo; đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo để tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20, đủ năng lực đào tạo một số ngành, nghề được quốc tế công nhận, đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện GDNN ở Việt Nam.

3. THỰC TRẠNG, CHIẾN LƯỢC VÀ CHỦ TRƯƠNG VỀ CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Hiện nay nhà trường chưa có chiến lược CĐS, một số hoạt động hướng tới CĐS nhưng chưa có kiến trúc tổng thể. Cụ thể Nhà trường mong muốn triển khai một số hoạt động sau:

STT	Mục tiêu	Thời gian	Nguồn lực	
			HueIC	ADB/GIZ/GDVT
1	Xây dựng kho học liệu (dưới dạng các đề tài NCKH).			

2	Số hóa tất cả hồ sơ, văn bản của trường (từ trước đến nay)			
3	Đầu tư hạ tầng CNTT cơ bản (phòng studio, phòng học online)			
4	Đào tạo nhân lực CĐS			
5	Đẩy mạnh quản lý, quản trị nhà trường thông qua CNTT			
6	Xây dựng CSDL về hệ sinh thái xung quanh hoạt động nhà trường (Sinh viên, cựu sinh viên, các doanh nghiệp			

3.2. Phân tích SWOT của CĐS:

	(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)		
(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)	**ĐIỂM MẠNH** - Đội ngũ GV tốt (đội ngũ trẻ, tỷ lệ tiến sĩ cao, trình độ ngoại ngữ, CNTT..) - Vào cuộc quyết liệt của BGH - - -	**ĐIỂM YẾU** - Hạ tầng CNTT còn thiếu - Nhận thức của GV về chuyển đổi số chậm - Kho học liệu chưa có, phải xây dựng từ đầu -	(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)
	CƠ HỘI - Hỗ trợ nhiệt tình của GIZ - Có QĐ, đề án của Ttg về chuyển đổi số - - -	**THÁCH THỨC** - Chưa có chiến lược chung về CĐS cho GDNN - Hành lang pháp lý chưa rõ ràng về bản quyền, nội dung học liệu số. - -	
	(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)		

3.3. Thực trạng và đích đến:

Chiến lược CĐS được xây dựng trên cơ sở xác định thực trạng và mục tiêu cụ thể trong mỗi khía cạnh của CĐS tại nhà trường.

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị** *(Quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, cơ chế khuyến khích; nhập học, khảo thí và đảm bảo chất lượng; dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và giảng viên; hòa nhập và bình đẳng giới,)*	
-	Sử dụng phần mềm, mobile app trong quản lý nhân sự, tài chính, các hoạt động tuyển sinh, dạy học, thi cử	Áp dụng ERP trong quản trị nhà trường
-	Quản lý bằng hệ thống báo giảng	Quản lý bằng hệ thống vân tay, kết hợp với báo giảng
-	Dữ liệu phân tán, không mang ý nghĩa thống kê trong quản lý, hiệu quả mang lại của các phần mềm chưa cao,	Xây dựng big data trong tuyển sinh, đào tạo và kết nối việc làm
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số** *(Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy, phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy, tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập – gamification)*	
-	Tài liệu, bài giảng, slide có dạng online	Xây dựng hệ thống bài giảng điện tử đáp ứng học tập trực tuyến.
-	Chưa tích hợp kiến thức nền vào kiến thức nghề.	Phấn đấu 100% phòng dạy thực hành, lý thuyết chuyên môn đều có thiết bị hỗ trợ, đáp ứng việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy kiến thức chuyên môn.
-	Giáo trình, tài liệu thư viện đang dần số hoá.	Vận hành và quản lý thư viện trên nền tảng số.
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS** *1) Phần mềm/hệ thống: hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây, mạng nội bộ/internet, ứng dụng (mobile apps), công nghệ dạy và học tiên tiến khác, 2) Phần cứng: công cụ/thiết bị số, server, phòng lap, thiết bị; 3) An ninh mạng và bảo về dữ liệu*	
-	Trang bị phần cứng tối thiểu phục vụ cho họp trực tuyến	Xây dựng 1 phòng multimedia để sản xuất học liệu, 1 phòng studio để giảng viên xây dựng bài giảng

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
-	Sử dụng chung server, dễ gây nghẽn khi số lượng truy cập lớn	Thuê server hoặc mua riêng để phục vụ giảng dạy online
-	Đang triển khai một số môn học online	Phấn đấu 30% tín chỉ được dạy online
-	Sử dụng thư viện, học liệu tại thuvienphapluat.vn	Việt hóa các học liệu có sẵn trên các kho học liệu như Coursera, Khan academy...
-	Mua bản quyền của zoom để dạy online	- Xây dựng website riêng cho đào tạo trực tuyến, trên nền hỗ trợ của Google.
4	**CĐS trong nội dung đào tạo (***Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0; CĐS ở giai đoạn đào tạo trong DN.)*	
-	Xây dựng được một số môn STEM	Tất cả các môn học chuyên ngành đều được áp dụng phương pháp dạy tích cực lấy người học làm trung tâm.
-	Hàng năm đều tổ chức robocon	Phấn đấu hàng năm đều tổ chức cho mỗi ngành 01 cuộc thi vận dụng kiến thức chuyên môn.
-	Các yêu cầu và giải quyết công việc trong đào tạo còn trực tiếp nhiều.	Phấn đấu trên 90% yêu cầu và giải quyết công việc bằng hình thức online..
-	Đánh giá người học thông qua kết quả cuối cùng.	Xây dựng hoặc mua một phần mềm để quản lý lịch sử học tập và các vấn đề liên quan đến người học trong suốt khoá học.
5	***Nhân lực cho CĐS*** *(Nhận thức về CĐS ở mọi cấp, tổ đề án CĐS, năng lực số cho cán bộ quản lý giảng viên (trường, DN), người học)*	
-	Chưa thành lập được tổ đề án CĐS	
-	Đang tham gia dự án EMVITET về đào tạo GV trong bối cảnh CMCN 4.0	
6	**Thể chế, hành lang pháp lý (***Chính sách, văn bản quy định/chỉ đạo, lãnh đạo, văn hóa, chiến lược, khung đề án, quy trình… cho CĐS trong GDNN từ cấp vĩ mô đến vi mô)*	

STT	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
-	Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trong đó giao quyền cho Hiệu trưởng quy định việc quản lý, sử dụng các hồ sơ, sổ sách điện tử trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;	
-	Chưa có văn bản của Bộ LĐTBXH cho phép các cơ sở GDNN thực hiện số hóa trong công tác kiểm định chất lượng	

Trên đây là Báo cáo tổng quan về công tác thực hiện chuyển đổi số của trường Cao đẳng Công nghiệp Huế rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp./.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Quân

- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Nha Trang

UBND TỈNH KHÁNH HÒA **TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /CĐKTCN-ĐT	Khánh Hòa, ngày tháng năm 2021

V/V: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chuyển đổi số

Kính gửi: Tổ chức GIZ

Thực hiện kế hoạch tìm hiểu thực tế chuyển đổi số của Tổ chức GIZ tại 11 trường cao đẳng nghề đối tác. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang báo cáo tình hình triển khai thực hiện chuyển đổi số của trường như sau:

I. Tổng quan về nhà trường

1. Đặc điểm

- Tên trường: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.
- Tên tiếng Anh: Nha Trang College of Technology.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Trụ sở chính (Cơ sở 1): Đường N1, Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 2: Trung tâm GDNN Nha Trang,

+ Số 298 Thống Nhất, thành phố Nha Trang;

+ 162 đường Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 3: Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô - Cơ giới, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang;

Cơ sở 4: Khu thực hành Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, thôn Tân Xương, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Số điện thoại: 0258.3881139; 0258.3882333
- Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn
- Website : http:// www.cdktcnnt.edu.vn
- Năm thành lập trường:
  + Năm thành lập đầu tiên: 1962
  + Năm thành lập trường cao đẳng: 31/01/2007
  + Năm đổi tên trường: 15/9/2017
- Loại hình trường: Công lập

- Cơ cấu tổ chức bộ máy

+ Đảng bộ trường;

+ Hội đồng trường;

+ Lãnh đạo nhà trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

+ Các tổ chức chính trị xã hội: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM, Hội cựu chiến binh.

Có 06 phòng, ban chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Bảo đảm chất lượng và Khảo thí, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Phòng Quản trị Thiết bị và Dự án.

Có 06 khoa: Khoa Khoa học Cơ bản, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Cơ khí, Khoa Du lịch - Thương mại, Khoa Công nghệ Môi trường và Công nghệ Sinh học, Khoa Sư phạm dạy nghề.

Có 04 trung tâm: Trung tâm GDNN Nha Trang; Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất; Trung tâm Đào tạo Lái xe ô tô - cơ giới; Trung tâm Đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được đổi tên theo Quyết định số 1469/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được thành lập theo Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Tiền thân là Trường Trung học Kỹ thuật Nha Trang được thành lập từ năm 1962. Quá trình trưởng thành và phát triển nhà trường đã qua nhiều lần đổi tên là: Công nhân kỹ thuật Khánh Hòa, Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Khánh Hòa, Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang và hiện nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp phục vụ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung bộ.

2. Chức năng, nhiệm vụ nhà trường

- Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và GDNN thường xuyên nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động;

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu GDNN đối với các nghề được phép đào và thực hiện liên kết đào tạo theo Bộ Chương trình chuyển giao của các nước liên kết;

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh; tổ chức các hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo nghề theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH;

- Tuyển dụng, quản lý đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật;

- Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ, đề tài khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

- Liên kết hoạt động GDNN với doanh nghiệp, các tổ chức trong nước và nước ngoài; Thường xuyên tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp;

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng, tham gia kiểm định chất lượng GDNN của cơ quan có thẩm quyền;

- Xây dựng trường theo hướng tiếp cận chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế; xây dựng trường nghề chất lượng cao theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

- Tổ chức, triển khai, quản lý các hoạt động đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, địa phương tại khu vực Miền trung và Tây Nguyên theo qui định hiện hành.

- Thực hiện các dịch vụ khoa học, công nghệ sản xuất và tham gia thực hiện chương trình phân luồng, liên thông đào tạo trong hệ thống GDNN và hệ thống giáo dục quốc dân; hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

3. Kết quả thực hiện

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang (Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang trước đây) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là 1 trong 45 trường đào tạo nghề chất lượng cao của cả nước theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014. Năm 2018 trường được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn Vương quốc Anh đạt loại tốt, năm 2019 trường được kiểm định ngoài và công nhận là 1 trong 8 trường cao đẳng chất lượng cao trong hệ thống GDNN của Việt Nam, năm 2020 trường được kiểm định ngoài đánh giá là cơ sở GDNN kiểm định đạt cấp độ 3 (cấp độ cao nhất trong lĩnh vực GDNN).

Trường đào tạo 28 nghề, có 7 nghề trọng điểm gồm: 4 nghề cấp độ quốc tế (Cắt gọt kim loại, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Điện công

nghiệp, Công nghệ Ô tô); 2 nghề cấp độ Asean (Kỹ thuật Máy lạnh & Điều hòa không khí, Kỹ thuật Chế biến món ăn); 1 nghề cấp độ quốc gia (Quản trị Khách sạn) theo Quyết định số 1679/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội.

Trường được Bộ LĐ-TB&XH chọn là 1 trong 9 trường hợp tác với Hội đồng Anh về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng dạy nghề, được Tổng Cục Dạy nghề (nay là Tổng cục GDNN) chọn 1 trong 25/45 trường chất lượng cao liên kết với Học viện Chisholm (Úc) đào tạo thí điểm cao đẳng quốc tế nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) dạy bằng tiếng Anh, tốt nghiệp được cấp 2 bằng cao đẳng của Úc và của Việt Nam nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho hội nhập và dịch chuyển lao động trong khu vực và quốc tế.

Năm học 2019 -2020 Trường đã tuyển sinh, đào tạo hệ cao đẳng 2 lớp nghề Công nghệ Ôtô và Điện Công nghiệp theo Bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức tốt nghiệp được cấp 2 bằng cao đẳng của Đức và của Việt Nam.

Nhà trường luôn thay đổi để phát triển, hiện nay đào tạo theo hướng tích lũy mô đun đã được triển khai cho các lớp liên thông và năm học 2021 – 2022 nhà trường tuyển sinh đào tạo từ xa 3 nghề Công nghệ thông tin, Hướng dẫn du lịch và Kế toán doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Năm 2020 trường được Chủ tịch nước trao Huân chương lao động hạng Nhất. Đã khẳng định sự trưởng thành mạnh mẽ của nhà trường trong sự nghiệp GDNN.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là địa chỉ đào tạo nghề tin cậy trong khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên. Trường hiện có 5 cơ sở đào tạo, tổng diện tích mặt bằng sử dụng gần 23ha.

Trường được đầu tư xây dựng mới và đưa vào giảng dạy từ tháng 8 năm 2018. Cơ sở mới rộng 7,45 ha tại địa chỉ Đường N1 - Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông - Phước Đồng - Nha Trang với cơ sở khang trang, phòng học lý thuyết, phòng thực hành được đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện giảng dạy hiện đại, cùng với khu vực nhà thi đấu thể thao đa năng, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh, sinh viên vào học tại trường được học tập chuyên môn nghề nghiệp và rèn luyện thể chất.

Đội ngũ cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong quản lý GDNN, giảng viên, giáo viên nhà trường đạt chuẩn theo quy định, có tay nghề cao được đào tạo kỹ năng nghề tại các nước Anh, Úc, Đức, Malaysia, hiện có trên 70% giảng viên, giáo viên có trình độ Thạc sĩ trở lên.

4. Ngành nghề đào tạo

- Hệ Cao đẳng đào tạo 24 nghề

1. Cắt gọt kim loại (Công nghệ chế tạo)	13. Bảo vệ môi trường biển
2. Công nghệ ô tô	14. Chế biến thực phẩm
3. May thời trang	15. Công nghệ sinh học
4. Kỹ thuật xây dựng	16. Quản trị khách sạn
5. Cơ điện tử	17. Quản trị nhà hàng
6. Điện tử công nghiệp	18. Hướng dẫn du lịch
7. Điện công nghiệp	19. Kỹ thuật Chế biến món ăn
8. Điện dân dụng	20. Kế toán doanh nghiệp
9. Công nghệ thông tin	21. Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ
10. KTMáy lạnh & điều hòa không khí	22. Thiết kế thời trang
11. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	23. Xử lý nước thải công nghiệp
12. Quản trị mạng máy tính	24. Công tác xã hội

- Hệ Trung cấp đào tạo 26 nghề

1. Cắt gọt kim loại (Công nghệ chế tạo)	14. Tin học văn phòng
2. Hàn	15. Công nghệ thông tin
3. May thời trang	16. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính
4. Thiết kế thời trang	17. Quản trị khách sạn
5. Kỹ thuật xây dựng	18. Hướng dẫn du lịch
6. Công nghệ ô tô	19. Kỹ thuật Chế biến món ăn
7. Cơ điện tử	20. Nghiệp vụ nhà hàng
8. Điện tử công nghiệp	21. Kế toán doanh nghiệp
9. Điện tử dân dụng	22. Công nghệ sinh học
10. Điện công nghiệp	23. Chế biến thực phẩm
11. Điện dân dụng	24. Bảo vệ môi trường biển
12. Kỹ thuật Máy lạnh & Điều hòa không khí	25. Xử lý nước thải công nghiệp
13. Quản trị mạng máy tính	26. Công tác xã hội

5. Số lượng giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên

Số lượng giảng viên, giáo viên: Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên nhà trường: 141, trong đó có 113 cán bộ giảng viên, giáo viên cơ hữu; 28 cán bộ phòng ban và 60 giảng viên, giáo viên hợp đồng giảng dạy.

Số lượng học sinh, sinh viên:

Năm học 2020 – 2021 toàn trường có tổng cộng 3035 học sinh, sinh viên gồm: 1.140 sinh viên cao đẳng, 1.549 học sinh trung cấp, 346 học sinh học lớp 12 hệ GDTX.

Hệ	Khóa	Số lượng hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	K12	301	2.400
	K13	251	
	K14	588	
Trung cấp	K13	616	3.200
	K14	933	
Đào tạo văn hóa GDTX	K12 (lớp 12)	346	800
Sơ cấp, đào tạo thường xuyên	Đào tạo trong năm 2020	3.941	8.000
Tổng cộng		**6.976**	**14.400**

II. Chiến lược phát triển nhà trường

Mục tiêu GDNN là đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, dịch vụ trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Trở thành một trong những trường cao đẳng chất lượng cao của cả nước, sở hữu đội ngũ CBGV có năng lực, chất lượng cao, 100% đạt chuẩn theo Thông tư 08/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017, 100% đạt chuẩn theo tiêu chí trường chất lượng cao. Đội ngũ GV đủ trình độ, tiêu chuẩn tham gia giảng dạy đào tạo các nghề chuẩn quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế;

- Tầm nhìn 2030: Nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV để nhà trường trở thành một trong các trường đào tạo kỹ thuật công nghệ hàng đầu về đào tạo đa cấp độ, đa ngành nghề, phát triển rộng rãi thương hiệu của trường trong nước, trong khu vực và quốc tế.

III. Định hướng và mục tiêu của nhà trường về CĐS lồng ghép vào Chiến lược phát triển chung của nhà trường

Theo chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phát triển chính quyền số từ năm 2021 – 2025: Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch số 13788/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển chính quyền số tỉnh Khánh Hòa năm 2021.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã triển khai thực hiện đề tài "Giải pháp đổi mới quản trị điều hành để thực hiện chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang" của Thầy Nguyễn Văn Lực – Hiệu trưởng và đề tài sẽ được nghiệm thu vào tháng 6/2021.

Nội dung giải pháp:

- Quán triệt toàn bộ CBGV định hướng, quyết tâm thực hiện chuyển đổi số các hoạt động quản trị điều hành trong trường;
- Xác định thứ tự khía cạnh/bộ phận ưu tiên thực hiện chuyển đổi số;
- Số hóa tài liệu, văn bản điều hành;
- Xây dựng hành lang pháp lý phù hợp để đảm bảo giá trị pháp lý của các văn bản điện tử trong trường (thay thế văn bản giấy);
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ của đơn vị trong điều kiện mới (khi tất cả được lưu trữ dưới dạng file, không còn giấy tờ);
- Rà soát các thủ tục hành chính, qui trình luân chuyển thông tin/văn bản điều hành trong trường => điều chỉnh phục vụ chuyển đổi số.

IV. Phân tích thực trạng điểm mạnh, điểm yếu, có hội và thách thức của CĐS theo ma trận SWOT gắn với 06 khía cạnh của CĐS trong GDNN

1. Ma trận SWOT

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">Yếu tố bên trong tổ chức</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Yếu tố tích cực</td><td>ĐIỂM MẠNH</td><td>ĐIỂM YẾU</td><td rowspan="2">Yếu tố tiêu cực</td></tr>
<tr><td>- Quyết tâm thực hiện CĐS của lãnh đạo nhà trường;
- Nhà trường có kinh nghiệm và uy tín trong GDNN;
- Đội ngũ GV-CBQL đạt chuẩn cả về chuyên môn, CNTT và ngoại ngữ;</td><td>- Tâm lý ngại thay đổi thói quen, thiếu lòng tin vì chưa biết kết quả CĐS thành bại thế nào;
- Thiếu kinh phí đầu tư cho CĐS: Thuê cloud, mua PM quản trị tài nguyên số hóa, PM phân tích dữ liệu AI;</td></tr>
</table>

	- Cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT của trường được đầu tư khá tốt; - Trường thực hiện tốt việc số hóa, ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo và quản trị điều hành được (5 năm gần đây luôn được Sở TTTT KH xếp loại Tốt về CNTT và Cải cách hành chính).	- Chưa được bồi dưỡng, cập nhật về các công nghệ chủ chốt của CĐS: *IoT, BigData, AI, Cloud service*.	
	CƠ HỘI - Chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu, hệ thống GDNN và cả nước cùng chung quyết tâm thực hiện CĐS; - Trường được là một trong 11 trường được GIZ hỗ trợ CĐS; - Có nhiều nền tảng CĐS được chính phủ cung cấp miễn phí; - Chính quyền địa phương có nhiều định hướng phát triển hệ thống Chính phủ điện tử giai đoạn 2020 – 2025 có tính đến năm 2030.	**THÁCH THỨC** - Phụ huynh, HSSV chưa đủ điều kiện (thiết bị, đường truyền, kỹ năng) để sử dụng, tiếp cận các sản phẩm CĐS; - Doanh nghiệp đối tác chưa sẵn sàng CĐS; - Chưa có tiền lệ, hình mẫu để học tập; vừa thực hiện vừa rút kinh nghiệm; có thể gặp rủi ro, phạm sai lầm trong quá trình thực hiện	
	Yếu tố ngoại cảnh - Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025; - Kế hoạch số 13788/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển chính quyền số tỉnh Khánh Hòa năm 2021.		

2. Đánh giá thực trạng và đích đến trong chuyển đổi số của nhà trường

STT	NỘI DUNG CĐS	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	Công tác quản lý, quản trị	- ƯD CNTT tốt: PM QL nhân sự, QL tài chính, QL văn bản, QL đào tạo. - Website, fanpage, các cổng thông tin GV, SV; thông tin được lưu thông và đăng tải kịp thời, nhanh chóng	- Cập nhật, nâng cấp các PM đang dùng - Có giải pháp kết nối, chia sẻ, kế thừa dữ liệu trên các PM riêng lẻ để ứng dụng các ứng dụng AI - Xây dựng hành lang pháp lý phù hợp để thay thế văn bản giấy bằng văn bản điện tử
2	Phương pháp dạy và học, học liệu số	- ƯD CNTT tốt: Hầu hết giảng viên, giáo viên đều sử dụng bài giảng Powerpoint, sử dụng một số phần mềm mô phỏng nghề Điện, CN Ôtô, CNTT; - Học liệu số: chưa có; file tài liệu tham khảo, giáo trình do GV, bộ môn thống nhất rồi tự chuyển cho HSSV sử dụng.	- Tăng cường ứng dụng số hóa và mô phỏng hóa trong bài giảng; - Xây dựng Kho học liệu số: PM quản lý + học liệu số + hạ tầng mạng và máy chủ - Xây dựng hệ thống elearning: gồm pm LMS, studio sản xuất bài giảng, hạ tầng mạng và máy chủ
3	Nội dung đào tạo (trong nhà trường và phối hợp với doanh nghiệp)	- CTĐT hiện đại và cập nhật đáp ứng thị trường lao động; - Phối hợp với DN thực hiện xây dựng, cập nhật CTĐT; - Thực tập DN tại các Cty uy tín trong tỉnh.	- Cập nhật vào nội dung đào tạo những kiến thức, kỹ năng công nghệ để SV ra trường sẵn sàng tiếp cận môi trường làm việc đang CĐS; - Bố trí SV thực tập tại những DN đã và đang thực hiện CĐS.
4	Nhân lực	- 100% CB-GV có trình độ ứng dụng CNTT đúng quy định; - Có 02 CB QTM: 01 Ths, 01 KS.	Thành lập tổ/ban chuyên trách CĐS

5	CSHT phần cứng và phần mềm	- Hạ tầng mạng: Ổn định, kết nối tới tất cả các phòng học, phòng làm việc; dễ dàng mở rộng. - Máy chủ: 04 server Dell - Phần mềm: QLVB, QLĐT, QL Tài chính, QL Nhân sự; các cổng thông tin, website	- Tăng băng thông và tăng tải cho toàn hệ thống. Mục tiêu là mỗi kết nối có tốc độ trung bình 20MBs - Xây dựng hệ thống NAS, SAN - Nâng cấp firewall - Nâng cấp các PM, hướng tới sự kết nối, liên thông và dùng chung dữ liệu.
6	Thể chế, hành lang pháp lý	Đã có các qui chế: - QC sử dụng văn bản điện tử; - QC sử dụng PM QLĐT; - QC an toàn thông tin và an ninh mạng	Xây dựng các QC phục vụ CĐS áp dụng trong phạm vi nhà trường;

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU VÀ HIỆN TRẠNG CNTT

1. Danh sách thành phần tham gia hoạt động

(GIZ có quy định chặt chẽ về bảo mật dữ liệu cá nhân, đề nghị Trường cung cấp thông tin chung như **mẫu/ví dụ dưới đây**)

Stt	Vị trí	Tên đơn vị	Số lượng
1.	Giám đốc/Phó GĐ	Sở LĐ&TBXH	0
2.	Trưởng phòng GDNN	Sở LĐ&TBXH	01
3.	Hiệu trưởng/Phó HT	Các trường CĐ/TC trên địa bàn tham gia	10
4.	Ban Giám hiệu	Của Trường đối tác GIZ	04
5.	Lãnh đạo phòng chức năng, trung tâm	Của Trường đối tác GIZ	12
6.	Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn	Của Trường đối tác GIZ	14
7.	Giảng viên	Của Trường đối tác GIZ	7
8.	Sinh viên	Của Trường đối tác GIZ	9
9.	Phóng viên	Báo Khánh Hòa	01
10.	Phóng viên	Đài Truyền hình Khánh Hòa	01

2. Hiện trạng CSHT

Nhà trường cung cấp thêm một số thông tin về hiện trạng CSHT CNTT theo gợi ý dưới đây:

Phần cứng:

STT	Thiết bị	Số lượng	Cấu hình	Năm mua
1	Máy chủ	2	Model: Dell Power EDGE R730 E5-2620 v3 (1cpu 6 cores 12 threads) | ram 16G | HDD 300G sas 10k | raid: H330 | PSU 495w (1 nguồn)	2018
		2	Model: Dell Power EDGE R420 - CPU: Intel® Xeon® processor E5-2400 product family - Cache 2.5MB per core; core options: 4, 6, 8 Chipset: Intel C600 series Memory: Up to 384GB (12 DIMM slots): 2GB/4GB/8GB/16GB/32GB DDR3 up to 1600MT/s	2016
2	Máy tính	450	Model: FPT, ThinkPad, Dell CPU: i3 – i7 RAM: 4-8 GB HDD: 500 GB Monitor: 15-21 inches	2015
3	Máy chiếu	35	Model: NEC, Sony	
4	Máy in	54	Model: HP, Toshiba	
5	Thiết bị phòng e-learning		- Diện tích phòng: 60m^2 - Điều hòa, cách âm, tiêu âm: CÓ - Bộ kit đèn: CÓ - Phông xanh: CÓ - Máy tính chuyên dụng (dựng video): i7 - Laptop gv giảng online: Lenovo ideapadGaming- i5 (06 máy) - Máy quay phim: Sony - Máy ảnh: Canon - SoundCard: CHƯA CÓ	GIZ + trường (từ 2020-nay)

			- Micro thu âm: CHƯA CÓ - Loa kiểm âm (monitor): CHƯA CÓ - Headphone kiểm âm: CHƯA CÓ	
6	UPS	02	- Liebert ITA 10KVA/9KW UPS 230V/400V LCD long backup model (no battery) - Battery Back up 120 mins at load 5000W (blocks 12V100AH per string/ string perUPS) (VietNam) - Battery Cabinet (VietNam) - Testing & Commit (China)	2018
7	Data center	00	Chưa có	

Phần mềm:

- Hệ điều hành cho máy chủ: Windows Server 2012
- Máy tính để bàn, laptop: Window 10
- Phần mềm nghiệp vụ cho các phòng ban: Quản lý Đào tạo (P.Đào tạo, P.Công tác HSSV), MISA (P.Kế hoạch – Tài chính), E-Office (toàn trường), Cổng TT Giảng viên, Cổng TT Sinh viên.
- Phần mềm phục vụ công tác giảng dạy: MS Office, ClassRoom, PM Mô phỏng PLC S7-200 (Điện), Solid Edge (Cắt gọt kim loại), CadE Simu 3 0 (Điện công nghiệp), CoolPack (Điện lạnh), IT Virtual Desktop (Công nghệ thông tin).
- Email: Google mail, mail@cdktcnnt.edu.vn (webmail của trường – công vụ)
- Thông báo: Eoffice, Cổng TT giáo viên, các nhóm zalo, nhóm facebook kín - phục vụ công việc.

Hệ thống mạng:

- Internet: Tổng băng thông 560Mbps (7 thuê bao FTTH: 03-Viettel, 04-VNPT)
- WAN: Chưa có
- LAN: 100% máy tính trong trường có nối LAN
- Wifi: Phủ sóng 100% phạm vi trường
- Mạng dự phòng: 50Mbps (thiết bị 4G)
- Thiết bị mạng sử dụng: CISCO, Virgo, TPLink, IgniteNet
- IPV6: Chưa triển khai

Hệ thống an toàn, an ninh mạng, bảo mật:

- Firewall: Fortinet
- Phần mềm diệt virus: Kaspersky Small Office Security
- Cơ chế chính sách an toàn bảo mật: Qui chế an ninh mạng của trường

Các vấn đề khác:

- Hỗ trợ người khuyết tật:
- Chữ ký số: 04 – Ban giám hiệu, 01 – Kế toán trưởng
- Thanh toán điện tử: Chưa triển khai

N* *i Bm h **HIỆU TRƯỞNG**

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

- Trường Cao đẳng Công nghiệp Ninh Thuận

UBND TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG CĐN NINH THUẬN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC-CĐN	*Ninh Thuận, ngày 10 tháng 3 năm 2021*

BÁO CÁO

Về thực trạng và chiến lược về chuyển đổi số trong hoạt động GDNN tại Trường CĐ nghề Ninh Thuận, phục vụ đoàn khảo sát ngày 16.3.2021

I. Tổng quan về nhà trường:

1.1 Đặc điểm:

Trường Dạy nghề Ninh Thuận (nay là Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận) được thành lập theo Quyết định số 102/2001/QĐ-UB ngày 11/12/2001 của UBND tỉnh trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, thi công xây dựng cơ bản vào đầu năm 2002 và chính thức đi vào hoạt động mở khoá đầu tiên cho năm học 2003 - 2004 vào tháng 10/2003; Tháng 5/2007, trường được chuyển đổi thành Trường Trung cấp nghề Ninh Thuận theo Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của UBND tỉnh; đến tháng 4/2012 nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận Quyết định số 442/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận là đơn vị công lập trực thuộc Uỷ ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng phát triển kinh tế của Tỉnh cũng như trong khu vực.

Cơ cấu phòng, khoa, Trung tâm: 09 đơn vị.

- 4 phòng: Hành chính-Tổng hợp, Đào tạo-công tác sinh viên, Kế hoạch-tài chính, Khảo thí-Đảm bảo chất lượng.
- 4 khoa: Kinh tế-tổng hợp, Điện-Điện tử, Cơ khí-Xây dựng, Công nghệ ô tô
- 01 trung tâm: Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Ninh Thuận

1.2 Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường:

1. Trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 của Luật GDNN và các quy định sau đây:

a) Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;

b) Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được phép đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi văn bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Tuyển dụng, quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động GDNN;

g) Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính; có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

h) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của trường; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức vụ từ cấp trưởng phòng, khoa và tương đương trở xuống theo quy định;

k) Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động đào tạo về lập kế hoạch đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học;

l) Liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động;

m) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo và bổ sung nguồn tài chính của trường theo quy định của pháp luật;

n) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo hợp

đồng đặt hàng; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Trường thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại Điều 25 của Luật GDNN và các quy định sau đây:

a) Quyết định mục tiêu, sứ mạng, chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường;

b) Quyết định thành lập bộ máy tổ chức, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển nhà trường;

c) Thu, chi tài chính, đầu tư phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; quyết định mức thu giá dịch vụ đào tạo tương ứng với điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo đối với chương trình đào tạo chất lượng cao và các quy định về tự chủ tài chính đối với trường cao đẳng theo quy định;

d) Tuyển sinh và quản lý người học; phát triển chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế theo chiến lược và kế hoạch phát triển của nhà trường; bảo đảm chất lượng đào tạo của nhà trường; lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng GDNN để đăng ký kiểm định;

e) Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của trường; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trực thuộc trường;

1.3 Một số kết quả thực hiện:

- Kết quả tyển sinh, tốt nghiệp 2016-2020:

Tuyển sinh	**Số liệu**	**Năm 2016**	**Năm 2017**	**Năm 2018**	**Năm 2019**	**Năm 2020**	**Tổng 2016-2020**
Các trình độ đào tạo	Nhập học	1.539	1.779	1.807	2.011	1.833	**8.969**
	Tốt nghiệp	1.061	1.394	1.612	1.736	1.184	**6.987**
Trung cấp, Cao đẳng /700 chỉ tiêu	Nhập học	709	704	584	701	770	**3.468**
	Tốt nghiệp	312	371	423	453	192	**1.751**

Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	Nhập học	830	1.075	1.223	1.310	1.063	**5.501**
	Tốt nghiệp	749	1.023	1.189	1.283	992	**5.236**

- Nâng cao được nhận thức của người dân về công tác đào tạo nghề. Số lượng người vào học nghề tại trường ngày càng nhiều: Năm 2020, tuyển sinh vượt chỉ tiêu 770/700 HSSV, đạt 110%; chất lượng đầu ra được nâng lên rõ nét- Tỷ lệ tốt nghiệp trên 95%; Qua khảo sát lần vết, số sinh viên tốt nghiệp có việc làm trung bình hàng năm trên 80% và được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đánh giá cao về kỹ năng tay nghề cũng như thái độ công việc. Sinh viên có thu nhập ổn định, trung bình từ 7 đến 10 triệu đồng/tháng.

- Thương hiệu về đào tạo lái xe: “Dạy thật-Học học-Tay lái thật” được nhân dân trong tỉnh đánh giá cao;

- Tham gia Kỳ thi kỹ năng nghề Quốc gia năm 2020: có 3 sinh viên đạt giải khuến khích (Nghề Cơ điện tử, nghề Lắp đặt điện và nghề Công nghệ ô tô);

- Cuộc thi Startup kite 2020, đạt giải nhì toàn quốc. Nhà trường được Bộ LĐTBXH tặng Bằng khen.

- Các hoạt động phong trào:

+ Phong trào **lao động giỏi, lao động sáng tạo**: Hàng năm có trên 10 đề tài, sáng kiến được công nhận. Nhà trường đã sản xuất 150 máy sát khuẩn tự động tặng cho các đơn vị, trường học trong và ngoài tỉnh, góp phần phòng chống dịch covid 19.

+ Phong trào **Xanh-sạch-đẹp** tạo mỹ quan, xanh hóa trong GDNN; phong trào thể thao-văn nghệ do các cấp tổ chức đều đạt giải cao;

+ Phong trào **hiến máu tình nguyện:** Ban chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh Ninh Thuận tặng Giấy khen cho 17 cá nhân và 01 tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác HMTN năm 2020, có 01 GV được tuyên dương 100 người hiến máu tiêu biểu toàn quốc và 1 Bằng khen của TW Hội chữ thập đỏ;

Ngoài ra, Đoàn trường đã sửa chữa 3 công trình nhà ở cho 3 hộ dân có hoàn cảnh khó khăn tại xã Thành Hải (PR-TC); Thôn Từ Tâm xã An Hải (Ninh Phước); Phường Đài Sơn (PR-TC); Tham gia các hoạt động phòng chống chống dịch COVID 19: đã chế tạo 150 máy sát khuẩn tự động, tặng cho một số trường học, sở, ngành; có 2 cá nhân được UBND tỉnh, Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

1.4 Các ngành nghề đào tạo:

Trường đang đào tạo 12 ngành nghề trình độ cao đẳng, 16 ngành nghề trung cấp và 13 ngành nghề sơ cấp, với tổng số lưu lượng đào tạo là 1.900 học

sinh, sinh viên. Hàng năm, có khoảng 500 học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường, đều được nhà trường giới thiệu việc làm, cung ứng 1 lực lượng lao động tương đối lớn cho tỉnh nhà và khu vực lân cận.

TT	Nghề đào tạo	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Điện công nghiệp	x	x	x
2	Điện tử công nghiệp	x	x	x
3	Cơ điện tử	x	x	
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	x	x	
5	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	x	x	
6	Công nghệ Hàn	x	x	x
7	Công nghệ ô tô	x	x	
8	Kỹ thuật xây dựng	x	x	x
9	Kế toán doanh nghiệp	x	x	
10	Quản trị mạng máy tính	x	x	
11	Quản trị khách sạn	x	x	
12	Cắt gọt kim loại (Tiện CNC).		x	
13	May thời trang		x	
14	Lái xe ôtô các hạng B2, C, D, E			x
15	Điện lạnh			x
16	May công nghiệp			x
17	Sửa chữa xe máy			x
18	Sửa chữa, lắp ráp máy tính			x
19	Nghiệp vụ nhà hàng			x
20	Tiện			x
21	Điện dân dụng			x

1.5 Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên

Toàn trường có 122 cán bộ, viên chức: Cán bộ quản lý: 18, Nhà giáo: 85 người, Viên chức, người lao động khác: 19 người

Số lượng học sinh, sinh viên:

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025

Cao đẳng	862	1200
Trung cấp	656	1300
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	429	1200
Hệ khác: Liên thông ĐH (Kỹ thuật Điện và ĐH Cấp thoát nước)	62	150
Tổng:	**2009**	**3850**

2**. Chiến lược phát triển của nhà trường:**

2.1. Sứ mạng

"Nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngày mai – High quality human resources for tomorrow".

Phấn đấu trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao để cung ứng nguồn nhân lực có tác phong công nghiệp và tay nghề đáp ứng nhu cầu xã hội - trong đó có 5 nghề đạt đẳng cấp Quốc gia, ASEAN và Quốc tế;đóng vai trò quan trọng của một trong sáu trụ cột phát triển KT-XH Tỉnh Ninh Thuận mà tập đoàn Monitor đã thiết lập.

2.2. Tầm nhìn

Nhà trường được xã hội biết đến là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kỹ thuật - công nghệ - kinh tế và dịch vụ, trong đó đặc biệt là một số nghề kỹ thuật đạt đẳng cấp quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia theo Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm. Đến năm 2025, các sản phẩm có thế mạnh về đào tạo, nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ của trường được xã hội thừa nhận và là một trong những cơ sở GDNN hàng đầu của Việt Nam.

2.3. Hệ giá trị cốt lõi

Hệ giá trị cốt lõi của nhà trường là xây dựng văn hóa của một "Tổ chức biết học hỏi" (Organization Learning), trong đó, mọi thành viên đều gắn kết và phấn đấu với phương châm: "Học tích cực, miệt mài / Dạy tận tâm, tận lực / Nghiêm túc và trung thực / Luôn đoàn kết, nghĩa tình / Môi trường sạch và xanh / Nối vòng tay thân thiện".

2.4 Mục tiêu:

Mục tiêu chung:

- Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp giúp họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao

trình độ, đáp ứng yêu cầu lao động có nghề cho Khu, Cụm công nghiệp của tỉnh Ninh Thuận và khu vực miền Trung;

- Chương trình đào tạo nghề phải đảm bảo tính liên tục, hệ thống, tính khoa học, tính hiện đại và trình độ ngoại ngữ phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Mục tiêu cụ thể:

- Góp phần đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh Ninh thuận nói riêng và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung;
- Đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên dạy nghề của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Ninh thuận;
- Phối hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn trong việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ người lao động về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, góp phần nâng cao sức cạnh tranh thị trường cho doanh nghiệp;
- Đào tạo nghề trình độ cao cho thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự theo chính sách "Hậu phương quân đội" của Đảng và Nhà nước;
- Đào tạo nghề đáp ứng ngày càng cao yêu cầu tay nghề của lao động trong tỉnh thực hiện chủ trương đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mang lại hiệu quả cao nhất;
- Tạo cơ hội học tập và sát hạch lái xe ô tô ngay trên địa bàn tỉnh cho cán bộ nhân dân trong tỉnh, vừa tiết kiệm chi phí và thời gian;
- Thực hiện chủ trương hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập Quốc tế.

Mục tiêu chiến lược:

Năm năm tới là chặng đường vô cùng quan trọng đối với Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận. Đổi mới cơ bản toàn diện nhà trường nhằm tạo môi trường giảng dạy và học tập tốt để phát huy tối đa năng lực trí tuệ của đội ngũ nhà giáo và môi trường học tập khang trang, hiện đại, không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo; Phát triển nhà trường theo mô hình “Cơ sở GDNN hiện đại” môi trường học tập thân thiện, có uy tín về chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu riêng của trường và phấn đấu trở thành trường chất lượng cao vào năm 2025; Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận nỗ lực phát huy nội lực và tận dụng mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để khẳng định vị thế của một trường cao đẳng đa ngành nghề, đào tạo

nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Thuận;

Mở rộng quy mô, phát triển đa ngành đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người lao động; đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao, hội nhập quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của đất nước và thị trường lao động;

Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 6 nhóm ngành kinh tế trụ cột sẽ là: (1) Năng lượng sạch, (2) Du lịch, (3) Nông lâm thủy sản, (4) Sản xuất chế biến và 2 ngành phụ trợ là (5) Giáo dục - đào tạo, (6) Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận đã được Tổng cục GDNN cấp phép và hiện tại đang đào tạo 11 ngành nghề trình độ Cao đẳng, 13 ngành nghề trình độ Trung cấp và 13 nghề trình độ Sơ cấp. Các mã ngành đào tạo hiện tại của Nhà trường đều phù hợp với nhu cầu của HSSV và điều kiện đặc thù của tỉnh Ninh Thuận. Trong đó, có 3 ngành và nhóm ngành đào tạo phục vụ phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với 3 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Thuận , đó là: (1) Năng lượng tái tạo (Điện – Điện tử), (2) Du lịch, (3) Kỹ thuật Xây dựng.

Qui mô đào tạo đến năm 2025 là 2500 HSSV; tầm nhìn đến 2030 là 3000 HSSV.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐSI:

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường:

Hiện nay, Nhà trường chưa xây dựng riêng Kế hoạch hoạt động CĐS nhưng đây là một trong các nội dung trong Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2030;

Năm 2021, Nhà trường bắt đầu triển khai CĐS, từ thay đổi nhận thứ toàn thể Cán bộ, nhà giáo, nhân viên đến đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng các phần mềm trong quản lý và tổ chức giảng dạy trực tuyến một số môn học với sự hỗ trợ của Công ty IEG.

Phấn đấu đến năm 2025 sẽ CĐS hoàn toàn các hoạt động trong nhà trường;

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

Đề nghị nhà trường phân tích và điền thông tin về thực trạng điểm mạnh, điểm yếu, có hội, thách thức gắn với 06 khía cạnh của CĐS theo khung dưới đây:

	(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)		
(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)	**ĐIỂM MẠNH** - Nhận thức tích cực của lãnh đạo, đội ngũ về CĐS và đội ngũ đa số trẻ nên sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng và sử dụng các thiết bị, tính năng của công nghệ sao cho việc giảng dạy đạt kết quả kỳ vọng. - CĐS là một nội dung chính trong chiến lược phát triển nhà trường; - Cơ sở vật chất phục vụ cho CĐS cơ bản; - Toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của học sinh cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ chứ không phải thông qua hệ thống hồ sơ sổ sách thông thường. - Đường truyền Internet ổn định là yếu tố đương nhiên cần phải có để hoạt động.	**ĐIỂM YẾU** - Cơ sở vật chất cho chuyển đổi số chưa đầy đủ; - Nguồn nhân lực (IT, nhà giáo và người học) chưa đáp ứng cho chuyển đổi số hoàn toàn; cần được đào tạo, bồi dưỡng. Cần có đội ngũ kỹ thuật, nhà giáo cần những kỹ năng mới để tổ chức hoạt động giảng dạy, 'giữ' được học sinh trong 'lớp học', duy trì sự chú tâm của học sinh vào các nhiệm vụ và hoạt động học tập. quyết định sự thành công của đào tạo trực tuyến và quá trình chuyển đổi số. - Chưa số hóa bài giảng, học liệu, tài liệu, sách giáo khoa... hay ứng dụng các phần mềm vào soạn bài dạy, mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy. - Những học sinh xuất thân từ những gia đình khó khăn không có những thiết bị tối thiểu hoặc không đủ khả năng chi trả chi phí dịch vụ viễn thông hoặc khuyết tật sẽ là đối tượng có nguy cơ tụt hậu	(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)
	CƠ HỘI - Chuyển đổi số đang là xu thế tất yếu, trong lĩnh vực giáo dục, CĐS góp phần tạo nên những phương thức mới trong công tác quản lý cũng như hoạt động	**THÁCH THỨC** - Một trong những rào cản lớn nhất trong chuyển đổi số chính là vấn đề nhận thức, một trong thách thức lớn nhất là thay đổi thói quen;	

	dạy và học, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng một hệ thống đào tạo mang tính thích ứng, linh hoạt, mở và phản ứng nhanh hơn với thay đổi, tác động từ bên ngoài. - Chuyển đổi số tạo điều kiện phát triển các cộng đồng học tập chuyên nghiệp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trên quy mô rộng thông qua các diễn đàn trực tuyến. Ngoài ra còn có rất nhiều công cụ hay hỗ trợ giáo viên thiết kế tài liệu, xây dựng bài dạy. Đây được xem là cơ hội phát triển nghề nghiệp chuyên môn rất tốt cho đội ngũ giáo viên. - Sự hỗ trợ của GIZ về hoạt động CĐS trong GDNN tại trường; - Tổng cục GDNN, GIZ tổ chức các Hội thảo, các lớp đào tạo bồi dưỡng về nhân lực phục vụ CĐS	- Tác động đến cách thức quản lý, chỉ đạo điều hành trong của các cơ quan quản lý nhà nước, hướng đến cách thức quản lý và ra quyết định trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu lớn. - Tác động trực tiếp đến các đối tượng tham gia hoạt động GDNN: thay đổi cách quản lý hoạt động GDNN, cách dạy của giáo viên, cách học của người học tại các cơ sở GDNN từ môi trường truyền thống lên môi trường số. - Khi chuyển đổi số sẽ sản sinh ra nhiều ngành nghề mới, nhiều lĩnh vực mới. Đây là thị trường mới tiềm năng nhưng cũng đầy thách thức đối với hoạt động GDNN. - Điểm thách thức lớn nhất đối với chuyển đổi số có lẽ là làm thế nào để đảm bảo việc học tập và giảng dạy cũng như các hoạt động giáo dục là thực chất. Quy trình quản lý người học và thực hiện đánh giá quá trình học tập. - Chuyển đổi số đòi hỏi hạ tầng công nghệ mới, trang thiết bị mới cho cả người học, người trực tiếp giảng dạy, cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý. Đi kèm thiết bị phần cứng là các ứng dụng phần mềm, các nền tảng (platform) để thực hiện toàn bộ mọi hoạt động giáo dục và quản lý -Những chương trình, phần mềm riêng lẻ, tách biệt, chuyển đổi số yêu cầu tất cả những thứ riêng lẻ này phải tương thích và kết nối với	

		nhau, tích hợp và 'có thể tiếp cận được' (accessible) trên cùng một nền tảng. Nền tảng này cho phép các hoạt động giảng dạy, quản lý, học tập, kiểm tra, đánh giá, thi cử, quản lý người học và việc giảng dạy, cũng như toàn bộ việc tương tác giữa người học với giáo viên và nhà trường cùng diễn ra. - Nếu bài toán về hạ tầng mạng, thiết bị và giải pháp công nghệ không được đáp ứng, bài toán về chuyển đổi năng lực của giáo viên không được giải quyết, trải nghiệm học tập 'số' đối với cả giáo viên và người học có thể trở thành thảm họa. Một loạt các nguy cơ hiển hiện như hành vi học tập có thể bị lệch lạc, hoạt động giáo dục không được kiểm soát; chất lượng giáo dục bị thả lỏng. Sẽ rất nguy hiểm nếu như chúng ta 'đánh rơi', để lạc mất người học trong không gian ảo mênh mông.	
	(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)		

3.3.Thực trạng và đích đến

Chiến lược CĐS được xây dựng trên cơ sở xác định thực trạng và mục tiêu cụ thể trong mỗi khía cạnh của CĐS tại nhà trường. Để hoạt động tìm hiểu thực tế (fact-finding) và tư vấn bước đầu của các chuyên gia được hiệu quả và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Nhà trường phân tích thực trạng và đích đến như sau:

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	- **CĐS trong công tác quản lý, quản trị***: Quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, cơ chế khuyến khích; nhập học, khảo thí và đảm bảo chất lượng; dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và giảng viên; hòa nhập và bình đẳng giới,*	

-	Quản lý hành chính, nhân sự: Phần mềm Eduman, phần mềm quản lý thiết bị	Đầu tư Website, phần mềm quản lý
-	Quản lý tài chính, cơ chế khuyến khích: Phần mềm kế toán phần mềm Misa	Đầu tư Website, phần mềm quản lý
-	Quản lý nhập học, dữ liệu người học, cựu sinh viên: Phần mềm Eduman,	Đầu tư Website, phần mềm quản lý
-	Quản lý khảo thí và đảm bảo chất lượng: Phần mềm Eduman	Đầu tư Website, phần mềm quản lý
2	- **CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số** *Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy, phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy, tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập - gamification,*	
-	Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy: Chưa nhiều	Xúc tiến và đẩy mạnh số hóa tài liệu học tập và giảng dạy
-	Phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy: chưa triển khai	Phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến sẽ thực hiện năm 2021
-	Tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập – gamification: Rất ít	
3	- **CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS** *1) Phần mềm/hệ thống: hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây, mạng nội bộ/internet, ứng dụng (mobile apps), công nghệ dạy và học tiên tiến khác, 2) Phần cứng: công cụ/thiết bị số, server, phòng lap, thiết bị; 3) An ninh mạng và bảo về dữ liệu*	
-	1. Phần mềm/hệ thống: có phần mềm quản lý đào tạo Eduman, phần mềm quản lý thiết bị, TD office và LMS website:http//cdnnt.cnn.edu.vn do IEG cung cấp miễn phí (nhưng chưa sử dụng); *mạng nội*	Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động CĐS; ứng dụng hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS) do IEG hỗ trợ trong năm 2021

	bộ/internet, 2 gói đường truyền, mỗi gói 40Mb	
-	2. Phần cứng*:* 2 server; 1 phòng dạy học trực tuyến do GIZ tài trợ	Hoàn thiện phòng dạy học trực tuyến và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2021
-	3. An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu: Phần mềm diệt virus cho máy chủ	Sử dụng các công cụ hỗ trợ để bảo vệ được nguồn dữ liệu tránh bị mất.
4	- ***Nhân lực cho CĐS:*** *Nhận thức về CĐS ở mọi cấp, tổ đề án CĐS, năng lực số cho cán bộ quản lý giảng viên (trường, DN), người học*	
-	Nhận thức về CĐS ở mọi cấp, tổ đề án CĐS: Đa số đã nhận thức được tầm quan trọng của CĐS trong hoạt động GDNN tại trường	Đẩy mạnh tuyên truyền và nâng cao nhận thức về CĐS cho cán bộ, giảng viên, người học
-	Năng lực số cho cán bộ quản lý giảng viên (trường, DN): không có định biên cho nhân viên IT, có 2 nhà giáo có chuyên môn về IT kiêm nhiệm; tất cả các nhà giáo và cán bộ quản lý đều có thể sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy;	Cần một chuyên gia về chuyển đổi số để tư vấn và hỗ trợ triển khai thực hiện; Khi triển khai đào tạo trực tuyến diện rộng thì cần đội ngũ kỹ thuật viên về IT chuyên trách. Tập huấn cho nhà giáo về sử dụng các công cụ áp dụng dạy trực tuyến
-	Năng lực số cho người học: Một số người học không thể tiếp cận phương pháp dạy học trực tuyến vì hoàn cảnh khó khăn nên không thể trang bị các thiết bị phục vụ học tập;	Hướng dẫn cho người học về sử dụng các công cụ học tập trực tuyến Hỗ trợ phòng máy tính, học tập nhóm....
5	- **CĐS trong nội dung đào tạo** *Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0; CĐS ở giai đoạn đào tạo trong DN.*	
-	Chưa cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0;	- Chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong dạy học, tổ chức dạy học trực tuyến, số hóa tài liệu, học liệu….
-	Chưa thực hiện CĐS ở giai đoạn đào tạo trong DN.	- Chuyển đổi mô hình đào tạo truyền thống sang gắn kết doanh nghiệp, doanh nghiệp là trường thứ 2;

6	- **Thể chế, hành lang pháp lý** *Chính sách, văn bản quy định/chỉ đạo, lãnh đạo, văn hóa, chiến lược, khung đề án, quy trình… cho CĐS trong GDNN từ cấp vĩ mô đến vi mô.*	
-	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Cần có Chiến lược và Khung đề án *… cho CĐS trong GDNN* Nhà trường xây dựng chiến lược CĐS ngắn hạn, dài hạn
-	Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới	Phải thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn. Triển khai nền tảng chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, bảo đảm người học có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, khởi nghiệp và ngoại ngữ,… thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động với sự vào cuộc đồng bộ, trách nhiệm của cả hệ thống
-	Quyết định số 980/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới	Để việc thực thi chính sách hiệu quả thì cần phải có hệ thống các công cụ giám sát, quản lý và đảm bảo chất lượng đào tạo, cần phải được chuyển đổi sang số hóa cả về cách thức thực hiện, từ khâu lấy dữ liệu đầu vào cho đến khâu trích xuất dữ liệu đầu ra.

N* i n h B n : **HIỆU TRƯỞNG**

- GIZ;
- Sở LĐTBXH;
- **Lưu: VT, P. ĐTCTSV**

- Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II (TPHCM)

BỘ LAO ĐỘNG - TB & XH
TRƯỜNG CĐ KỸ NGHỆ II

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Phục vụ khảo sát nhu cầu chuyển đổi số tại trường Cao đẳng Kỹ nghệ II

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm (Lịch sử phát triển - ngắn gọn, cơ quan chủ quản, các cơ sở đào tạo và địa chỉ, cơ cấu tổ chức, ...)

- Lịch sử phát triển: Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II được thành lập theo Quyết định số 725/TBXH ngày 17/7/1978 của Bộ trưởng Bộ Thương binh và Xã hội với tên gọi Trường Dạy nghề thương binh Thủ Đức có chức năng nhiệm vụ là dạy nghề cho thương binh, bệnh binh trong phạm vi cả nước. Năm 1993 đổi tên trường thành Trường Dạy nghề Người tàn tật Trung ương II, đến năm 2001 đổi tên trường thành Trường Kỹ Nghệ II. Năm 2007 được nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2016 đổi thành Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II.
- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Cơ sở đào tạo: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II, Địa chỉ: 502 Đỗ Xuân Hợp, Phước Bình, TP Thủ Đức (Quận 9 cũ), TP.HCM.
- Cơ cấu tổ chức: Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II gồm: Hội đồng trường; Ban giám hiệu; 05 phòng, 08 khoa, 05 Trung tâm và 07 Bộ môn.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường được quy định tại Quyết định số 1894/QĐ-LĐTBXH ngày 05/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.
- Nhà trường thực hiện theo cơ chế tự chủ tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi

mới cơ chế hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ TP.HCM giai đoạn 2016-2019: Thực hiện tự chủ con người, tổ chức cán bộ, tài chính, chính sách học bổng, học phí, đầu tư mua sắm, cơ chế giám sát.... gắn với năng suất lao động.

1.3. Một số kết quả thực hiện

1.3.1. VXviếc mu mã ngành/nghXĽ ¨ ó o t

Việc thực hiện mở mã ngành đào tạo theo phân cấp tại quyết định số 538/QĐ-TTg, như sau:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo
1	Bảo hộ lao động	6850203	Trung cấp
2	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6510421	Cao đẳng
3	Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển trong công nghiệp	6520201	Cao đẳng
4	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	Trung cấp
5	Thiết kế thời trang	6210403 5210403	Cao đẳng Trung cấp
6	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207 5810207	Cao đẳng Trung cấp
7	Dược	6720401	Cao đẳng
8	Công tác xã hội	6760101	Cao đẳng
9	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	6510104 5510104	Cao đẳng Trung cấp

1.3.2. VXc h¯ * n g t r ³ơn h Ľ ¨ o t

Trước khi tự chủ việc thực hiện giảng dạy theo chương trình khung, việc tư duy gắn nội dung chương trình đào tạo với doanh nghiệp. Khi thực hiện tự chủ thì nhà trường đã xác định chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu sử dụng lao động theo chuẩn kỹ năng là cần thiết, cấp bách. Đó là một trong những nội dung của chương trình hành động đổi mới cơ chế hoạt động của trường. Kết quả:

- Cấu trúc lại toàn bộ 26 chương trình đào tạo theo mô đun kỹ năng nghề;
- Thực hiện chương trình đào tạo quốc tế cho nghề công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), nghề kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải;

- Số lượng chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định, có sự tham gia của doanh nghiệp, được ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-CĐKNII gồm: 24 chương trình hệ cao đẳng, 21 chương trình cao đẳng liên thông từ trung cấp và 24 chương trình hệ trung cấp;

- Số lượng chương trình đào tạo đã được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, thẩm định, được ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-CĐKNII gồm: 20 chương trình hệ cao đẳng, 15 chương trình cao đẳng liên thông từ trung cấp và 15 chương trình trung cấp;

- 34 chương trình đào tạo sơ cấp đã được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, thẩm định, ban hành theo Quyết định số 140/QĐ-CĐKNII;

- Công bố được 26 chuẩn đầu ra của 26 chương trình dạy nghề, được công bố cho người học, xã hội trước khi tuyển sinh;

- Các chương trình được công khai đến người học, phụ huynh học sinh và doanh nghiệp.

1.3.3. Về tình hình tuyển sinh và kết quả đào tạo

Nhà trường xác định giá trị cốt lõi: "chất lượng đào tạo là danh dự và thương hiệu của nhà trường". Nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ đối với người học là vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong trường. Coi trường là ngôi nhà chung của tất cả cán bộ viên chức, HSSV. Do vậy, việc lan tỏa thương hiệu và tuyển sinh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, tự giác, tích cực của cả cán bộ viên chức và HSSV.

Kết quả: Đã hình thành mạng lưới đào tạo Trường THPT – Trường dạy nghề – Doanh nghiệp – Tổ chức cung ứng lao động; Tổ chức nhiều hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông trên địa bàn quận 9, quận 2, quận Thủ Đức; Hình thành mô hình đào tạo giữa Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II gắn với Trung tâm GDNN – Giáo dục thường xuyên; tạo tiền đề cho công tác phân luồng trong hệ thống GDNN;

Khi chưa tự chủ nhà trường tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, việc tuyển sinh đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng thường xuyên kết quả thấp. Sau khi thực hiện tự chủ công tác tuyển sinh được đổi mới, kết quả trong ba năm thực hiện tự chủ đã giữ ổn định trình độ trung cấp, cao đẳng, còn về sơ cấp, đào tạo thường xuyên vượt chỉ tiêu so với chưa tự chủ, như:

- Năm 2016: Tuyển sinh Cao đẳng được 1.103 sinh viên; Trung cấp 465 học sinh; sơ cấp, thường xuyên 2.041 học viên;

- Năm 2017: Tuyển sinh Cao đẳng được 1.053 sinh viên; Trung cấp 1.746 học sinh; sơ cấp, thường xuyên 3.602 học viên;

- Năm 2018: Tuyển sinh Cao đẳng được 1.035 sinh viên; Trung cấp 777 học sinh; sơ cấp, thường xuyên 6.413 học viên;

- Năm 2019: (tính thời điểm tháng 09/2019): Tuyển sinh Cao đẳng được 1.268 sinh viên; Trung cấp 510 học sinh; sơ cấp, thường xuyên 1.672 học viên.

- Năm 2020: Cao đẳng: 1230/1000 sinh viên, Trung cấp: 476/600 học sinh, sơ cấp 5557/5.000 HV

1.3.4. Về kết quả đào tạo

Kết quả đào tạo tính đến tháng 9/2019: 25.948 HSSV; trong đó, Cao đẳng nghề 8.202 SV; Trung cấp nghề 5.294 HS; Sơ cấp nghề 184 HV; Thường xuyên 12.268 lượt người học. Kết quả tốt nghiệp tính đến tháng 9/2019: 14.637, trong đó, Cao đẳng 3.122 đạt tỷ lệ 96.3%; Trung cấp 557 đạt tỷ lệ 81.6%; Sơ cấp 284 đạt tỷ lệ 100%; Thường xuyên: 12.268 lượt người học. Chất lượng đào tạo được nâng lên khi thực hiện tự chủ, học sinh ra trường được đảm bảo việc làm, tỷ lệ việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp cao hơn khi chưa tự chủ, cụ thể: việc làm sau khi tốt nghiệp khi chưa tự chủ là 80% học sinh có việc làm, 10% học sinh tự tạo việc làm. Việc làm sau khi tự chủ được nâng lên là 92% học sinh có việc làm, 7% học sinh tự tạo việc làm. Ngoài ra, trong năm 2018 nhà trường cam kết 100% học sinh học tập tại trường được bảo đảm việc làm 100%.

- Riêng 2019-2020, tổng số HSSV đào tạo năm học với các trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, Thường xuyên là: 7.900 HSSV trong đó :

+ Cao đẳng, Trung cấp: 1675hssv (Cao đẳng: 1.419sv; Trung cấp: 256hs)

+ Cao đẳng, trung cấp cơ sở ngoài: 1158 tại các tỉnh Phú Yên, Bình Dương, Bình Thạnh, Cam Ranh, Hậu giang, Thủ Đức, Quận 2, Quận 9, Quận Bình Tân, Bến tre, Bình Phước.

+ Đào tạo Sơ cấp, thường xuyên: 5554 lượt/5000 lượt – đạt tỉ lệ 111,08%

+ Tổng số HSSV tốt nghiệp năm 2019 -2020 tính tại trường và các cơ sở ngoài: 1.282/1.343 – tỉ lệ đạt tốt nghiệp 95,5% đạt theo mục tiêu đề ra.

V Cao đẳng: 765/803 đạt tỉ lệ 95,3%.

V Trung cấp: 517/540 đạt tỉ lệ 95,74%.

+ Hợp đồng đào tạo thường xuyên và theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp được 15 hợp đồng, nhiều doanh nghiệp ký kết.

Chất lượng đào tạo được nâng lên khi thực hiện tự chủ, học sinh ra trường được đảm bảo việc làm, tỷ lệ việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp cao hơn khi chưa tự chủ, cụ thể: việc làm sau khi tốt nghiệp khi chưa tự chủ là 80% học sinh có việc làm, 10% học sinh tự tạo việc làm. Việc làm sau khi tự chủ được nâng lên là 92% học sinh có việc làm, 7% học sinh tự tạo việc làm. Ngoài ra, trong năm 2018 nhà trường cam kết 100% học sinh học tập tại trường được bảo đảm việc làm 100%.

1.3.5. Về các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế được tăng cường, số lượng đề tài khoa học, các dự án, bài báo khoa học được tăng lên so với trước khi tự chủ là: Triển khai quản lý thực hiện hiện 03 đề tài khoa học cấp bộ, 16 đề tài khoa học và công nghệ cấp trường và 26 sáng kiến cải tiến kỹ thuật; 42 bài báo, bài viết đăng trên tạp chí khoa học, tập san; có 10 bài báo được đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế; Tiếp nhận chương trình học bổng Intel cho Nữ sinh kỹ thuật, chương trình học bổng tiếng anh, học bổng Đài Loan cho sinh viên; Triển khai các cuộc thi sáng tạo khoa học trong HSSV, bước đầu có những kết quả ý nghĩa và thực tiễn.

- Hợp tác quốc tế đã đạt được như sau: Trường tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế như: Tổ chức JICA - Nhật Bản, Dự án GIZ – Đức, Dự án Aus4skill – Úc; Các giáo viên các khoa tham gia học tập bồi dưỡng ở các nước: Nhật bản (2 người), Úc (9 người), Đức (14 người), Thái Lan (1 người), Hàn Quốc (2 người), Phối hợp với các Khoa Điện – điện tử, Cơ khí triển khai các lớp TOT dự án HaUI- JICA; Triển khai chương trình hợp tác Bộ LĐTBXH VN và Bộ LĐPLXH Lào đào tạo 15 học viên cán bộ Lào về bảo hộ lao động; Triển khai đào tạo thí điểm các chương trình Ứng dụng phần Mềm (tiêu chuẩn Úc), nghề xử lý nước thải công nghiệp (tiêu chuẩn Đức); Tham mưu lãnh đạo trường tham gia Hội thảo quốc tế về GDNN tại các nước ASEAN, Tham dự Hội thảo VEEC, BUILD-IT; Làm việc với tập đoàn Phoenix Contact, CHLB Đức hỗ trợ thiết bị đào tạo công nghệ 4.0; Xây dựng chương trình đào tạo Logistics theo chuẩn APPEC - dự án Aus4skills – Úc; Hợp tác với Trường Đại học Nam Đài (Đài Loan) đưa 03 sinh viên tham gia chương trình du học quốc tế ngành tự động hóa công nghiệp.

- Năm 2020, Tiếp tục hợp tác với các đối tác truyền thống Đại học Arizona (Hoa kỳ), Dự án GIZ (Cộng hòa LB Đức), Học viện Chishom (Úc), Dự án Jica (Nhật bản) Aus4Skills của Chương trình Úc và các đối tác mới, cụ thể:

+ Dự án EMVITET - Phần Lan (thuộc Chương trình Co-funded by the Erasmus + Programme of the European Union): là chương trình nhằm Tăng cường năng lực cho giáo viên Việt Nam phát triển hướng tới giáo dục 4.0. Hiện tại đang có 05 giáo viên nồng cốt được dự án đào tạo một cách bài bản thông qua các đợt tập huấn trực tiếp ở nước ngoài và đã tập huấn cho giáo viên toàn trường về dạy học trực tuyến mang lại giá trị cao về nhận thức cũng như phương pháp dạy học trực tuyến. Ngày 25/11/2020, Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II đã phối hợp với Trường Đại học Lạc Hồng tổ chức thành công buổi hội thảo trực tuyến về việc “Đánh giá trực tuyến”.

+ Dự án Kenan: Tổ chức Kenan đã và đang triển khai nhiều chương trình Tăng cường giáo dục khoa học, đổi mới giáo dục và dạy nghề cho thanh niên

tại Việt Nam. Dự án được ký kết hợp tác tại trường Cao đẳng Kỹ nghệ II vào năm 2020 và đang được triển khai theo kế hoạch với sự phối hợp của các trường THCS trên địa bàn TP.HCM.

+ Dự án Jeonju: đây là dự án hợp tác liên kết đào tạo, giao lưu giữa sinh viên và cán bộ giáo viên tại 2 trường, nhằm mục đích chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động giáo dục. Chương trình hợp tác được thực hiện từ năm 2019. Đến nay, trường đã tiến hành hỗ trợ tuyển sinh và có chuyến tham quan tại trường Jeonju.

+ Dự án SongGok: Trường SongGok có thế mạnh về khối ngành Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn. Trường ĐH SongGok và CĐKNII đã tiến hành trao đổi, thỏa thuận một số vấn đề chung trong chương trình hợp tác, đã thực hiện ký MOU và vẫn đang tiếp tục thảo luận chi tiết về chương trình hợp tác trong thời gian tới.

1.3.6. Về liên doanh liên kết, sản xuất, kinh doanh dịch vụ gắn với đào tạo

Trước khi thực hiện tự chủ thì hoạt động này chưa được phát huy, triển khai mạnh mẽ, từ khi thực hiện quyết định số 538/ QĐ – TTg thì nhiệm vụ này được khai thác triệt để, phát huy các lợi thế của nhà trường gắn kết với các tổ chức để phối hợp cá hoạt động gắn với đào tạo, kết quả đạt được như sau:

- Phối hợp với 01 trường đại học đặt phân hiệu trong trường, ký hợp tác toàn diện với 03 trường đại học nhằm tạo đầu ra cho học sinh muốn liên thông sau khi tốt nghiệp;

- Ký hợp tác toàn diện 5 doanh nghiệp cùng khai thác cơ sở vật chất, tạo vị trí thực tập, việc làm cho sinh viên, sản phẩm từ sinh viên làm được sẽ được doanh nghiệp bán ra thị trường.

- Hợp tác với hơn 60 công ty, doanh nghiệp về đào tạo theo modun, tỉ lệ 100% HSSV đã được thực tập đúng nghề.

1.3.7. Về đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp

Trước khi thực hiện tự chủ thì nhiệm vụ này không được thực hiện thường xuyên, liên tục, không gắn kết doanh nghiệp với trách nhiệm đào tạo, chỉ hỗ trợ công tác đào tạo. Khi thực hiện tự chủ thì “Đào tạo liên kết giữa trường và doanh nghiệp” là vấn đề “sống còn” của nhà trường. Với phương châm “Trường và doanh nghiệp là hai thành tố của thị trường lao động”. Kết quả:

- Chuyển đổi 26 nghề đào tạo theo mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp, tập trung đào tạo bồi dưỡng, thường xuyên và đào tạo chất lượng cao;

- Chuyển 40% modul, môn học của chương trình đào tạo xuống doanh nghiệp đào tạo;

- 20 cán bộ kỹ thuật các doanh nghiệp tham gia giảng dạy tại trường;

- Ký được 15 hợp đồng cung ứng lao động với nhiều doanh nghiệp;
- Mỗi khoa lựa chọn được ít nhất là 5 “doanh nghiệp chiến lược”;
- Ký 10 hợp đồng đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp.

1.3.8. Công tác Đảm bảo chất lượng

- Tiếp tục vận hành hệ thống ĐBCL theo quy định của TCGDNN, rà soát cải tiến, nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí đã đạt; xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt.
- Thực hiện đánh giá ngoài chất lượng nhà trường; kết quả ban đầu Đạt chuẩn của TCGDNN.
- Thực hiện đánh giá ngoài chất lượng CTĐT ngành CN Ô tô, hệ cao đẳng; kết quả ban đầu Đạt chuẩn của TCGDNN.

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo)

Trước khi tự chủ việc thực hiện giảng dạy theo chương trình khung, việc tư duy gắn nội dung chương trình đào tạo với doanh nghiệp. Khi thực hiện tự chủ thì nhà trường đã xác định chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu sử dụng lao động theo chuẩn kỹ năng là cần thiết, cấp bách. Đó là một trong những nội dung của chương trình hành động đổi mới cơ chế hoạt động của trường. Kết quả:

- Cấu trúc lại toàn bộ 26 chương trình đào tạo theo mô đun kỹ năng nghề;
- Thực hiện chương trình đào tạo quốc tế cho nghề công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), nghề kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải;
- Số lượng chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định, có sự tham gia của doanh nghiệp, được ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-CĐKNII gồm: 24 chương trình hệ cao đẳng, 21 chương trình cao đẳng liên thông từ trung cấp và 24 chương trình hệ trung cấp;
- Số lượng chương trình đào tạo đã được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, thẩm định, được ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-CĐKNII gồm: 20 chương trình hệ cao đẳng, 15 chương trình cao đẳng liên thông từ trung cấp và 15 chương trình trung cấp;
- 34 chương trình đào tạo sơ cấp đã được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, thẩm định, ban hành theo Quyết định số 140/QĐ-CĐKNII;
- Công bố được 26 chuẩn đầu ra của 26 chương trình dạy nghề, được công bố cho người học, xã hội trước khi tuyển sinh;
- Các chương trình được công khai đến người học, phụ huynh học sinh và doanh nghiệp.

1.4.1. Nghề đào tạo và trình độ đào tạo:

× Trình độ cao đẳng nghề:

1. Quản trị doanh nghiệp

2. Kế toán doanh nghiệp
3. Tài chính tín dụng
4. Quản trị nhà hàng
5. May thời trang
6. Thiết kế thời trang
7. Xử lý nước thải công nghiệp
8. Điện tử công nghiệp
9. Cơ điện tử
10. Điện lạnh
11. Điện công nghiệp
12. Kỹ thuật xây dựng
13. Công nghệ Ô tô
14. Cắt gọt kim loại
15. Hàn
16. Quản trị mạng máy tính
17. Thiết kế đồ họa
18. Ứng dụng phần mềm
19. Dược sỹ
20. Điều dưỡng
21. Bảo hộ Lao động
22. Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển trong công nghiệp
23. Công nghệ môi trường
24. Công tác xã hội
25. Kỹ thuật chế biến món ăn

× Trình độ trung cấp nghề:

1. Quản trị doanh nghiệp
2. Kế toán doanh nghiệp
3. Tài chính tín dụng
4. Quản trị nhà hàng
5. May thời trang
6. Thiết kế thời trang
7. Xử lý nước thải công nghiệp
8. Điện tử công nghiệp
9. Cơ điện tử
10. Điện lạnh
11. Điện công nghiệp
12. Kỹ thuật xây dựng
13. Công nghệ Ô tô

14. Cắt gọt kim loại
15. Hàn
16. Quản trị mạng máy tính
17. Thiết kế đồ họa
18. Ứng dụng phần mềm
19. Điều dưỡng
20. Bảo vệ
21. Bảo hộ Lao động
22. Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển trong công nghiệp
23. Công nghệ môi trường
24. Công tác xã hội
25. Kỹ thuật chế biến món ăn

× Trình độ sơ cấp nghề:

Tất cả các nghề

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên

1.5.1. Số lượng cán bộ, giảng viên:

Số lượng:

- Tính đến tháng 12 năm 2020: 119 người.
- Biên chế: 39 người.
- HĐLĐ: 80 người.
- Nam: 62 người.
- Nữ : 57 người.

Chất lượng:

- Tiến sĩ: 02 (đạt tỷ lệ 1.68%).
- Thạc sĩ: 60 (đạt tỷ lệ 50.42%).
- Đại học: 50 (đạt tỷ lệ 42.02%).
- Cao đẳng: 02 (đạt tỷ lệ 1.68%).
- Trình độ khác: 05 (đạt tỷ lệ 4.20%).

1.5.2. Số lượng sinh viên, cựu sinh viên

× Số lượng sinh viên

TT	Loại hình đào tạo	Tổng cộng	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Cao đẳng (tốt nghiệp THPT)	2,458	577	577	664	640
2	Cao đẳng (tốt nghiệp THCS)	1,122	-	-	644	478

3	Cao đẳng (văn bằng 2)	112	42	33	37	-
4	Trung cấp (tốt nghiệp THPT)	-	-	-	-	-
5	Trung cấp (tốt nghiệp THCS)	2,566	1,099	639	374	454
6	Liên thông lên trung cấp từ Sơ cấp	-	-	-	-	-
7	Liên thông lên cao đẳng từ Trung cấp	340	116	83	87	54
8	Sơ cấp	5,341	-	1,460	1,246	2,635
9	Thường xuyên	8,339	180	3,078	4,118	963
	Tổng cộng	**20,278**	**2,014**	**5,870**	**7,170**	**5,224**

× Số lượng cựu sinh viên

Đối với sinh viên, thống kê theo mẫu dưới đây:

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	1.500	3000
Trung cấp	260	1000
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	5.500	20.000
Hệ khác (nêu rõ):	1.200	6.000
Tổng:	**8.460**	**30.000**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

Mục tiêu chiến lược

Đến năm 2025, Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II trở thành một cơ sở giáo dục chất lượng cao, hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm; đồng thời tăng trách nhiệm giải trình trước xã hội và không làm giảm cơ hội tiếp cận học nghề tại Trường của các đối tượng chính sách một cơ sở giáo dục trọng điểm quốc gia uy tín hàng đầu, có vai trò tiên phong trong hệ thống GDNN, tiếp cận được trình độ đào tạo ở các nước trong khu vực và quốc tế.

Sứ mệnh:

Trường Cao đẳng Kỹ Nghệ II cung cấp dịch vụ chất lượng cao về GDNN; nghiên cứu và ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mục tiêu chiến lược

Nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo, địa điểm đào tạo hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng hóa của thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Lĩnh vực trọng tâm/ưu tiên phát triển, quy mô đào tạo, định vị vị thế/vai trò nhà trường trong 3 năm, 5 năm, hoặc 10 năm tới trong xã hội: tất cả các lĩnh vực

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Nhà trường đang xây dựng Đề án: **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ II ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN 2040**

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

Đề nghị nhà trường phân tích và điền thông tin về thực trạng điểm mạnh, điểm yếu, có hội, thách thức gắn với 06 khía cạnh của CĐS theo khung dưới đây:

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)</td><td>ĐIỂM MẠNH</td><td>ĐIỂM YẾU</td><td rowspan="2">(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)</td></tr>
<tr><td>- Đa ngành, đa lĩnh vực và hình thức đào tạo, trong đó kỹ thuật là thế mạnh
và mũi nhọn.
- Đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, là nhân tố quan trọng để kết
nối các hoạt động trong đào tạo và nghiên cứu.
- Là một trong 45 trường được Thủ tướng phê duyệt trường dạy nghề chất
lượng cao.
- Đã có trên 40 năm đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã
hội của cả nước.
- Nhiều sinh viên của trường tốt</td><td>- Chương trình đào tạo chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học
– công nghệ và hội nhập, thiếu trang bị kỹ năng mềm, chưa phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học.
- Chưa có chương trình đạt chuẩn khu vực và chưa có nhiều chương trình có tính cạnh tranh cao.
- Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong đào tạo và KHCN chưa
đáp ứng yêu cầu. Chiến lược hoạt động KHCN chưa được định kỳ điều</td></tr>
</table>

	nghiệp giữ các vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động. - Cơ sở vật chất kỹ thuật đáo ứng được quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu khoa học. - Duy trì sự phù hợp giữa quy mô đào tạo với các điều kiện đảm bảo chất lượng. - Luôn luôn tự đổi mới. - Được Chính phủ, Bộ lao động – Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quan tâm trong việc thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của trường; - Đội ngũ CBVC trẻ, năng động, sáng tạo; - Nhà trường đã hình thành mạng lưới doanh nghiệp chiến lược trong đào tạo, mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp; - Hệ thống các văn bản pháp lý của nhà trường cơ bản hoàn chỉnh. - Nhà trường đã hình thành mạng lưới đào tạo Trường THPT – Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II – Doanh nghiệp – - Tổ chức cung ứng lao động.	chỉnh cho phù hợp với thực tiễn. -Tin học hóa quản lý nhà trường chưa đáp ứng các yêu trước bối cảnh CN 4.0. - Dịch vụ tư vấn/hỗ trợ SV chưa đầy đủ và hiệu quả. Việc điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng và cựu SV chưa được chú ý đúng mức. - Sự gắn kết các hoạt động với các hoạt động chuyên môn của Khoa và Bộ môn còn yếu. Chưa thu hút được nhiều SV tham gia các hoạt động KHCN. - Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo chưa được đầu tư đúng mức. - Năng lực nghiên cứu và giảng dạy của một bộ phận GV còn hạn chế. - Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của GV. Tỷ lệ GV chủ trì đề tài NCKH, bài báo khoa học trên tổng số GV còn thấp. - Chưa có nhiều chuyên gia có uy tín để tổ chức đào tạo, NCKH, dịch vụ KHCN và bồi dưỡng giảng viên trẻ. Chưa có nhiều GV có năng lực kết nối, hợp tác trong nước và nước ngoài. Trình độ ngoại ngữ, kĩ năng giao tiếp quốc tế	

		còn yếu. - Một bộ phận CBCNV,GV còn thiếu chuyên nghiệp, chưa thực sự coi SV là đối tượng được phục vụ. - Thư viện chưa có nhiều dữ liệu và tạp chí chuyên ngành nước ngoài có uy tín để phục vụ đào tạo và NCKH. Mối liên kết với các Thư viện ngoài trường chưa được thực hiện. Hệ thống mạng nội bộ chưa ổn định. - Chưa khai thác được lợi thế của một trường được giao thí điểm tự chủ theo quyết định số 538/QĐ-TTg. - Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích GV, SV tích cực quan hệ, kết nối và tìm kiếm các dự án trong và ngoài nước.Chưa xây dựng được nhiều hợp tác bền vững và hiệu quả với các địa phương, trường, viện NC, doanh nghiệp . ..	
	CƠ HỘI - Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017, cơ chế tự chủ này được thực hiện tới khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; - Quy luật cung – cầu đã hình thành trong đào tạo nguồn nhân lực;	**THÁCH THỨC** - Xu hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp đặt ra yêu cầu nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”. - Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của giáo dục nghề nghiệp ngày càng cao.	

	- Hệ thống giáo dục quốc dân được hình thành, thống nhất các trình độ đào tạo. - Được Chính phủ, Bộ lao động – Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp quan tâm trong việc thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; - Thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; - Nhận thức của người học, xã hội dần thay đổi về giáo dục nghề nghiệp; - Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng; - Kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông; - Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng. - Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng. - Nhà trường đã hình thành mạng lưới đào tạo Trường THPT	- Cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng gia tăng. - Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí cho đào tạo thấp. - Một số chính sách của Nhà nước về điều tiết đào tạo, sử dụng nhân lực và khoa học công nghệ còn bất cập. - Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình rõ nét. - Đầu tư của Nhà nước cho đào tạo và khoa học công nghệ còn thấp. - Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp. - Vẫn còn một số cán bộ, đặc biệt là lãnh đạo mang dáng dấp bao cấp chậm đổi mới lúng túng, hiệu quả thấp khi thực hiện nhiệm vụ.	

	– Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II – Doanh nghiệp – Tổ chức cung ứng lao động.		
	(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)		

3.3. Thực trạng và đích đến

Tổng diện tích mặt bằng 30.425 m2, diện tích xây dựng 16.325 m2, trong đó: 20 phòng học lý thuyết với diện tích 5.000 m2, 47 phòng, xưởng thực hành với diện tích 10.000 m2, 01 tòa nhà thí nghiệm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ với diện tích 10.000 m2, 01 phòng thư viện đang sửa chữa, 01 ký túc xá sức chứa 560 học sinh, sinh viên nội trú, nhà ăn phục vụ cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, Khu hành chính, hiệu bộ với tổng diện tích 1000 m2, Thiết bị theo từng nghề đảm bảo theo yêu cầu đào tạo.

× Chiến lược nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II

Nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia.

- Mục tiêu chiến lược phát triển cơ sở vật chất: Xây dựng nhà xưởng, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

- Mục tiêu chiến lược phát triển đội ngũ: Xây dựng đội ngũ giáo viên, CNV có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, đảm bảo sự phát triển chung của trường.

- Mục tiêu chiến lược nghiên cứu ứng dụng, tư vấn chuyển giao công nghệ

và tổ chức sản xuất: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong một số ngành trọng điểm, như: Điện công nghiệp, Cắt gọt kim loại, Công nghệ Ôtô, Hàn, Dược, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Điện tử công nghiệp. Tăng dần nguồn thu từ khoa học công nghệ và dịch vụ trong tổng nguồn thu của Trường.

- Mục tiêu chiến lược quản lý học sinh, sinh viên: Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để HSSV phát triển toàn diện về trí tuệ, năng lực, thể chất có tri thức và kỹ năng nghề, đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Mục tiêu chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận

hành trường: Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiên tiến, hình thành một môi trường giáo dục, học tập thông minh, thân thiện.

- Mục tiêu chiến lược liên kết và hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước: Tăng cường liên kết và hợp tác với các doanh nghiệp,

các cơ sở GDNN và các cấp chính quyền, đoàn thể trong, ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước phát triển.

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	- Hệ thống Sever HVCT (cũ)	Phát triển hệ thống đáp ứng phát triển nền tảng số theo quy định
-	- Chưa có	Quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, cơ chế khuyến khích; nhập học, khảo thí và đảm bảo chất lượng; dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và giảng viên; hòa nhập và bình đẳng giới.
-	- Hệ thống phân mềm quản lý đào tạo	
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Chưa có	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục theo khung quy định: phương pháp dạy và học, học liệu số: Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy, phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy, tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập - gamification,
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	- Hệ thống Sever HVCT (cũ)	Đầu tư hệ thống thiệt bị đáp ứng chuyển đổi số cho HVCT, trục liên thông CĐS
-	- Chưa có	- Phân mềm quản lý công việc
-	- Chưa có	- Các phần mềm quản lý đào tạo theo khung của Chính phủ và Bộ LĐTBXH - Hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây, mạng nội bộ/internet, ứng dụng

		(mobile apps), công nghệ dạy và học tiên tiến khác, 2) Phần cứng: công cụ/thiết bị số, server, phòng lap, thiết bị; 3) An ninh mạng và bảo về dữ liệu
4	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Chưa có	Hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây, mạng nội bộ/internet, ứng dụng (mobile apps), công nghệ dạy và học tiên tiến khác, 2) Phần cứng: công cụ/thiết bị số, server, phòng lap, thiết bị; 3) An ninh mạng và bảo về dữ liệu
-	Chứa có	Quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, cơ chế khuyến khích; nhập học, khảo thí và đảm bảo chất lượng; dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và giảng viên; hòa nhập và bình đẳng giới
-		
5	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Chưa có	- Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy, phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy, tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập - gamification,
-		Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần tứ tư/nền kinh tế 4.0; CĐS ở giai đoạn đào tạo trong DN.
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Chưa có	- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành

-		- Hệ thống phần mềm một cửa điển tử liên thông
-		- Chính sách, văn bản quy định/chỉ đạo, lãnh đạo, văn hóa, chiến lược, khung đề án, quy trình… cho CĐS trong GDNN từ cấp vĩ mô đến vi mô.

Trân trọng./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- TCGDNN (để b/c);
- SLĐTBXH (để b/c);
- Đ/U, HĐT, BGH (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- GIZ (để phối hợp).
- Lưu VT

- Cao đẳng Công nghề Quốc tế LILAMA 2

BÁO CÁO TỔNG HỢP

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm (Lịch sử phát triển - ngắn gọn, cơ quan chủ quản, các cơ sở đào tạo và địa chỉ, cơ cấu tổ chức, ...)

- Tên nhà Trường: Trường Cao Công nghệ Quốc tế LILAMA 2
- Thành lập năm 1986, trực thuộc Bộ Xây dựng
- Tên giao dịch nước ngoài: LILAMA 2 International Technology College
- Trụ sở hoạt động: Km32, Quốc lộ 51, Long Thành, Đồng Nai
- Điện thoại: 2513558700 – Fax: 02513558711
- Email: headoffice.lilama2.edu.vn – Website: www.lilama2.edu.com1.2.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường.

- Trường Cao Công nghệ Quốc tế LILAMA 2 là đơn vị sự nghiệp đào tạo, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc, kinh phí hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần gồm: Kinh phí nhà nước cấp, thu học phí, thu hoạt động dịch vụ và các khoản thu khác.
- Lập kế hoạch 5 năm, hàng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ công tác của Trường.
- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm, tổ chức tuyển sinh học nghề theo kế hoạch.
- Tổ chức các hoạt động dạy và học, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các tổ chức giáo dục và đào tạo quốc tế mà Trường là thành viên hoặc có liên kết, hợp tác đào tạo (đối với các chứng chỉ cấp quốc tế).
- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ, viên chức của Trường đủ đảm bảo về số lượng, phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ khoa học kỹ thuật theo quy định của pháp luật.
- Hợp tác, liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong

hoạt động dạy nghề, hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; phối hợp với các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức và gia đình người học nghề trong tổ chức hoạt động dạy nghề.
- Tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp, tổ chức cho các giáo viên, cán bộ, viên chức và người học nghề tại nhà Trường tham gia các hoạt động xã hội.
- Thực hiện dân chủ, công khai trong hoạt động dạy nghề, hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác tại nhà Trường.
- Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với giáo viên, cán bộ, viên chức theo phân cấp hoặc thẩm quyền quản lý của Trường.
- Quản lý tài chính, tài sản được giao, quản lý các hoạt động có thu của nhà Trường theo quy định của pháp luật và Bộ Xây dựng.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ Xây dựng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tình hình tổ chức, hoạt động và các lĩnh vực công tác của nhà Trường.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Trường Cao đẳng nghề công lập theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao

1.3. Một số kết quả thực hiện.

- Năm 2008 được công nhận là thành viên của Hiệp Hội Hàn Hoa Kỳ (AWS: American Welding Society).
- Năm 2008 được Hội đồng nghề Vương Quốc Anh - City & Guilds cho phép thành lập Trung tâm đào tạo và cấp chứng chỉ Sư phạm nghề Quốc tế đầu tiên tại Việt Nam.
- Năm 2009 được công nhận là Trung tâm đào tạo đánh giá và cấp chứng chỉ thợ hàn quốc tế (ATF) của Hiệp hội Hàn Hoa Kỳ - AWS.
- Năm 2010 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1057/QĐ-BXD ngày 03/12/2010 chuyển Trường Cao đẳng nghề LILAMA2 về trực thuộc Bộ Xây dựng.
- Năm 2013 hợp tác với Công ty Bosch – Đức đào tạo theo mô hình kép (Dual System).
- Năm 2014 là thành viên của Hiệp hội Đào tạo nghề Châu Âu – EVBB (European Association of Institutes of Vocational Training).

- Năm 2015 được Thủ tướng cho phép đào tạo thí điểm kỹ sư thực hành level 6 khung 8 bậc của UNESCO – ISCED 2011.
- Năm 2016 Được Chính phủ ban hành Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 04/04/2016 cho phép thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo cơ chế tự chủ.
- Năm 2017 được Bộ LĐTBXH đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA 2.

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo)

Stt	Ngành nghề đào tạo	Mã ngành, nghề
1	Hàn	6520123
2	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104
3	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6520113
4	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	6520103
5	Cắt gọt kim loại	6520151
6	Điện công nghiệp	6520227
7	Điện tử công nghiệp	6520225
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong CN	6520201
9	Cơ điện tử	6520263
10	Lắp ráp và sửa chữa máy tính	6480102
11	Kế toán doanh nghiệp	6340302
12	Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông	6520219
13	Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến	6520221
14	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417
15	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	6520151
16	Bảo trì thiết bị cơ điện	6520149
17	Tin Học văn phòng	6480203
18	Công nghệ Ô tô	5510216
19	Vận hành cần trục	5520182
20	Vẽ và thiết kế trên máy tính	6480213
21	Tự động hóa công nghiệp	6520264
22	Sư phạm dạy nghề	

23	Dạy nghề lái xe B1, B2, C	
24	Autocad	
25	Tin học văn phòng căn bản	
26	Vận hành xe nâng	
27	BD trình độ Anh văn tương đương A 1	
28	Vận hành cần trục	

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên

- Tiến sĩ 2
- Thạc sĩ 75
- Đại học 73
- Cao đẳng 1
- Công nhân bậc cao 2

Tổng số 153

Đối với sinh viên, thống kê theo mẫu dưới đây:

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	2.939	3.400
Trung cấp	3.075	3.600
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	3.850	4.500
Hệ khác (nêu rõ):		
Tổng:	**9.864**	**11.500**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược (ngắn và dài hạn), lĩnh vực trọng tâm/ưu tiên phát triển, quy mô đào tạo, định vị vị thế/vai trò nhà trường trong 3 năm, 5 năm, hoặc 10 năm tới trong xã hội.

Phát triển đồng bộ mô hình 6 yếu tố để nâng cao chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế: Đội ngũ giảng viên; Chương trình, giáo trình; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Cán bộ quản lý; Hệ thống đảm bảo chất lượng; Môi trường văn minh công nghiệp và hội nhập quốc tế để: “Đóng góp nguồn nhân lực kỹ năng cao nhằm phát triển xã hội bền vững”. Góp phần đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng quốc tế cho đội ngũ giáo viên đồng thời là cầu nối trong hội nhập quốc tế của hệ thống GDNN Việt Nam.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

- Nếu nhà trường đã xây dựng Chiến lược/Kế hoạch hoạt động CĐS (ngắn và dài hạn), đề nghị tóm tắt nội dung, hoặc gửi riêng tài liệu cho GIZ/Chuyên gia
- Nếu nhà trường chưa xây dựng Chiến lược/Kế hoạch hoạt động CĐS, đề nghị cung cấp thông tin về chủ trương/định hướng/mục tiêu/quan điểm của nhà trường về CĐS? Và chủ trương/định hướng… trên đã được/chưa được lồng ghép vào Chiến lược phát triển tổng thể của nhà trường?

1. Ứng dụng CNTT đồng bộ trong công tác quản lý: Đào tạo, Nhân sự, Cơ sở vật chất, thư viện điện tử, tài chính, HSSV....
2. Có một hệ thống hạ tầng đồng bộ phần cứng và phần mềm.
3. Áp dụng đến tất cả các bộ phận, cá nhân trong toàn trường

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

Đề nghị nhà trường phân tích và điền thông tin về thực trạng điểm mạnh, điểm yếu, có hội, thách thức gắn với 06 khía cạnh của CĐS theo khung dưới đây:

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố</td><td>ĐIỂM MẠNH
- Đã sớm tiếp cận CĐS
- Có hạ tầng ban đầu CĐS
- Tư duy quản lý cởi mở và năng động đối với các vấn đề CĐS
- Kết nối tốt với các tổ chức và các cơ sở GDNN trong nước
- Hợp tác với các đối tác quốc tế</td><td>ĐIỂM YẾU
- Hạ tầng CĐS chưa đáp ứng
- CĐS chưa toàn diện trên từng cá nhân
- Hạn chế về tiếng Anh</td><td rowspan="2">(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố</td></tr>
<tr><td>CƠ HỘI
- Giảng viên trẻ sẵn sàng học hỏi
- Nằm trong một môi trường năng động về kinh tế</td><td>THÁCH THỨC
- Bảo mật dữ liệu</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="2">(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)</td><td></td></tr>
</table>

3.3.Thực trạng và đích đến

Chiến lược CĐS được xây dựng trên cơ sở xác định **thực trạng** và **mục tiêu cụ thể** trong mỗi khía cạnh của CĐS tại nhà trường. Để hoạt động tìm hiểu thực tế (fact-finding) và tư vấn bước đầu của các chuyên gia được hiệu quả

và phù hợp với điều kiện của nhà trường, đoàn công tác rất mong nhận được phân tích thực trạng và đích đến theo gợi ý dưới đây:

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Đã sử dụng CNTT trong QL nhân sự	Số hoá và khai tháctoàn bộ HS nhân sự.
-	Đã sử dụng CNTT trong QL Đào tạo	Số hoá và khai tháctoàn bộ HS trong quản lý đào tạo.
-	Đã sử dụng CNTT trong QL Hồ sơ học tập HSSV và tài liệu của giáo viên	
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Sử dụng hồ sơ bài giảng tài liêu dạy học trên hệ thống E_learning của nhà trường	Tạo một học liệu số đa dạng để sinh viên, giảng viên khai thác
-	HSSV có E_Portfolio	
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	Có hệ thống Server vật lý	Có một hệ thống hạ tầng đồng bộ phần cứng và phần mềm
-	Có hệ thống database của nhà trường	
-	Sử dụng các phần mềm khai thác database	
5	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Sử dụng hồ sơ bài giảng tài liêu dạy học trên hệ thống E_learning của nhà trường	Tạo một học liệu số đa dạng để sinh viên, giảng viên khai thác
-	HSSV có E_Portfolio	
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Giáo viên phải đăng bài giảng trên hệ thống nhà trường	Nền tảng học trực tuyến bao gồm nhiều tài liệu giảng dạy

- Trường CĐ Cơ giới Thủy lời (VCMI)

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI VÀ THỦY LỢI

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm

1.1.1. Lịch sử phát triển

- Ngày 28/8/1976: Thành lập Trường công nhân Cơ giới 3.
- Năm 2016: Nâng cấp Trường công nhân Cơ giới 3 thành Trường trung cấp Cơ điện và Thủy lợi.
- Năm 2008: Nâng cấp Trường trung cấp Cơ điện và Thủy lợi thành Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi
- Năm 2018: Đổi tên Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi thành Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi. Sáp nhập Trường trung cấp Cơ điện Đông Nam Bộ vào Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi.

1.1.2. Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.1.3. Địa chỉ: Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

1.1.4. Cơ sở đào tạo: Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.1.5. Cơ cấu tổ chức

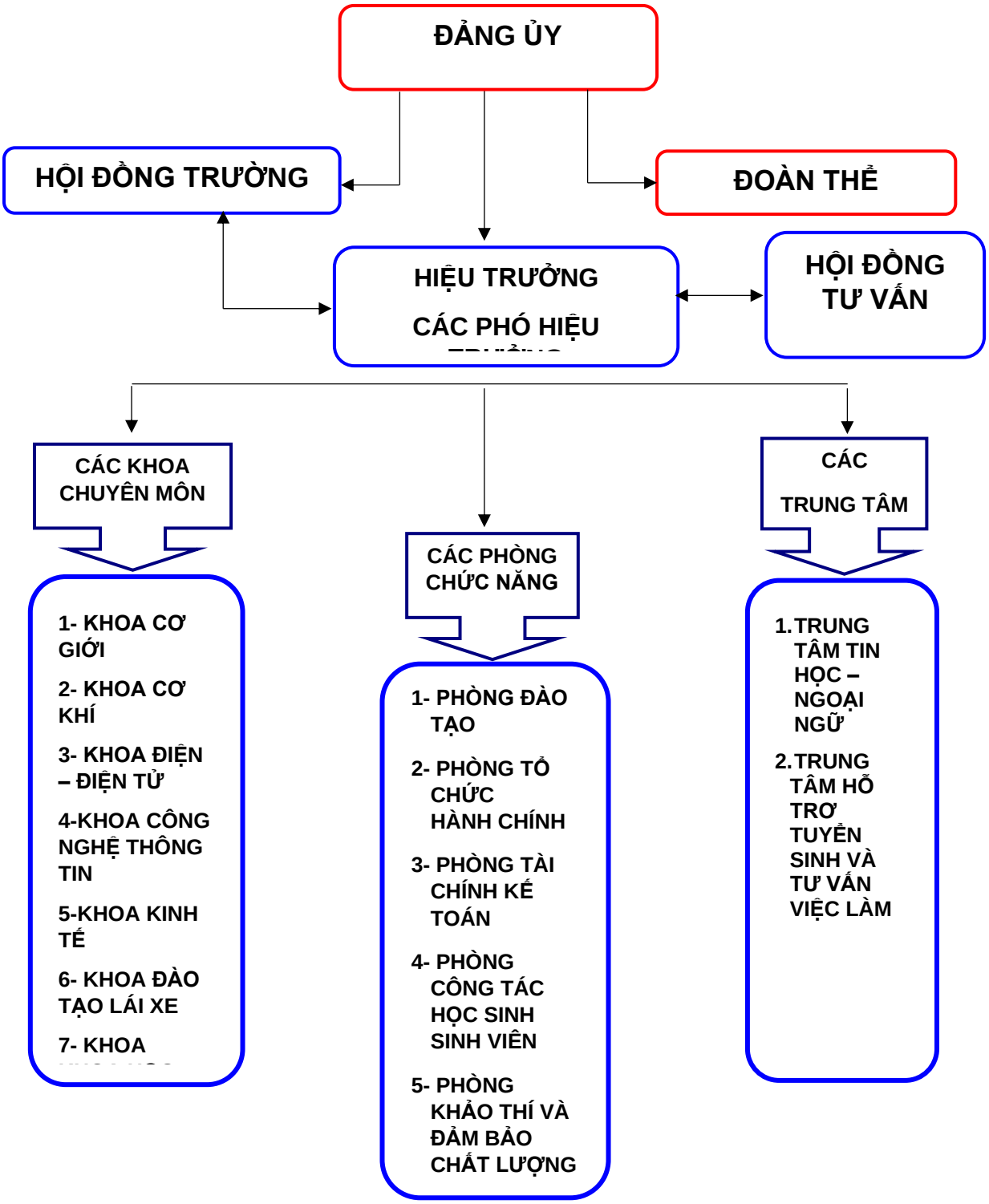

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

- Đào tạo 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp
- Liên danh, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân, gia đình người học trong hoạt động GDNN.
- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

1.3. Một số kết quả thực hiện

- Năm 2014 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch trường chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014.
- Năm 2015 đạt kiểm định chất lượng trường cấp độ 3 (cấp độ cao nhất).
- Năm 2016 đạt kiểm định thí điểm trường chất lượng cao.
- Năm 2018 Trường tham gia dự án thí điểm đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng đang áp dụng tại CHLB Đức, kết quả đánh giá đạt loại tốt.
- Năm 2020 đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN cấp độ 3 (cấp độ cao nhất). Tổng số điểm đánh giá 94/100 điểm.

1.4. Các ngành nghề đào tạo

STT	Tên nghề	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Ghi chú
1	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	60	Cấp độ quốc tế
		5520227	Trung cấp	220	
			Sơ cấp	80	
2	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng	50	Cấp độ quốc tế
		5520120	Trung cấp	120	
			Sơ cấp	80	
3	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	50	Cấp độ quốc tế
		5510216	Trung cấp	200	
			Sơ cấp	80	
4	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	50	
		5340302	Trung cấp	100	
			Sơ cấp	80	
5	Cơ điện tử	6520263	Cao đẳng	25	
		5520263	Trung cấp	25	
6	May thời trang	6540205	Cao đẳng	25	
		5540205	Trung cấp	70	
7	Xử lý dữ liệu	6480206	Cao đẳng	50	
		5480206	Trung cấp	120	
8	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng	25	Cấp độ quốc tế
		5520225	Trung cấp	45	
9	Vận hành máy thi công nền	6520183	Cao đẳng	35	Cấp độ quốc tế
		5020183	Trung cấp	35	
10	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	30	
		5520205	Trung cấp	55	
11	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	Cao đẳng	30	

STT	Tên nghề	Mã nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh	Ghi chú
		5520104	Trung cấp	30	
12	Quản trị mạng máy tính	6480209	Cao đẳng	35	
		6480209	Trung cấp	50	
13	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	5840116	Trung cấp	60	Cấp độ quốc gia
14	Quản lý kho hàng	6340425	Cao đẳng	30	Tiêu chuẩn APEC
		5340425	Trung cấp	30	
15	Công nghệ điện tử và năng lượng toà nhà	6510314	Cao đẳng	30	Tương đương CHLB Đức
		5510314	Trung cấp	30	
16	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hoà không khí	6510315	Cao đẳng	30	Tương đương CHLB Đức
		5510315	Trung cấp	30	
17	Hàn		Sơ cấp	80	
18	Vận hành cần, cầu trục		Sơ cấp	60	
19	Vận hành máy cẩu		Sơ cấp	40	
20	Vận hành máy đào - xúc		Sơ cấp	100	
21	Vận hành máy ủi		Sơ cấp	40	
22	Vận hàng máy san		Sơ cấp	60	
23	Vận hành máy lu		Sơ cấp	60	
24	Vận hành máy nâng hàng		Sơ cấp	100	
25	May công nghiệp		Sơ cấp	80	
26	Lái xe ô tô các hạng B1, B2 và C		Sơ cấp	850	

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên

V Tổng số cán bộ công nhân viên **176** người, trong đó:

Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
26	127	23

V Trình độ chuyên môn:

TT	Trình độ	Số lượng	TT	Trình độ	Số lượng
1	Tiến sĩ	1	4	Cao đẳng	7
2	Thạc sĩ	53	5	Trung cấp	6
3	Đại học	94	6	Khác	15

V Số lượng HSSV hiện tại (tính đến 28/2/2021) và dự kiến cả năm 2025:

STT	Hệ đào tạo	Số lượng HS-SV hiện tại	Số lượng HS-SV dự kiến năm 2025	Ghi chú
1	Cao đẳng	843	1.250	
2	Trung cấp	2.738	2.830	
3	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	225	1.500	
	Tổng	**3.806**	**5.580**	

1.6. Quy mô đào tạo

- Hệ cao đẳng, trung cấp: 3.400 - 3.700 HSSV/năm.
- Hệ sơ cấp: 1.200 - 1.500 học sinh/năm.
- Đào tạo thường xuyên: 3.500 - 4.000 học viên/năm.

2. Chiến lược phát triển nhà trường

2.1. Sứ mạng

Là cơ sở GDNN hàng đầu trong hệ thống GDNN của cả nước, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận trình độ đào tạo các nước phát triển trong nhóm G20, các nước ASEAN-4. Thực hiện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ kỹ thuật vào giảng dạy và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phát triển kinh tế xã hội địa phương. Vận hành hệ thống quản trị hiện đại và nâng cao năng lực tự chủ.

2.2. Tầm nhìn

Giai đoạn 2021-2025

Trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa cấp đa ngành; đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Là nơi gắn kết

giữa nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thị trường lao động và phát triển kinh tế địa phương. Đẩy mạnh đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực Cơ khí, Điện – điện tử, Cơ giới làm trọng điểm; phát triển lĩnh vực tái tạo năng lượng và xanh hóa đào tạo.

Giai đoạn 2026-2030

Tiếp cận các chuẩn quốc tế, phấn đấu xây dựng trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi đến năm 2030 trở thành "Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao", có uy tín trong nước và khu vực ASEAN và các nước trong nhóm G20. Giữ vững thương hiệu, mở rộng quan hệ hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các trường trong cả nước, khu vực ASEAN và Thế giới.

2.3. Mục tiêu chiến lược

Đổi mới, phát triển toàn diện GDNN, xây dựng trường trở thành trường chất lượng cao hàng đầu của Việt Nam. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành "Trung tâm giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề xanh chất lượng cao", đào tạo đa cấp, đa ngành, tạo dựng được thương hiệu riêng của Trường, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, xanh hóa môi trường, góp phần nâng cao chất lượng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phát triển kinh tế xã hội địa phương. Vận hành hệ thống quản trị hiện đại và nâng cao năng lực tự chủ.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ 4.0, tin học hoá cơ bản các hoạt động của Nhà trường. Chuyển đổi số hóa đưa vào sử dụng có hiệu quả giáo trình điện tử, thư viện điện tử, đưa một số môn học vào hệ thống đào tạo qua mạng (Elearning).

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

	(Yếu tố bên trong tổ chức)		
(Yếu tố tích cực)	ĐIỂM MẠNH - Nhà trường đã và đang vận hành hệ thống văn bản điện tử trong việc xử lý các công văn, giấy tờ hành chính	ĐIỂM YẾU - Các phòng học, thiết bị dùng để giảng dạy và học tập trực tiếp chưa nhiều. - Nhà trường chưa được trang bị các phần mềm/hệ	(Yếu tố tiêu cực)

	- Học sinh sinh viên có thể đăng ký hồ sơ nhập học ngay trên website của Trường - Trường đã lắp đặt và vận hành phòng dạy và học E-learning và 01 phòng thư viện điện tử. - Phòng đào tạo được trang bị 01 server để lưu trữ và xử lý các số liệu về đào tạo - Trang bị hệ thống Internet toàn bộ khuôn viên nhà trường - Đội ngũ giáo viên của trưởng trẻ và có trình độ về CNTT.	thống thông tin, nền tảng số,..Số lượng server rất hạn chế. - Các bài giảng được thiết kế phần lớn là mang tính truyền thống hoặc chỉ dừng lại ở việc trình chiếu bằng powerpoint. - Nhận thức về CĐS của CBGV còn rất hạn chế.	
	CƠ HỘI - Xu hướng CĐS đang xu hướng chủ yếu trong việc hội nhập quốc tế và toàn cầu - Trường là một trong số các Trường được chọn lựa và ưu tiên đầu tư. - Trường đang được sự quan tâm giúp đỡ của cơ quan cấp trên và tổ chức quốc tế GIZ - Cán bộ, giáo viên được trẻ hóa và khả năng tiếp cận các công nghệ hiện đại cao	THÁCH THỨC - Học sinh sinh viên đăng ký nhập học bằng hình thức nộp hồ sơ giấy vẫn chiếm đa số. - Có khả năng tụt hậu nếu chậm tiếp cận các công nghệ hiện đại - Việc hình thành kỹ năng nghề cho HSSV học các nghề kỹ thuật bằng phương thức đào tạo trực tuyến sẽ không hiệu quả do HSSV phải thao tác thực tế trên máy móc, thiết bị và có giáo viên hướng dẫn chi tiết ngay trên máy móc, thiết bị.	
	(Yếu tố ngoại cảnh)		

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.
- Việt Nam là một trong 20 quốc gia sử dụng Internet cao nhất thế giới, với tỷ lệ người sử dụng đạt khoảng trên dưới 70%, trong khi đó trung bình thế giới là hơn 51%. Số lượng người dùng Internet mới tăng trưởng 41%, cao nhất trong khu vực và cao hơn mức trung bình của khu vực Đông Nam Á là 36%. Bên cạnh đó, tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh tại Việt Nam chiến hơn 45% dân số và xếp hạng thứ 15 các thị trường có số lượng người dùng điện thoại thông minh lớn nhất thế giới. Số lượng thuê bao 3G – 4G chiếm 53% người dùng điện thoại thông minh.

(Nguồn: https://cafef.vn/nen-lam-gi-de-phat-trien-nguon-nhan-luc-co-ky-thuat-so-khi-day-manh-chuyen-doi-so-20210224205945126.chn)

3.3. Thực trạng và đích đến

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Lưu trữ hồ sơ nhân sự, tính lương hàng tháng bằng phần mềm excel	Đầu tư phần mềm nhân sự tích hợp các chức năng tính lương, lưu trữ hồ sơ cá nhân.
-	Việc tra cứu thông tin cá nhân của nhân viên chủ yếu bằng hồ sơ giấy	
-	Chưa áp dụng phần mềm quản lý nhân sự	
-	Khảo sát các bên liên quan bằng phiếu giấy	Khảo sát trực tuyến
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Tài liệu học tập do giáo viên soạn và yêu cầu HSSV photo để sử dụng	Số hóa các tài liệu học tập, lập thư viện điện tử để học sinh có thể tra cứu tài liệu học tập trực tiếp bằng các phương tiện khác nhau như máy tính, điện thoại,...
-	Chưa áp dụng học trực tuyến một cách thường xuyên	Từng bước thí điểm dạy học trực tuyến
-		
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	Trường đang sử dụng phần mềm đào tạo để theo dõi thông tin và	Kết mối 02 phần mềm, để phần mềm kế toán có thể lấy thông tin về HSSV

	tình hình học tập của HSSV; phần mềm kế toán để thu học phí. Tuy nhiên, 02 phần mềm này chưa tích hợp để trao đổi thông tin.	nhằm mục đích thu phí và theo dõi trực tiếp trên phần mềm thay vì nhân viên thu học phí phải theo dõi học phí của từng HSSV trên phần mềm excel.
-	Chưa có hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP,...	Từng bước trang bị và áp dụng hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS),..phù hợp
-	Số lượng server rất hạn chế	Đầu tư thêm server
-	Hệ thống bảo đảm chất lượng bằng các văn bản giấy	Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu về bảo đảm chất lượng
4	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Việc cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0 chưa được thực hiện thường xuyên	Cập nhật thường xuyên nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0
-	Thi/kiểm tra hết môn (các môn văn hóa)	Thi/kiểm tra trực tuyến
-		
5	**Nhân lực cho CĐS**	
-	Nhận thức về CĐS của CBGV còn rất hạn chế.	Nâng cao nhận thức của CBGV về CĐS
-		
-		
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Chưa có các văn bản quy định về quy trình, văn hóa, chiến lược cho CĐS	Nghiên cứu thể chế, hành lang pháp lý ở cấp quốc gia, cấp ngành, cấp tỉnh để ban hành các văn bản trong nhà trường, có cơ chế khuyến khích, động viên giáo viên, nhân viên áp dụng CĐS trong nhiệm vụ, công việc giảng dạy.
-		

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Danh sách thành phần tham gia hoạt động

Stt	Vị trí	Tên đơn vị	Số lượng
11.	Giám đốc/Phó GĐ	Sở LĐ&TBXH Đồng Nai	Không
12.	Hiệu trưởng/Phó HT	Các trường CĐ/TC trên địa bàn tham gia	Không
13.	Ban Giám hiệu	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	03
14.	Lãnh đạo phòng chức năng, trung tâm	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	06
15.	Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	05
16.	Giảng viên	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	15
17.	Sinh viên	Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi	17
18.	Thành phần tham gia khác (nếu có)		Không

2. Hiện trạng CSHT

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Cấu hình/Mô tả chung	Năm sử dụng	Ghi chú
1.	Máy chủ quản lý đào tạo	1	Intel Xeon X 3430 2.4GHz Ram DDR3 2GB Window sever 2003	2010	
2.	Máy chủ quản lý tài chính	1	Intel – core i7 6700 3.4GHz Ram: 8GB	2017	
3.	Máy chủ phục vụ giảng dạy, học tập khoa CNTT	1	Intel – Xeon E3-1220 3.1GHz Ram: 8GB	2013	
4.	Phòng Elearning	1		2020	
5.	Máy chiếu	58	Panasonic, casio		
6.	Máy in	29	HP, canon		
7.	UPS	30	Santak		
8.	Máy tính để bàn	289	Intel pentium, i3 gen 2 Ram 2-4gb		

	(toàn trường)				
9.	Laptop (nhà trường quản lý)	30			
10.	Thư viện điện tử	1		2016	
11.	Phần mềm hệ thống		Chủ yếu là HĐH windows 10, windows server 2012 trở lên		
12.	Phần mềm ứng dụng		Chủ yếu sử dụng bộ office 2013 trở lên, một số phần mềm mô phỏng do các đơn vị sưu tầm và tự xây dựng		
13.	Hệ thống mạng		Hiện tại có 10 line Internet tốc độ cao bố trí tại các tòa nhà, hệ thống wifi do FPT hỗ trợ phủ sóng toàn trường		
14.	Hệ thống an toàn, an ninh mạng, bảo mật		Sử dụng Kaspersky Internet chủ yếu cài trên máy cá nhân		
15.	Phần mềm quản lý văn bản	1	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Đồng Nai https://dongnai.vnptioffice.vn/ có app cho hệ điều hành IOS và android Sử dụng platform của VNPT	2019	
16.	Phần Hóa đơn điện tử Meinvoice	1	https://app.meinvoice.vn/	2020	
17.	Phần mềm kế toán HCSN Misa Mimosa	1	https://mimosa.misa.vn/	2012	
18.	Phần mềm Hỗ trợ kê	1	https://thuedientu.gdt.gov.vn/	2014	

	khai thuế - Nộp thuế				
19.	Phần mềm Bảo hiểm	1	VNPT BHXH 2.0	2016	
20.	Phần mềm thanh toán dịch vụ công	1	https://dvc.vst.mof.gov.vn/ có app di động Giao nhận hồ sơ trực tuyến, yêu cầu thanh toán,...	2020	
21.	Phần mềm quản lý đăng ký tài sản công	1	https://dkts.mof.gov.vn/	2017	
22.	Phần mềm đấu thầu trên mạng đấu thầu quốc gia	1	http://muasamcong.mpi.gov.vn/ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	2016	
23.	Phần mềm quản lý ngân sách nhà nước	1	http://hcsn.mard.gov.vn/ Cơ sở dữ liệu và quản lý ngân sách	2014	
24.	Phần mềm quản lý đào tạo	1	ccsTrain Quản lý đào tạo theo hệ niên chế	2010	

- Trường Cao đẳng Long An

BÁO CÁO TỔNG HỢP
THỰC TẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LONG AN

1. Tổng quan về nhà trường

1.1. Đặc điểm:

Với vị trí địa lý thuận lợi, Long An là tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vừa tiếp giáp, vừa là cửa ngõ nối liền thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây Nam Bộ nên rất thuận lợi trong việc thu hút đầu tư trong nước, ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 32 khu công nghiệp và 62 cụm công nghiệp, trong đó có 16 khu công nghiệp, 22 cụm công nghiệp đi vào hoạt động thu hút 12.692 doanh nghiệp trong nước và 588 dự án có vốn đầu tư ngước ngoài hoạt động.

Trường Cao đẳng nghề (CĐN) Long An được thành lập theo Quyết định số 1308/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề (TCN) Long An.

Thực hiện Đề án số 7046/ĐA-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Long An về việc sáp nhập Trường TCN Đức Hòa, Trường TCN Cần Giuộc, Trường TCN Đồng Tháp Mười vào Trường CĐN Long An thành Trường Cao đẳng (CĐ) Long An. Ngày 03/3/2020 Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH ký Quyết định số 245/QĐ-LĐTBXH sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đức Hòa, Trường Trung cấp nghề Cần Giuộc, Trường Trung cấp nghề Đồng Tháp Mười vào Trường Cao đẳng nghề Long An và đổi tên thành Trường Cao đẳng Long An. Đồng thời Trường được UBND tỉnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tạo điều kiện cho Trường chủ động hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Là Trường Cao đẳng công lập duy nhất của tỉnh, mạng lưới các cơ sở trực thuộc trường được phân bố khắp các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh, vị thế và uy tín của trường ngày càng được khẳng định. Trường Cao đẳng Long An hiện có tổng số 285 Cán bộ- viên chức - người lao động (CBVC-NLĐ), gồm 5 phòng chuyên môn: Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng (Thành lập từ 01/4/2021); Phòng Công tác học sinh sinh viên; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch tài chính; 07 khoa: Khoa Điện - Điện tử; Khoa Cơ khí; Khoa Kế toán - Tin học; Khoa May và Thiết kế thời trang; Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Sư phạm dạy nghề; Khoa Nông nghiệp; 03 Cơ sở và 01 Điểm đào tạo trực thuộc:

- **Cơ sở Đức Hòa**: Số 180A, Đường 3/2, Thị trấn Hậu Nghĩa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

- **Cơ sở Cần Giuộc**: Số 96 Đường tỉnh 835, Thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

- **Cơ sở Đồng Tháp Mười**: Quốc lộ 62, Khu phố 3, Phường 3, Thị xã Kiến Tường, Tỉnh Long An.

- Điểm đào tạo Đức Huệ: Khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà trường

Trường Cao đẳng Long An là cơ sở GDNN công lập hoạt động theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường có chức năng đào tạo nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên; phối hợp với doanh nghiệp, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động.

1.3. Một số kết quả thực hiện

1.3.1. Về công tác tuyển sinh:

Bình quân hàng năm Trường tuyển sinh đào tạo trên 7.000 học sinh, sinh viên, học viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và Dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng với trên 20 ngành nghề đào tạo.

1.3.2. Về công tác đào tạo và giải quyết việc làm:

- Về công tác đào tạo: số lượng HSSV đang theo học tại Trường trên 4.000 HSSV, hiện tại Nhà trường có mối liên hệ, hợp tác với trên 100 doanh nghiệp, trong quá trình đào tạo Nhà trường luôn gắn chặt với doanh nghiệp trong việc tổ chức cho HSSV thực tập thực tế tại các doanh nghiệp, nhận phôi liệu của doanh nghiệp về trường tổ chức cho HSSV thực hành theo hướng làm ra sản phẩm.

- Về công tác giải quyết việc làm: nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học sau tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường tổ chức Ngày hội giới thiệu việc làm cho HSSV với sự tham gia tuyển dụng của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, trong đó có nhiều doanh nghiệp có chức năng tuyển dụng người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp phỏng vấn tuyển dụng học sinh sinh viên ngay tại trường. Sau ngày hội, kết quả có trên 95 % HSSV tìm được việc làm, tạo ra thu nhập ổn định cuộc sống.

1.3.3. Về công tác đào tạo nghề gắn với Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh.

Thực hiện Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh Long An, ngày 28/7/2020 Trường Cao đẳng Long An đã ký hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Ê SU HAI mở văn phòng đại diện và Trung tâm đào tạo ngay tại trường và các Cơ sở trực thuộc trường nhằm giúp cho HSSV, người lao động trên địa bàn tỉnh Long An được học Tiếng Nhật, giáo dục định hướng và đào tạo kỹ năng nghề ngay tại địa phương, ngay sau lễ ký kết Nhà trường đã phối hợp với Công ty Êsuhai tổ chức tuyên truyền phổ biến Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh cho hơn 2.460 HSSV đang theo học năm cuối tại Trường và các Cơ sở trực thuộc, qua đó giúp các các em nắm bắt được nội dung của Đề án, chính sách vay vốn, ngành nghề, thị trường và điều kiện tuyển dụng từ đó có sự lựa chọn phù hợp cho bản thân sau tốt nghiệp. Qua triển khai bước đầu đã thu hút trên 500 HSSV tham gia học Tiếng Nhật và 4 sinh viên đã tốt nghiệp tham gia lớp Thực tập sinh để được Công ty phái cử sang làm việc tại Nhật Bản (Hiện nay số lượng HSSV, người lao động đăng ký lớp thực tập sinh để được phái cử sang Nhật làm việc còn ít do HSSV và người lao động còn e ngại về tình hình dịch bệnh COVID-19).

Ngoài ra Công ty TNHH Êsuhai còn tổ chức các khóa học kỹ năng và tác phong chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng đặc biệt là thị trường Nhật Bản cho hơn 2.000 HSSV mới nhập học tại trường và các cơ sở trực thuộc. Thông qua khóa học Công ty Êsuhai đã giúp các em định hướng được nghề nghiệp, xác định đúng động cơ thái độ và yên tâm học tập ngay từ năm thứ nhất.

1.4. Các ngành nghề đào tạo (cho các hệ đào tạo)

1.4.1 Hệ cao đẳng (16 nghề):

Lắp đặt thiết bị cơ khí, Cắt gọt kim loại, Hàn, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện tử công nghiệp, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Kế toán doanh nghiệp, Vận hành sửa chữa thiết bị lanh, Quản trị mạng máy tính, Thú y, Lập trình máy tính, Công tác xã hội

1.4.2 Hệ trung cấp (24 nghề):

Lắp đặt thiết bị cơ khí, Cắt gọt kim loại, Hàn, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Điện tử công nghiệp, Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), Kế toán doanh nghiệp, Vận hành sửa chữa thiết bị lanh , Kế toán- tin học, Quản trị mạng máy tính, Thú y, May thời trang, Thiết kế thời trang, Sửa chữa thiết bị may, Lập trình máy tính, Quản lý và bán hàng siêu thị, Nghiệp vụ bán hàng, Công tác xã hội, Bảo vệ thực vật, Chế tạo thiết bị cơ khí, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính.

1.5. Số lượng cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên

* Tổng số CBVC-NLĐ trong toàn trường là 285

Trong đó:

- Cán bộ, lãnh đạo, quản lý: 78 người (lãnh đạo: 23 người)
- Giảng viên: 166 người (cựu sinh viên đang công tác: 03)
- Nhân viên Hợp đồng: 41 người

Đối với sinh viên, thống kê theo mẫu dưới đây:

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025 (chỉ tiêu)
Cao đẳng	696 SV	3.775 SV
Trung cấp	3.339 HS	7.205 HS
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	1.975 HV (đã đào tạo trong năm 2020)	3.020 HV
Lái xe A1, DN LĐNT	11.360 HV (đã đào tạo trong năm 2020)	
Liên kết ĐT Đại học	392 SV	
Tổng CĐ, TC, SC-TX:	6.010 HSSV	14.000 HSSV

* Cựu HSSV:

- Cựu sinh viên: 1214 SV
- Cựu học sinh: 12 944 HS

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Long An là đơn vị sự nghiệp công lập đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật đa ngành, đa nghề, đa cấp trình độ, cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức, tác phong công nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc ở các khu, cụm công nghiệp và tham gia thị trường lao động ở các nước phát triển.

Tầm nhìn: Phấn đấu đến năm 2025, Trường Cao đẳng Long An đạt các tiêu chí của Trường Cao đẳng chất lượng cao, là trường hàng đầu trong đào tạo nghề chất lượng cao ở 5 lĩnh vực nghề trọng điểm: Điện công nghiệp, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Cơ điện tử, Hàn và nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, là một trong những Trung tâm thực hành Vùng của khu vực Đồng bằng sông cửu long.

Các giá trị cốt lõi

- Đoàn kết: Nhà trường phấn đấu luôn luôn là một tập thể thống nhất, hành động vì mục tiêu chung
- Năng động – sáng tạo: Nhà trường xây dựng môi trường làm việc và học

tập năng động, sáng tạo. Năng động, sáng tạo trong môi trường luôn thay đổi, cạnh tranh đầy thách thức. Năng động, sáng tạo trong công tác đào tạo của trường.

- Kỷ luật – trách nhiệm: Nhà trường hướng đến xây dựng môi trường giảng dạy và học tập thật sự Kỷ luật và trách nhiệm, giúp rèn luyện thái độ đúng đắn cho học sinh sinh viên.

- Gắn kết thực tiễn: Nhà trường cam kết đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, thị trường lao động trong và ngoài nước.

Mục tiêu tổng quát

- Phát triển Nhà trường một cách toàn diện, là nơi đáng tin cậy để học sinh sinh viên học tập và Doanh nghiệp tìm đến tuyển dụng qua đào tạo.

- Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ được đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho tỉnh nhà và góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh Long An.

- Phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho sản xuất và dịch vụ.

Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ Cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ về chuyên môn và có trên 50% giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên, 70% giảng viên dạy các nghề trọng điểm quốc tế, khu vực đạt trình độ ngoại ngữ từ B1, 100% giảng viên của trường ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng phục vụ giảng dạy. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, hiện đại và tinh thông nghề nghiệp đáp ứng được hoạt động phát triển đồng bộ của nhà trường.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung máy móc, trang thiết bị giảng dạy hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

- Xây dựng và vận hành hệ thống Bảo đảm chất lượng tại trường, kiểm định chất lượng Nhà trường và kiểm định chương trình đào tạo đang giảng dạy tại trường. Biên soạn đủ các giáo trình cho tất cả các môđun, môn học các nghề đang đào tạo (theo hướng cập nhật các giáo trình chuẩn khu vực).

- Mở rộng, đa dạng ngành nghề đào tạo và nâng cao quy mô đào tạo từng năm đáp ứng nhu cầu học tập của người học. Tăng cường chất lượng dịch vụ người học và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

- Phát triển nhanh, mạnh và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ thông

tin trong quản lý, đào tạo, học tập.

- Đẩy mạnh công tác dạy nghề gắn với doanh nghiệp, đào tạo phối hợp, đào tạo các nghề trọng điểm theo chuẩn của Đức. Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm thực hành, sản xuất và dịch vụ tại trường hướng tới xây dựng Trung tâm thực hành vùng của khu vực đồng bằng sông cửu long.

- Hợp tác quốc tế để nâng cao trình độ Cán bộ quản lý, giảng viên và chất lượng đào tạo.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Hiện tại Nhà trường đang trong giai đoạn bắt đầu thực hiện CĐS (Nhà trường đã cử Ban lãnh đạo, cán bộ chuyên môn tham gia các lớp tập huấn về CĐS do GIZ tổ chức; đầu tư phần mềm quản trị trường học; công tác quản lý tài chính, tài sản được thực hiện bằng phần mềm; công tác thông tin tư vấn tuyển sinh được thực hiện qua Website, mạng xã hội), Nhà trường luôn xác định rằng CĐS là quá trình tất yếu của sự phát triển. CĐS mang đến rất nhiều lợi ích trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, giúp mọi người tiếp cận thông tin về trường, về đào tạo nhiều hơn, rút ngắn về khoảng cách, thu hẹp về không gian, tiết kiệm về thời gian. CĐS sẽ giúp cho Nhà trường thực hiện công tác đào tạo mang tính thích ứng, linh hoạt, mở và phản ứng nhanh hơn với thay đổi và các tác động từ bên ngoài.

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)</td><td>ĐIỂM MẠNH
- Trường luôn được sự quan tâm của Bộ LĐTBXH, tổ chức GIZ, UBND tỉnh và Sở LĐTBXH trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng và mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo.
- Tỉnh Long An đang từng bước thực hiện CĐS rộng rãi trên các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân.
- CĐS trong công tác quản lý quản trị: Nhà trường được đầu tư phần mềm quản trị trường học tích hợp nhiều mô – đun quản trị, qua đó từng bước nâng cao hiệu</td><td>ĐIỂM YẾU
- CĐS trong công tác quản lý quản trị: còn sử dụng nhiều văn bản giấy; Các dữ liệu điện tử về nhân sự, người học chưa được khai thác sử dụng hiệu quả; Việc tổ chức đăng ký nhập học, tuyển sinh, thi cử và đảm bảo chất lượng còn sử dụng nhiều phương pháp truyền thống; Việc thanh toán điện tử còn rời rạc, chưa kết nối;
Thông tin tuyên truyền tới người học chưa đa dạng, chưa có nhiều kênh để kết nối.
Chưa có cơ chế để khuyến khích</td><td rowspan="2">(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)</td></tr>
</table>

	quả quản lý, đào tạo, phần mềm đang được vận hành bước đầu mang lại hiệu quả, cơ sở dữ liệu về nhân sự, người học được số hóa đưa vào phần mềm để quản trị; Công tác tiếp nhận và điều chuyển các văn bản chỉ đạo được thực hiện bằng phần mềm chung của tỉnh; Tài sản, tài chính được quản lý bằng phần mềm chuyên nghiệp; Tài chính đã thực hiện hầu hết bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. **- CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số:** Nhà trường đang đẩy mạnh việc sử dụng các bài giảng điện tử, các mô hình, phần mềm mô phỏng, phương pháp giảng dạy mang tính tương tác với người học nhằm phát huy năng lực người học. **- Cơ sở hạ tầng (phần cứng/ phần mềm) cho CĐS:** Nhà trường đang vận hành hệ thống máy chủ phục vụ cho hệ thống quản trị nhà trường nói chung và phần mềm và app quản trị cơ sở dữ liệu người học nói riêng. Mạng internet được đầu tư đáp ứng cơ bản yêu cầu của công tác quản lý và đào tạo, ngoài ra nhà trường còn có hệ thống website, máy chiếu, ti vi, hệ thống ICT	trong công tác. **- CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số:** Phương pháp truyền đạt vẫn dựa trên thuyết trình, thuyết giảng, người học bắt buộc phải đến trường, lớp để học. Chưa tiếp cận phương pháp dạy học trực tuyến Tài liệu học tập, giáo trình đa phần là bản giấy, chưa được số hóa. Nhiều nội dung môn học, mô đun phải giảng dạy trực tiếp trên thiết bị. Thiếu những mô hình dạy học tương tác ứng dụng CNTT, **- Cơ sở hạ tầng (phần cứng/ phần mềm) cho CĐS:** Cần thiếu các thiết bị chuyển đổi số hóa tài liệu, chưa có phòng giảng dạy trực tuyến, thiết bị phục vụ giảng dạy trực tuyến thiếu và không đảm bảo. Hệ thống mạng internet chưa đảm bảo phủ khắp trường, mới chỉ đáp ứng nhu cầu liên lạc cơ bản; Hệ thống các phần mềm chưa được liên thông dữ liệu. Chưa đa dạng các ứng dụng trên điện thoại để khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu. **- CĐS trong nội dung đào tạo:** chưa số hoá chương trình, giáo trình đào tạo; chương trình, giáo trình có sự điều chỉnh bổ sung định kỳ tuy nhiên vẫn không theo kịp sự thay đổi của khoa học công nghệ, nhất là sự thay đổi của cuộc	

	quản lý văn bản điện tử, phần mềm kế toán, phần mềm diệt virut để bảo vệ các máy tính quan trọng… **- CĐS trong nội dung đào tạo:** Chương trình, giáo trình có sự điều chỉnh bổ sung định kỳ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Nhà trường cũng đã ban hành chuẩn đầu ra về CNTT đối với HSSV khi tốt nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng số đang diễn ra mạnh mẽ. Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý đã được tập huấn khai thác sử dụng phần mềm quản trị đã được nhà trường đầu tư. Một số ít đã được tập huấn chương trình giáo dục trực tuyến E-learning. **- Năng lực CĐS:** Nhà trường có đội ngũ CBQL, giảng viên trẻ, năng động, rất quan tâm đến công nghệ, luôn chủ động, sáng tạo, ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy, học tập và công tác. Lãnh đạo nhà trường luôn nhận thức, sẵn sàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành. Ban giám hiệu và một số CBQL đã được đưa đi tập huấn về CĐS. HSSV bước đầu cũng đã được các tổ chức, doanh nghiệp triển khai các ứng dụng số trong mua sắm, thanh toán, đóng học phí… **- Thể chế, hành lang pháp lý:** Bộ Lao động - Thương binh và	cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Việc tích hợp năng lực CNTT trong đào tạo vẫn chưa được thực hiện tốt. Một số giáo viên và cán bộ quản lý mới chỉ được tập huấn kiến thức cơ bản về e learning, chưa thể áp dụng thực tế. Nhà trường ít có cơ hội tiếp cận những nội dung, chương trình, hội thảo hay các hoạt động huấn luyện thực hiện CĐS một cách đồng bộ. Công tác CĐS cũng chỉ mới bắt đầu thực hiện đánh giá mức độ ưu tiên của việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản trị nhà trường. **- Năng lực CĐS: c**òn nhiều cán bộ quản lý, giảng viên và học sinh sinh viên chưa nhận thức về CĐS. Năng lực của đội ngũ quản lý, giảng viên vẫn có sự chênh lệch về trình độ công nghệ thông tin. Thiếu khả năng am hiểu đa ngành, ít thông thạo công nghệ số. **- Thể chế, hành lang pháp lý:** Những chính sách, văn bản quy định, chỉ đạo, khung đề án, quy trình, đề án chưa được ban hành, đa số đều chỉ dừng ở bản dự thảo.	

	Xã hội đã triển khai Đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020" bằng các dự án thành phần. Nội dung Đề án tập trung vào việc xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến và triển khai đến các cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động kiểm định, đảm bảo chất lượng GDNN và đánh giá kỹ năng nghề và đầu tư, nâng cấp hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin cho hệ thống Bộ cũng đã ban hành Quyết định số 980/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Trong đó sẽ giao Tổng Cục GDNN Xây dựng Đề án chuyển đổi số và phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho lực lượng lao động. Tổng cục GDNN cũng đã tổ chức Hội thảo quốc gia nhằm thảo luận về các nội dung cơ bản của chuyển đổi số trong GDNN từ đó thống nhất xây dựng "Khung đề án chuyển đổi số trong GDNN"		
	CƠ HỘI **- CĐS trong công tác quản lý quản trị:**	**THÁCH THỨC** **- CĐS trong công tác quản lý quản trị:**	

	Nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị cho CS GDNN, nhanh chóng khẳng định thương hiệu và bứt phá trong đào tạo nghề. **- CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số:** Người học được tiếp cận với nguồn thông tin, dữ liệu, học liệu đa dạng, phong phú, phù hợp trình độ, năng lực đáp ứng mọi yêu cầu học tập của mọi đối tượng ở bất cứ nơi đâu. **- Cơ sở hạ tầng (phần cứng/ phần mềm) cho CĐS:** Nhà trường sẽ được đầu tư một cách đồng bộ về CSVC, hạ tầng CNTT, phần mềm để đáp ứng CĐS. **- CĐS trong nội dung đào tạo:** Tiếp cận được nhiều kiến thức mới về CNTT, công nghệ số, chuẩn đầu ra tiệm cận với thế giới phù hợp với CĐS. Được huấn luyện, triển khai, tập huấn các chương trình, lộ trình, phần mềm, nội dung, phương pháp CĐS **- Năng lực CĐS:** Được tiếp cận, trao dồi, học hỏi các năng lực, tư duy, kiến thức cần thiết trong quá trình CĐS.	Cần nhiều thời gian để thích nghi với những thay đổi lớn. Đảm bảo việc đào tạo, đánh giá, kiểm tra, công nhận kết quả, cấp bằng và chứng chỉ công bằng, khách quan, hiệu quả **- CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số:** Cần nhiều thời gian cho việc số hóa tài liệu, sự thích nghi các phương pháp dạy và học sẽ phải thay đổi hoàn toàn, môi trường giảng dạy, mô hình học tập sẽ phải chuyển đổi cho phù hợp **- Cơ sở hạ tầng (phần cứng/ phần mềm) cho CĐS:** Tốn nhiều kinh phí cho việc đầu tư máy móc, thiết bị, CSVC, hạ tầng CNTT; cần huy động mọi nguồn lực cho việc CĐS. Việc đáp ứng các thiết bị đầu cuối khó thực hiện được đối với HSSV. Phải đảm bảo môi trường mạng thông suốt, ổn định; rủi ro mất an toàn trong an ninh mạng. **- CĐS trong nội dung đào tạo:** Đòi hỏi phải phân chia nội dung đào tạo phù hợp với từng đối tượng. Phải có lộ trình CĐS phù hợp với từng cơ sở. Đặc điểm của dạy nghề là 70% là thực hành nên khó hình thành kỹ năng nghề **- Năng lực CĐS:** Công nghệ, kỷ thuật, dịch vụ thay đổi nhanh chóng đòi hỏi người học phải theo kịp sản	

	- Thể chế, hành lang pháp lý: Các cơ sở đào tạo có căn cứ để thực hiện các chế độ, chính sách, lộ trình thực hiện CĐS	phẩm, dịch vụ trong CĐS Đội ngũ CBQL-GV bắt buộc phải có những năng lực đáp ứng hoặc chấp nhận bị loại ra trong quá trình thực hiện CĐS **- Thể chế, hành lang pháp lý:** Cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý phải được hoàn thiện, thống nhất, rõ ràng, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho CĐS	
	(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)		

3.3. Thực trạng và đích đến

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	**Về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, cơ chế khuyến khích:**	
	Nhà trường đã đầu tư hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản trị nhân sự, điểm số, thời khóa biểu, kế toán, văn bản… Các dữ liệu từ các phần mềm hoạt động độc lập, chưa có sự chia sẽ cũng như kết nối Chưa có kênh thông tin để kết nối dữ liệu 3 bên giữa nhà trường, doanh nghiệp và HSSV	Mở rộng số hóa một số nội dung, đa dạng và kết nối các phần mềm, chia sẽ dữ liệu phục vụ công tác quản trị. Tăng doanh thu cho nhà trường, tạo ra nhiều sản phẩm giá trị mới cho nhà trường Tối ưu năng suất làm việc của CBQL, GV
-	**Nhập học, khảo thí và đảm bảo chất lượng:**	
	Các phương pháp truyền thông, thông báo, làm thủ tục nhập học còn thực hiện thủ công, văn bản Nội dung đánh giá, khảo thí, đảm bảo chất lượng chủ yếu thực hiện theo phương pháp truyền thống	Xây dựng kết nối dữ liệu người học với cơ sở đào tạo qua đó có thể thực hiện các thủ tục, thông báo trực tuyến bằng phần mềm. Rút ngắn khoảng cách về thời gian, không gian với người học và doanh nghiệp Xây dựng ngân hàng số các nội

		dung đánh giá, các phần mềm, hệ thống mô phỏng, thực tế ảo, trò chơi... để đánh giá năng lực của người học
-	**Dữ liệu người học, cựu sinh viên, cán bộ và giảng viên; hòa nhập và bình đẳng giới,**	
	Hiện tại nhà trường mới chỉ tập trung vào việc số hóa hồ sơ CBGV, dữ liệu người học và cựu sinh viên đang thực hiện số hóa. Chưa có dữ liệu đánh giá về hòa nhập và bình đẳng giới Hệ thống các dữ liệu chưa được kết nối, vận hành độc lập, chưa có sự chia sẽ kết nối dữ liệu	Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, đầy đủ và có sự chia sẽ khai thác dữ liệu, kết nối dữ liệu với các đối tác.
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	
-	Số hóa tài liệu học tập và giảng dạy, phương pháp dạy và học trên môi trường số, học từ xa/trực tuyến/kết hợp, mô hình, học tập suốt đời chính quy/phi chính quy, tích hợp cơ học trò chơi vào quá trình học tập - gamification,	
	Đa số sử dụng bài giảng truyền thống. Thuyết trình, thuyết giảng là chủ yếu. Tài liệu phổ biến dưới dạng văn bản giấy. Chưa có đủ điều kiện để triển khai dạy và học trên môi trường số, học trực tuyến	Hình thành ngân hàng bài giảng điện tử e-learing, học liệu điện tử, ngân hàng câu hỏi... Đổi mới PP giảng dạy đa dạng, sinh động, hấp dẫn, xây dựng mô hình học hiện đại, thông minh... Kết hợp bài giảng với việc thực hành của người học qua môi trường trực tuyến, người học sử dụng máy tính, smartphone để tra cứu thông tin, làm bài kiểm tra hay thực hành trực tiếp nội dung được giảng dạy...
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	

-	**1) Phần mềm/hệ thống: hệ thống thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây, mạng nội bộ/internet, ứng dụng (mobile apps), công nghệ dạy và học tiên tiến khác,**	
	Trường đã trang bị phần mềm tích hợp các mô đun quản trị nhân sự, đào tạo, HSSV và các phần mềm quản lý văn bản, kế toán… Chưa có hệ thống quản lý học tập (LMS), giải pháp ERP, nền tảng số, ứng dụng điện toán đám mây Mạng internet chưa đồng bộ	Xây dựng hệ thống phần mềm thống nhất, đa dạng về hệ cơ sở dữ liệu và có sự chia sẽ đáp ứng của CĐS Ứng dụng nhiều phần mềm, môi trường quản lý, giảng dạy, học tập trực tuyến...
-	**2) Phần cứng: công cụ/thiết bị số, server, phòng lap, thiết bị;**	
	Có trang bị server chạy phần mềm hệ thống quản trị và website, tuy nhiên máy chủ cũng đã đưa vào hoạt động đã lâu Hạ tầng hệ thống CNTT còn thiếu, chưa đồng bộ, một số lạc hậu, mau xuống cấp	Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số Trang bị các thiết bị thông minh được lắp đặt tại phòng học như bảng điện tử thông minh, bàn học thông minh hay đầu ghi hình, thiết bị học trực tuyến, môi trường thực tế ảo...
-	**3) An ninh mạng và bảo về dữ liệu**	
	Nhà trường đang đầu tư hệ thống máy chủ để lưu trữ dữ liệu, phần mềm diệt vi rút trên các máy tính quan trọng	Đầu tư hệ thống đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu và an ninh mạng...
4	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	**Cập nhật nội dung đào tạo, bài giảng, đầu ra đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư/nền kinh tế 4.0;**	

	Nội dung giảng dạy thường xuyên cập nhật tuy nhiên không theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của KHCN. Việc xây dựng giáo án điện tử, mô hình mô phỏng thực nghiệm.. chưa đồng đều, chưa vận dụng các PP dạy học hiện đại để khai thác nội dung	Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu Nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo, cải tiến phương pháp dạy và học Đa dạng hóa các phương pháp dạy học khi công nghệ phát triển (học trực tuyến, dự án, học bằng ứng dụng thực tế ảo, mô phỏng, lớp học STEM, giáo dục STEAM, giáo dục theo năng lực thực hiện ...
-	**CĐS ở giai đoạn đào tạo trong DN.**	
	Việc tổ chức tập huấn, huấn luyện về CĐS chưa đồng đều. Nhà trường đang trong giai đoạn đánh giá thực trạng và ưu tiên số hóa từng nội dung. Việc tích hợp năng lực CNTT trong đào tạo vẫn chưa được chú ý thực hiện. Một số giáo viên và cán bộ quản lý mới chỉ được tập huấn kiến thức cơ bản về e learning, chưa thể áp dụng thực tế	Tổ chức huấn luyện, tập huấn, đào tạo đồng bộ về CĐS
5	**Nhân lực cho CĐS**	
	Nhận thức về CĐS ở mọi cấp, tổ đề án CĐS, năng lực số cho cán bộ quản lý giảng viên (trường, DN), người học	
	Đa số CBVC giáo viên đều trẻ tuổi, năng động, thích nghi nhanh với việc ứng dụng CNTT. Năng lực của đội ngũ quản lý, giảng viên vẫn có sự chênh lệch về trình độ công nghệ thông tin. Thiếu sự tư duy về công nghệ số, khả năng am hiểu đa ngành, ít thông thạo công nghệ số.	Tập huấn tuyên truyền cho toàn thể CBVC – GV đáp ứng CĐS

6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	**Chính sách, văn bản quy định/chỉ đạo, lãnh đạo, văn hóa, chiến lược, khung đề án, quy trình… cho CĐS trong GDNN từ cấp vĩ mô đến vi mô.**	
	Chưa có những quy định, quy chế rõ ràng	Cần ban hành nhiều quy định, quy chế đào tạo, kiểm tra, tuyển sinh, ...thực hiện trên môi trường số.

BÁO CÁO BỔ SUNG VỀ DANH SÁCH ĐẠI BIỂU VÀ HIỆN TRẠNG CNTT TẠI TRƯỜNG CĐ LONG AN

Danh sách thành phần tham gia hoạt động

(GIZ có quy định chặt chẽ về bảo mật dữ liệu cá nhân, đề nghị Trường cung cấp thông tin chung như **mẫu/ví dụ dưới đây**)

Stt	Vị trí	Tên đơn vị	Số lượng
19.	Phó GĐ	Sở LĐ&TBXH Long An	1
20.	Hiệu trưởng/Phó HT	Các trường CĐ/TC trên địa bàn tham gia	5
21.	Ban Giám hiệu	Của Trường đối tác GIZ	3
22.	Lãnh đạo phòng chức năng, trung tâm	Của Trường đối tác GIZ	11
23.	Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn	Của Trường đối tác GIZ	6
24.	Giảng viên	Của Trường đối tác GIZ	6
25.	Sinh viên	Của Trường đối tác GIZ	5
26.	Phó GĐ	Sở Thông tin truyền thông	1
27.	Lãnh đạo phòng GDNN	Sở LĐ&TBXH Long An	2
28.	Thành phần tham gia khác		3

Hiện trạng CSHT

Nhà trường cung cấp thêm một số thông tin về hiện trạng CSHT CNTT theo gợi ý dưới đây:

2.1. Phần cứng: Máy chủ, máy tính, máy chiếu, máy in, thiết bị phòng e-learning, UPS, data center ... Thông tin mô tả chung về thực trạng, ví dụ như Máy tính là gì, cấu hình như thế nào, được mua sắm khi nào ...

a) Máy chủ: 01 Máy chủ IBM System X3650 M4 (7915-C2A), Processor : intel ® Xeon® Processor E5-2620 95w 2.0Ghz, Memory: 56GB, HDD: 2xIBM 1TB

b) UPS: 01 UPS công suất 3000VA/2.4KW

c) Máy tính:

- Máy tính để giảng dạy cho học sinh:

+ Phòng máy C4, C5*:* 54 máy, đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu GDNN - việc làm & An toàn lao động năm 2017

Thông số kỹ thuật:

Model: Dell -Vostro 3670 MT

Màn hình Dell 18.5inch E1916HV

Bộ vi xử lý: Intel® 8th Generation Core™ i7-8700 (12M Cache, 3,2 up to4.6GHz)

Bộ nhớ Ram: 8GB DDR4 2400MHz, Dung lượng ổ cứng: 1TB (7200RPM) 3.5inch SATA Hard Drive

Chipset Main: Intel® B360, Ổ đĩa quang: DVD±RW

Card đồ họa: Intel® UHD Graphics 630 with shared graphics memory

Card mạng: Dell Wireless 1707 Card (802.11bgn + Bluetooth 4.0, 1x1)

Âm thanh: Realtek High Definition Audio – (Integrated 5.1)

Hệ điều hành: Windows 10 Home 64bit (có bản quyền)

Nguồn: 100 VAC–240 VAC 50 Hz to 60Hz 3A 290W

Bàn phím: Dell Wired Keyboard KB216 Black (English)

Chuột: Dell Wired Mouse MS116 Black

+ Phòng máy C3**:** 30 máy, đầu tư từ nguồn vốn CTMT GDNN - việc làm & An toàn lao động năm 2020

Thông số kỹ thuật:

Model: Dell - Vostro 3671

- Bộ vi xử lý: Intel Core i7-9700 (3.0GHz upto 4.70GHz, 8 Cores 8 Threads, 12MB Cache)

- RAM: 16GB (2x8GB) DDR4 2666MHz

- Ổ cứng: 256GB M.2 PCIe NVMe Solid State Drive + 2TB 7200RPM 3.5" SATA HDD

- VGA: NVIDIA GeForce GT 730 2GB GDDR5, No DVD

- Mạng kết nối mạng: •10/100/1000 RJ-45 Ethernet• Wireless: Dell Wireless 1707 Card (802.11BGN + Bluetooth 4.0, 2.4 GHz)

Keyboard & Mouse :USB

- Bàn phím chính hãng Dell KB216-B;
- Chuột Dell Optical Mouse MS116 (275-BBCB)
- Hệ điều hành: Windows 10 Home Single
- Màn hình LCD- DELL, Kích thước: 19.5"

+ *Phòng CNCX*: 29 máy tính gồm:

15 máy, Vốn CTMT GDNN - việc làm & an toàn lao động năm 2016

Thông số kỹ thuật:

Model / Part Number: Dell-MTI79016-8G-1TB/70157886

Bộ vi xử lý: Intel® 8th Generation Core™ i7-8700 (12M Cache, up to4.6GHz)

Bộ nhớ Ram: 8GB DDR4 2666MHz

Dung lượng ổ cứng: 1T (7200RPM) 3.5inch SATA Hard Drive

Chipset Main: Intel® B360, Ổ đĩa quang: DVD±RW

Graphics: Sapphire HD 6570 4GB DDR3 11191-30-20G

Đồ họa: Intel® UHD Graphics 630 with shared graphics memory

Chuột: Dell Wired Keyboard KB216 Black

Bàn phím: Dell Wired Mouse MS116 Black

Âm thanh: Realtek High Definition Audio – (Integrated 5.1)

Hệ điều hành: Ubuntu 16.04

Màn hình E1916HV Monitor LED DELL E1916HV, Display size: 18.5"

14 máy, Vốn CTMT GDNN - việc làm & an toàn lao động năm 2018

Thông số kỹ thuật:

Model/ Part Number: HP Pavilion 590-p0079d/ 4LY18AA

Bộ vi xử lý: CPU: Intel Core i7-8700 (3.2GHz Upto 4.6GHz, 6 Cores 12 Threads, 12MB Cache)

Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 2400Mhz

Ổ cứng: 1TB 7200rpm

VGA: NVidia GT730 2GB GDDR5

Giao tiếp mạng: Gigabit, WLAN 802.11ac , Bluetooth 4.2

Cổng giao tiếp: USB (rear: 2 USB 2.0 + 2 USB 3.0 + Front: 1 USB 3.0, 1 USB 3.0 - Type C), 1 LAN, VGA, HDMI, 3-in-1 Card Reader

Ổ quang: SuperMulti DVDRW

Bàn phím: USB Keyboard, Chuột: Optical Mouse

Hệ điều hành: Microsoft Windows 10 Home 64-bit bản quyền

Màn hình (LCD) HP 20kd 19.5INCH

- Máy tính sử dụng khối văn phòng làm việc:

+ *Phòng KHTC*: 06 máy, vốn 2018

Thông số kỹ thuật:

Model/ Part Number: HP Pavilion 590-p0079d/ 4LY18AA

Bộ vi xử lý: CPU: Intel Core i7-8700 (3.2GHz Upto 4.6GHz, 6 Cores 12 Threads, 12MB Cache)

Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 2400Mhz

Ổ cứng: 1TB 7200rpm

VGA: NVidia GT730 2GB GDDR5

Giao tiếp mạng: Gigabit, WLAN 802.11ac , Bluetooth 4.2

Cổng giao tiếp: USB (rear: 2 USB 2.0 + 2 USB 3.0 + Front: 1 USB 3.0, 1 USB 3.0 - Type C), 1 LAN, VGA, HDMI, 3-in-1 Card Reader

Ổ quang: SuperMulti DVDRW

Bàn phím: USB Keyboard, Chuột: Optical Mouse

Hệ điều hành: Microsoft Windows 10 Home 64-bit bản quyền

Màn hình (LCD) HP 20kd 19.5INCH

+ *Phòng* 10 máy, vốn 2018 / 01 máy: vốn 2016

Thông số kỹ thuật:

Model / Part Number: Dell-MTI79016-8G-1TB/70157886

Bộ vi xử lý: Intel® 8th Generation Core™ i7-8700 (12M Cache, up to4.6GHz)

Bộ nhớ Ram: 8GB DDR4 2666MHz

Dung lượng ổ cứng: 1T (7200RPM) 3.5inch SATA Hard Drive

Chipset Main: Intel® B360, Ổ đĩa quang: DVD±RW

Graphics: Sapphire HD 6570 4GB DDR3 11191-30-20G

Đồ họa: Intel® UHD Graphics 630 with shared graphics memory

Chuột: Dell Wired Keyboard KB216 Black

Bàn phím: Dell Wired Mouse MS116 Black

Âm thanh: Realtek High Definition Audio – (Integrated 5.1)

Hệ điều hành: Ubuntu 16.04

Màn hình E1916HV Monitor LED DELL E1916HV, Display size: 18.5"

+ *Phòng CTHSSV*: 05 máy, vốn 2018

Thông số kỹ thuật:

Model/ Part Number: HP Pavilion 590-p0079d/ 4LY18AA

Bộ vi xử lý: CPU: Intel Core i7-8700 (3.2GHz Upto 4.6GHz, 6 Cores 12 Threads, 12MB Cache)

Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 2400Mhz

Ổ cứng: 1TB 7200rpm

VGA: NVidia GT730 2GB GDDR5

Giao tiếp mạng: Gigabit, WLAN 802.11ac , Bluetooth 4.2

Cổng giao tiếp: USB (rear: 2 USB 2.0 + 2 USB 3.0 + Front: 1 USB 3.0, 1 USB 3.0 - Type C), 1 LAN, VGA, HDMI, 3-in-1 Card Reader

Ổ quang: SuperMulti DVDRW

Bàn phím: USB Keyboard, Chuột: Optical Mouse

Hệ điều hành: Microsoft Windows 10 Home 64-bit bản quyền

Màn hình (LCD) HP 20kd 19.5INCH

+ Phòng TCHC: 05 máy, vốn 2018/ 01 máy: vốn 2016

Thông số kỹ thuật:

Model / Part Number: Dell-MTI79016-8G-1TB/70157886

Bộ vi xử lý: Intel® 8th Generation Core™ i7-8700 (12M Cache, up to4.6GHz)

Bộ nhớ Ram: 8GB DDR4 2666MHz

Dung lượng ổ cứng: 1T (7200RPM) 3.5inch SATA Hard Drive

Chipset Main: Intel® B360, Ổ đĩa quang: DVD±RW

Graphics: Sapphire HD 6570 4GB DDR3 11191-30-20G

Đồ họa: Intel® UHD Graphics 630 with shared graphics memory

Chuột: Dell Wired Keyboard KB216 Black

Bàn phím: Dell Wired Mouse MS116 Black

Âm thanh: Realtek High Definition Audio – (Integrated 5.1)

Hệ điều hành: Ubuntu 16.04

Màn hình E1916HV Monitor LED DELL E1916HV, Display size: 18.5"

+ Phòng 02 Phó Hiệu tưởng: 02 máy, vốn 2018

Thông số kỹ thuật:

Model/ Part Number: HP Pavilion 590-p0079d/ 4LY18AA

Bộ vi xử lý: CPU: Intel Core i7-8700 (3.2GHz Upto 4.6GHz, 6 Cores 12 Threads, 12MB Cache)

Bộ nhớ trong: 8GB DDR4 2400Mhz

Ổ cứng: 1TB 7200rpm

VGA: NVidia GT730 2GB GDDR5

Giao tiếp mạng: Gigabit, WLAN 802.11ac , Bluetooth 4.2

Cổng giao tiếp: USB (rear: 2 USB 2.0 + 2 USB 3.0 + Front: 1 USB 3.0, 1 USB 3.0 - Type C), 1 LAN, VGA, HDMI, 3-in-1 Card Reader

Ổ quang: SuperMulti DVDRW

Bàn phím: USB Keyboard, Chuột: Optical Mouse

Hệ điều hành: Microsoft Windows 10 Home 64-bit bản quyền

Màn hình (LCD) HP 20kd 19.5INCH

d) Máy chiếu:

+ 08 Máy chiếu Sony - Vốn CTMT GDNN - việc làm & an toàn lao động năm 2017

Model: VPL-EX570

Công nghệ 3 LCD

Cường độ chiếu sáng: 4.200 Ansi Lumens

Có jack cắm,kết hợp đồng bộ hình ảnh và âm thanh trực tiếp từ máy chiếu.

Độ tương phản: 20.000:1, Độ phân giải: 1024 x 768 (XGA).

Công nghệ BrightEraTM giúp tăng cường ánh sáng.

Tuổi thọ bóng đèn : 10.000 giờ,

Cổng kết nối: HDMI x 2,VGA x 2,VIDEO, S VIDEO,USB -Tybe A, USB - Tybe B, RS232,Microphone,

Trình chiếu Wireless qua IFU-WLM3

Trình chiếu qua mạng LAN

Trình chiếu ảnh qua USB

+ 05 máy chiếu Nec - Vốn CTMT GDNN - việc làm & an toàn lao động năm 2018

Model: NP-ME401XG

Độ phân giải thực XGA: (1024 x 768) nén Full HD

Độ sáng: 4,000 Ansi Lumen.

Độ tương phản 12,000:1

Cổng kết nối: HDMI, VGA, Video, RJ-45

Xưởng ODA: 02 cái Máy chiếu Acer, 02 máy chiếu Panasonic, 02 View sonic - Chương trình đào tạo nghề 2008

e) Máy in:

Xưởng ODA: 7 cái Máy in Laser HP của Chương trình đào tạo nghề 2008

2.2. Phần mềm: Hệ điều hành cho máy chủ, máy tính để bàn, laptop, bản quyền .... Phần mềm nghiệp vụ cho các phòng ban, phần mềm phục vụ công tác giảng dạy, email, thông báo ...

+ Phần mềm nghiệp vụ phòng KHTC

- Phần mềm Misa Mimosa.NET2020

- Phần mềm Mimosa.NETX1

+ Hệ điều hành server 2016 chạy phần mềm Quản lý giáo dục PMT-EMS quản lý cơ sỡ dữ liệu toàn trường (gồm Trụ sở chính và 3 cơ sở).

2.3. Hệ thống mạng: Internet, WAN, LAN, Wifi, mạng dự phòng, thiết bị mạng sử dụng, IPV6...

Sử dụng mạng Internet nhà mạng Viettel và Mạng LAN kết nối wifi và có dây chia sẽ dữ liệu các phòng làm việc

2.4. Hệ thống an toàn, an ninh mạng, bảo mật: Firewall, phần mềm diệt virus là gì, cơ chế chính sách an toàn bảo mật ....

Sử dụng phần mềm duyệt vius Kaspersky VPN các máy tính văn phòng làm việc

2.5. Các vấn đề khác: hỗ trợ người khuyết tật, chữ ký số, thanh toán điện tử ...

+ Chữ ký số của Trường dùng để giao dịch lĩnh vực bảo hiểm và thuế được cấp bởi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/ Ban Cơ yếu Chính phủ.

+ Chữ ký số của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng được cấp bởi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin/ Ban Cơ yếu Chính phủ.

Trên đây là báo cáo tổng hợp thực tế chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Long An năm 2021./.

- Trường Cao đẳng Nghề An Giang

BÁO CÁO TỔNG HỢP CỦA AGVC

1. Tổng quan về nhà trường

1.1 Mục tiêu

Trường cao đẳng nghề An Giang là trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND tỉnh An Giang, được thành lập trên cơ sở sáp nhập và nâng cấp Trường Trung học Kinh tế- Kỹ thuật An Giang và Trường Dạy nghề An Giang theo quyết định số 193/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 01 năm 2007 của Bộ Lao động-Thương Binh- Xã hội.Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo đội ngũ công nhân và thợ bậc cao, đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.

Địa chỉ của Trường: Số 841A Trần Hưng Đạo, Phường Bình Khánh, Tp Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường hiện nay, gồm:

1) Hội đồng trường: Chủ tịch, thư ký, các thành viên (theo Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh).

2) Ban giám hiệu: Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng.

3) 05 phòng chức năng gồm: Phòng Đào tạo và QHDN; Tổ chức Hành chính; Phòng Tài chính- Kế toán; Phòng Công tác Học sinh- Sinhviên; Phòng Quản trị thiết bị.

4) 07 khoa chuyên môn gồm: Khoa Điện; Khoa Cơ khí; Khoa Xây dựng; Khoa Sư phạm GDNN; Khoa Kinh tế ; Khoa CNTT; Khoa Du lịch- Công nghệ Thời trang.

5) 01 trung tâm trực thuộc: Trung tâm Ngoại ngữ.

6) Tổ chức Đảng: Đảng bộ trưởng Cao đẳng An Giang gồm 12 Chi bộ trực thuộc với 153 đảng viên.

7) Tổ chức Đoàn thể gồm: Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của nhà

Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Nghề An Giang thực hiện theo Quyết định số 1359/QĐ-CĐN ngày 22/11/2017. Trường Cao đẳng nghề An Giang có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về GDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường cao đẳng nghề An Giang có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ (Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng); bồi dưỡng nâng cao trình

độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động, bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm GDNN co đội ngũ nhà giáo. Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật- công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật, đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.

1.3. Mot sŋ kYt quΆ thỌc hiέn

Giai đoạn 5 năm từ 2015 - 2020, Nhà trường đã tuyển và liên kết đào tạo được 5.726 HSSV ở các cấp trình độ đào tạo trong đó: Cao đẳng 2.454SV, Trung cấp 2.140 học sinh, Sơ cấp 410 HS (Sơ cấp nghề 97HV, Chứng chỉ nghề 69 HV, Bậc thợ 184 HV, Chứng chỉ đào tạo 60HV); liên kết đào tạo trình độ Đại học (vừa làm vừa học): 722 SV.[1]

Quy mô đào tạo hàng năm (gồm số học sinh chuyển tiếp từ năm trước sang và tuyển mới trong năm) duy trì từ 2.500 đến 3.000 HSSV/năm ở tất cả các ngành nghề đào tạo, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.[2]

1.4. Các ngành nghX Ľ ¨ ớ o (cho các hέ Ľ ¨ ớ o)t

Hiện nay, Trường Cao đẳng An Giang được Tổng cục GDNN, Bộ Lao động - TBXH cấp phép đào tạo 50 mã nghề (gồm 17 mã ngành nghề trình độ cao đẳng, 20 mã ngành nghề trình độ trung cấp, 13 mã nghề trình độ sơ cấp), trong đó có 06 nghề trọng điểm và tập trung ở một số lĩnh vực ngành nghề: Điện, Cơ khí, Dịch vụ- Du Lịch, Xây dựng, Công nghệ thông tin, Kinh tế…

1.5. Sŋ l ̿ωng cán bo, giΆng viên, sinh viên, cỌu sinh viên

Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên hiện tại của Nhà trường: 218 người trong đó biên chế 202 người, Hợp đồng lao động theo Nghị định 161/2020/NĐ-CP: 16 người.

* *Cán bộ quản lý:* Tổng số có 33 người bao gồm: Ban giám hiệu: 03; lãnh đạo trưởng, phó các phòng 12; lãnh đạo các khoa 15; lãnh đạo trung tâm: 02.

* *Giảng viên:* Tổng số giảng viên của trường là 142 người tham gia giảng dạy ở các cấp trình độ.

* *Học sinh- sinh viên:*

Hệ đào tạo	Số lượng SV hiện tại	Số lượng SV dự kiến 2025
Cao đẳng	700	2.350
Trung cấp	601	2.150
Sơ cấp/đào tạo thường xuyên	250	550

[1] Ph¸ng ņ¨o tΪo v¨ Quan hˈ doanh nghiˈp Cao Ľʅng nghQ
[2] KЈt khuĮoX©sy§td¸ng chiЈn lЄc TrЄng Ca-2o 02Ľ5ʅntgĘmgnhQ³ nAnĽЈGn nŁm 2030

Hệ khác (nêu rõ): Liên kết đào tạo	120	320
Tổng:	**1.671**	**5,370**

2. Chiến lược phát triển của nhà trường

2.1 Sứ mạng

"Cung cấp dịch vụ đào tạo đa nghề, đa cấp trình độ có chất lượng cao, gắn đào tạo với sản xuất- dịch vụ theo nhu cầu xã hội. Nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhằm tạo môi trường học tập suốt đời".

2.2 Tầm nhìn

ñ L ¨ σng có uy tín vX L' ¨ ó o nghX ch'Et ư ng cao c'Ep o L khu vQc ò

Phấn đấu đến năm 2025 trường được công nhận là trường Cao đẳng chất lượng cao, thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và 30% chi đầu tư. Đến năm 2030 trở thành trường Cao đẳng trọng tâm, hiện đại hàng đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm nghiên cứu chuyển giao khoa học, công nghệ lớn của khu vực và thực hiện tự chủ hoàn toàn theo quy định của pháp luật.

2.3 Giá trị cốt lõi

Hệ thống giá trị cơ bản *ñ S § n g - TtQ' e N i Ł m g L' T o h m Q c t i Ÿ n ò*

2.4 Mục tiêu tổng quát

Xây dựng trường Cao đẳng nghề An Giang trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ có uy tín trong tỉnh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để trở thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025.

2.5 Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Phát triển Trường Cao đẳng nghề An Giang theo tiêu chuẩn trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế với mục tiêu cụ thể như sau:

(1) Cấu trúc, đổi mới mô hình quản lý Nhà trường phù hợp với mô hình đào tạo GDNN, hoàn thiện mô hình quản lý trên cơ sở sáp nhập các cơ sở đào tạo, các trung tâm, trường trung cấp nghề ở các huyện (theo Đề án sắp xếp mạng lưới các trường nghề của Tỉnh) đến năm 2025.

(2) Bổ sung chức năng đào tạo thường xuyên để mở rộng mô hình đào tạo 9+;

(3) Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ gắn với đào tạo nghề, hình thành trung tâm bảo hành đối với các ngành Cơ khí, Điện, CNTT…

(4) Mở trung tâm bồi dưỡng, sát hạch KNN quốc gia cho nhà giáo (2-3 nghề). Cung cấp các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho CBQL của cơ sở GDNN, các cán bộ đào tạo tại doanh nghiệp về tổ chức đào tạo kép, hợp tác với DN.

(5) Xây dựng hoàn thiện Đề án chiến lược chuyển đổi số và thành lập Trung tâm Thông tin truyền thông và chuyển đổi số. Đẩy mạnh hoạt động liên kết với 01 trung tâm ngoại ngữ, tin học quốc tế nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ, tin học.

(6) Năm 2022 đạt chứng nhận chất lượng GDNN, hoàn thiện các tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao của quốc gia; thực hiện đánh giá kiểm định theo tiêu chí trường chất lượng cao và chương trình đào tạo quốc tế ngành Cắt gọt kim loại và Điện công nghiệp theo Cộng hòa Liên bang Đức, bổ sung thêm 3 nghề trọng điểm đạt chuẩn quốc gia, khu vực và Quốc tế.

3. Thực trạng, chiến lược và chủ trương về CĐS

3.1. Chiến lược, chủ trương về CĐS của nhà trường

Hiện nay, nhà trường đang xây dựng Đề án chiến lược cho hoạt động chuyển đổi số (CĐS) và lồng ghép vào Chiến lược phát triển tổng thể của nhà trường với định hướng chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud computing), …, và phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức. Quá trình phát triển của chuyển đổi số gồm 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:* Số hóa dữ liệu (Digitization):

Chuyển đổi thông tin thực trước đây sang dạng số để dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ và xây dựng cơ sở dữ liệu.

Thực hiện sử dụng các văn bản số, tài khoản số (tài khoản định danh) trong công tác quản lý hành chính, tài chính, đào tạo, khảo thí, công tác học sinh sinh viên…

- *Giai đoạn 2:* Xây dựng mô hình hoạt động số

Xác định cách thức làm việc sẽ như thế nào dựa vào các công nghệ số và dữ liệu được số hoá; Hoàn thiện cơ chế hoạt động trên không gian số.

Ứng dụng phần mềm vào công tác quản lý, đào tạo của nhà trường. Đồng bộ các dữ liệu và phần quyền khai thác dữ liệu số.

- *Giai đoạn 3:* Chuyển đổi số (Digital transformation)

Sử dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, ... để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu một cách toàn diện và triệt để, từ đó dẫn đến sự thay đổi mô hình và cách thức hoạt động của nhà trường.

Quan điểm của nhà trường: tập trung vào các yếu tố: Nội dung giáo dục đào tạo, phương pháp dạy và học, hạ tầng nền tảng và học liệu số, giảng viên và học viên số, quản lý và quản trị số, thể chế và hành lang pháp lý...

Trong thời kỳ công nghiệp 4.0, chuyển đổi số được nhận định là chìa khóa để nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, tổ chức thông qua những ưu điểm nổi bật mà nó mang lại như tối ưu chi phí hoạt động, nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ.

3.2. Phân tích SWOT của CĐS

<table>
<tr><td></td><td colspan="2">(Điểm mạnh và Điểm yếu là yếu tố bên trong tổ chức)</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">(Điểm mạnh và Cơ hội là yếu tố tích cực)</td><td>ĐIỂM MẠNH
- Yếu tố lịch sử, bề dầy kinh nghiệm của nhà trường trong GDNN
- Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên luôn thích ứng nhu cầu đổi mới.

- Một số chương trình đào tạo đã được kiểm định, số hóa.</td><td>ĐIỂM YẾU
- Chất lượng đào tạo chưa tương xứng với nhu cầu thực tiễn.
- Trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm còn hạn chế. Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực
- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT (như máy tính, camera, máy in, máy quét), đường truyền, dịch vụ Internet còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ,
- Thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu và học liệu số cần hành lang pháp lý chung phù hợp với các quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và luật</td><td rowspan="2">(Điểm yếu và Thách thức là yếu tố tiêu cực)</td></tr>
<tr><td>CƠ HỘI
- Nhu cầu số hóa (Thiết bị, Công nghệ, đào tạo).
- Nhu cầu về kỹ năng.</td><td>THÁCH THỨC
- Cải thiện cơ chế đầu tư và hợp tác trong GDNN.
- Tăng cường năng lực chuyên môn cho LLLĐ & GV nhằn đáp ứng nhu cầu LĐ.</td></tr>
</table>

	- Nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực làm việc. - Chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức, trao đổi kinh nghiệm và học tập các mô hình GDNN. - Thay đổi mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy - học. - Tiếp cận ngành nghề mới.	- Cải thiện bằng cấp, nâng cao hợp tác DN trong GDNN. - Tăng cường cạnh tranh và hội nhập quốc tế. - Số hóa yêu cầu thay đổi về thiết bị, công nghệ, đào tạo. - Đẩy mạnh tư vấn nghề. nghiệp, tăng cường quản bá hình ảnh GDNN.	
	(Cơ hội và Thách thức là yếu tố bên ngoài tác động vào tổ chức)		

3.3.Thực trạng và đích đến

Trong những năm tới, nhà trường đặt mục tiêu hoàn thành các khóa học chuẩn để người học có thể tự học được trên môi trường mạng; hoàn thiện các phần mềm quản lý; hướng dẫn cách thức tiếp cận, phủ sóng wifi toàn trường để cán bộ, giảng viên, người học tiếp cận chuyển đổi số.:

Stt	THỰC TRẠNG	ĐÍCH ĐẾN
1	**CĐS trong công tác quản lý, quản trị**	
-	Quản lý đào tạo (tuyển sinh, quản lý HS - SV, điểm thi, thời khóa biểu...) ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục NN còn nhiều bất cập, khó khăn hạn chế.	Đầu tư, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ..) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong ngành GDĐT một cách nhanh chóng, chính xác.
-	Quản lý công chức, viên chức; vật tư, thiết bị. Hoàn thiện hành lang pháp lý như các quy định ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, quy chế đào tạo trực tuyến thiếu quy định cụ thể	Đầu tư, khai thác sử dụng các phần mềm: Quản lý công chức, viên chức; vật tư, thiết bị. Thông qua cổng thông tin điện tử kết nối dữ liệu máy tính được số hóa...
-	Quản lý tài chính, quản trị còn chậm được số hóa thiếu đồng bộ.	Đầu tư triển khai sử dụng các phần mềm: Quản lý tài chính, quản trị.. Thông qua cổng thông tin phần mềm quản lý tài chính kết nối dữ liệu máy tính được số hóa...
2	**CĐS trong phương pháp dạy và học, học liệu số**	

-	Hiện nay vấn đề dạy và học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường học ảo (cyber university) mới bắt đầu được triển khai nên còn nhiều hạn chế, bất cập.	- Mục tiêu hoàn thành các khóa học chuẩn để người học có thể tự học được trên môi trường mạng; hoàn thiện các phần mềm quản lý; hướng dẫn cách thức tiếp cận, phủ sóng wifi toàn khu vực trường để cán bộ, giáo viên, người học tiếp cận chuyển đổi số.
3	**CSHT phần cứng/phần mềm cho CĐS**	
-	Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT (như máy tính, camera, máy in, máy quyét), đường truyền, dịch vụ Internet của nhà trường còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu cho chuyển đổi số (cả về quản lý giáo dục và dạy - học) dẫn đến cơ hội học tập, tiếp cận kiến thức của học sinh sinh viên còn hạn chế.	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho HSSV.
4	**CĐS trong nội dung đào tạo**	
-	Hiện nay vấn đề xây dựng học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) còn phát triển tự phát, chưa đi vào nề nếp và thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập. Hệ thống giải pháp học tập VLE/LMS có tính tương tác cao (khác với các hệ thống họp trực tuyến) cũng triển khai tự phát, thiếu sự đồng bộ.	- Triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa các đơn vị trong nhà trường, gia đình, giảng viên, học sinh sinh viên; phát triển các khóa học trực tuyến mở, hình thành mạng học tập mở; triển khai hệ thống học tập trực tuyến dùng chung trong các cơ sở GDNN phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên, hỗ trợ dạy học cho các vùng khó khăn.
5	**Nhân lực cho CĐS**	

-	Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo kho học liệu số đầy đủ, đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của học sinh sinh viên ở các cấp học, ngành học, môn học còn nhiều hạn chế do thiếu đội ngũ chuyên môn giỏi về số hóa dữ liệu.	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.
6	**Thể chế, hành lang pháp lý**	
-	Thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý GDNN và học liệu số cần hành lang pháp lý chung phù hợp với các quy định về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin, giao dịch điện tử và luật chia sẻ cung cấp thông tin còn nhiều bất cập, hạn chế.	-Tiến tới quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến (khác với học truyền thống); quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn).

(BỔ SUNG THÔNG TIN)

1. Danh sách thành phần tham gia hoạt động

(GIZ có quy định chặt chẽ về bảo mật dữ liệu cá nhân, đề nghị Trường cung cấp thông tin chung như **mẫu/ví dụ dưới đây**)

Stt	**Vị trí**	**Tên đơn vị**	**Số lượng**
1.	Giám đốc/Phó GĐ	Sở LĐ&TBXH Sở Thông tin truyền thông Sở kế hoạch đầu tư Sở Tài chính Sơ	5
2.	Hiệu trưởng/Phó HT	Các trường CĐ/TC và trung tâm đào trên địa bàn tham gia	36
3.	Ban Giám hiệu	Của Trường đối tác GIZ	3

4.	Lãnh đạo phòng chức năng, trung tâm	Của Trường đối tác GIZ	6
5.	Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn	Của Trường đối tác GIZ	7
6.	Giảng viên	Của Trường đối tác GIZ	4
7.	Sinh viên	Của Trường đối tác GIZ	6
8.	Thành phần tham gia khác (nếu có)	Phó giám đốc kỹ thuật Viettel An Giang	2

2. Hiện trạng CSHT

2.1 Phần cứng:

+ Máy tính sử dụng công tác văn phòng là 74 bộ, máy tính phục vụ công tác giảng dạy 200 bộ.

+ Máy chiếu: 9 bộ

+ Ti vi 75” 1 cái, tivi 55” 18 cái

+ Máy in: 49 cái.

+ Máy photo: 10 cái.

+ Máy scan: 10 cái.

2.2 Phần mềm:

+ Phần mềm quản lý văn bản I – Office của VNPT

+ Phần mềm quản lý tài chính: MISA của bộ tài chính

+ Phần mềm chữ ký số

+ Sử dụng hệ thông email giáo dục của google (@agvc.edu.vn)

2.3 Hệ thống mạng:

- 2 line internet (mỗi line 100Mbps)
- 2 Server HP (pfsense và win server 2008R2)
- 2 Server IBM (win server 2012)
- 1 Thiết bị chuyển mạch trung tâm (Layer 3)
- 2 UPS
- 20 Node mạng

2.4 Hệ thống an toàn, an ninh mạng, bảo mật:

Sử dụng phần mềm diệt virut cho từng máy tính.

An Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hải

Tài liệu Báo cáo hoạt động Tìm hiểu thực tế Chuyển đổi số tại 11 trường cao đẳng đối tác của GIZ được xây dựng và phát triển trong khuôn khổ Chương trình Đổi mới Giáo dục nghề nghiệp Việt Nam, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) hỗ trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) phối hợp Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp Việt Nam.